

Tác Giả và Tác Phẩm

Đồng Sa Bằng

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Mậu Vân. Sinh năm 1956 tại Ba Bình, Quảng Ngãi.
Hiện cư trú tại Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Tuyển tập truyện ngắn: *Dấu chân ngày xưa*



Mục Lục

Người xưa – 2

Khói thuốc – 7

Tan vỡ – 13

Phụ đính I :

**Ai mang hạt nút đi rồi - Chuyện tình con móc – Tôi theo mẹ
Tiếng đàn – Tháng Tư nhớ...tháng Tư - Mùa ếnh ương – Bắn chim**

Phụ đính II :

**Bờ xe nước Quảng Ngãi – Chuyến tàu – Sân trường ngày cuối
Con đé mùa lụt – Chuyến xe ra - Dòng sông đổi chiều – Nhịp cầu đã gãy**

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Người xưa



tranh Bảo Huân

Mới vừa năm giờ sáng chiếc xe khách đã len lỏi dưới ánh đèn mập mờ Sài Gòn, lách qua từng con đường lớn, con đường nhỏ, và âm thầm chạy đi trong giấc ngủ của người dân đô thị. Những bóng đèn vàng vọt, treo lẳng lơ trên đường phố, dường như đã mệt nhoài sau một đêm dài soi đường chỉ lối, bây giờ nhường lại cho ánh nắng bình minh để lui vào giấc ngủ. Chiếc xe đang chạy tự nhiên thảng lại kêu két két, bốn bánh xe vạch đường dài trên mặt lộ, và từ từ dừng lại trước một quán ăn bên lề đường. Trước khi nín thở nó lại xịt cho một tiếng thật to, rồi phun khói đen bay đầy trời. Người tài xế bước xuống đi vào quán ăn, tôi mở mắt nhìn ra ngoài, mặt trời mới vừa ló dạng và chiếc xe cũng mới vừa đến ngã ba Dầu Giây.

Con đường từ đây lên Ban Mê Thuật còn xa quá, tôi mới vừa ló đầu ra xe thì: “Bánh bao đây, bánh bao đây, bánh bao đi chú.” “Bán cho chú hai cái đi.” Tôi cũng chẳng buồn mở cái bánh ra, ngã mình trên ghế xe, tôi thềm giấc ngủ còn hơn đứa bé thềm cây cà lem của mẹ về chợ. Trong nháy mắt tôi lại nghe tiếng rao văng vẳng bên tai: “Miá ghimmm đây, miá ghimmm...” và bao nhiêu tiếng chân người bước đi trong gió.

Năm đó tôi vào lớp mười hai trường Văn Học, ngồi nghe Nguyễn Sa nói về người Sài Gòn mà cười muốn bể bụng. Nhưng tôi đâu có phải người Sài Gòn đâu.

Ngày đó tôi cũng khăn gói, lắt lư chạy theo cha mẹ tản cư nhiều lần lắm, chạy đi, chạy về, rồi lại chạy đi. Nhưng cuối cùng không còn chỗ chạy về nữa nên tôi mới lọt vào cái trường Tư Chánh B này. Những ngày tháng tản cư ngắn ngủi sống ở trường Tư Chánh B tôi thấy vui lắm. Tôi thường lang thang phía sau trường, băng lên khu nhà thương và lên lò bánh mì Chí Thành ở thị xã Quảng Ngãi. Tôi thấy Quảng Ngãi rộng lớn quá, mà tấm thân tôi đến chiếc xe đạp cũng chưa biết cỡi, nên suốt ngày chỉ biết lang quanh ở khu Tư Chánh B này.

Chiều về, những đứa bé tạm cư kéo nhau ra đây sân trường nô đùa chạy nhảy, con gái thì nhảy dây, con trai thì tạt lon. Nhưng rồi cuộc vui nào cũng tàn, những chiếc dép Nhật sức dai, những lon sữa bò móp méo, và những sợi dây thừng đứt tả tơi bây giờ nằm chơi vơi trên sân trường.

Những đứa trẻ theo gia đình mỗi người đi một ngã, còn tôi thì lại trôi dạt vào cái xứ Sài thành. Mà một người tản cư thì tôi cũng như bao nhiêu người con xứ Quảng khác, phải biết đi làm để đóng tiền trường. Tôi phụ và học việc tại một tiệm sửa đồng hồ của một người cùng quê.

Những giờ không có lớp học tôi thường đạp chiếc xe đạp cọc cạch đến tiệm sửa đồng hồ ở Tân Qui Đông. Từ bến đò Long Kiển, Hương Lộ 24, chạy vào một khoảng đường bốn năm trăm thước là khu thương mại bỏ túi. Cái tiệm sửa đồng hồ của anh Ba nằm trong nhà bà Đạt và bên cạnh là tiệm may của mấy người con gái bà Đạt.

Hôm nay có một người thợ may mới về trong tiệm, làm cho không khí tự nhiên ồn ào và náo nhiệt hơn. Những chiếc cuối tuần bên đò Long Kiến trở nên tấp nập hơn, người từ phương xa tay xách, nách mang, những bó hoa, những bộ quần áo thật màu sắc, đổ về ngôi mộ bà Ana trong Tân Qui để tặng bà, và xin một vài điều may mắn gì đó. Hay cầu xin bà cho một con số để chiều nay đánh số đề. Trong số những người đến viếng thăm mộ bà Ana có cả những chàng bạch diện thư sinh, và những tà áo nữ sinh bay phất phới trong gió. Họ về đây để xin bà Ana chứng kiến lòng thành của họ, và cầu xin bà cho thi đỗ kỳ thi này. Nhìn những khuôn mặt khẩn trương, và hớn hờ đi trên đường mới biết niềm tin thật là mãnh liệt! Tôi nguyện cầu cho họ. Ở đâu có đám đông thì ở đó có chợ búa nổi lên. Cho nên bên đò Long Kiến bây giờ cũng mọc lên cái chợ chồm hổm. Cái chợ chồm hổm nhỏ chút vậy mà cũng đông người ghê.

Tôi xuống xe dắt bộ chen lấn đi vào cửa tiệm đồng hồ.

- Để xe dựng dơ quần tui rồi, dơ hết trơn rồi, mất dịch.

- Em nói tui mất dịch hả?

- Hồng lý tui nói tui mất dịch. Thấy quần người ta bị dơ hông?

- À, xin lỗi, đưa đây tui phủi cho.

- Thôi, thôi, đừng có dzô dziên.

- Lần sau em đừng nói qua mắt dịch nghe hông.

- Hí, lần sau, có lần sau nữa sao, thiệt là.

Người con gái có vẻ bực bội, xách cái giỏ đi chợ bước vào tiệm may, nàng không quên quay đầu lại liếc tôi một cái muốn lôi con mắt ra ngoài.

Tôi dắt chiếc xe đến cửa tiệm, dựng ngoài hiên rồi vào trong lấy mấy cái hoá đơn để lên Chợ Củ mua thêm ba đồ phụ tùng về sửa.

Từ đây lên Chợ Củ nếu không muốn đi bằng đò thì phải chạy xe dọc theo bờ kênh Tê để về cầu Tân Thuận Đông, rồi bắt qua đường Trịnh Minh Thế đi lên. Đường đi xa quá nên tôi thường lấy con đò Long Kiến qua cho lẹ.

Đứng bên bờ sông, nhìn chiếc xuồng cập bến tôi lại nhớ con đò An Chỉ ngày xưa. Ngày đó quê tôi nằm bên đây bờ sông Vệ, bên kia bờ là làng An Chỉ. Dọc theo hai bên bờ sông là những cụm tre già ngổn ngang. Từ làng tôi qua làng bên phải đi bằng một con đò, con đò An Chỉ. Từ sáng tinh sương cho đến chiều hôm, ngày nào ông Đàn, ông lái đò, cũng đưa khách sang sông. Con đò ông Đàn đan bằng nan tre, trét dầu rái đen bóng, và lớn gấp ba gấp bốn lần những con xuồng ở bến đò Long Kiến này. Những lúc vắng khách, đò ông Đàn thường cập bến bên cạnh bụi tre già. Rồi một tiếng “ông lái đoooo” từ bên kia sông, là đò ông lái khoan thai rẽ sóng với cây sào bằng tre, dài, từ từ chuyển mình rời bến.

Ngày đó tôi thường theo mẹ trên con đò An Chỉ qua sông cho kịp buổi chợ chiều.

Bây giờ nhìn những con đò chạy bằng máy đuôi tôm lướt mình trên sông, hình ảnh ông lái đò ngày xưa hình như đã chìm lìm trong dòng sông.

Chiếc xuồng đã cập bến, tôi vội vã bước lên xuồng qua Khánh Hội để lên Chợ Củ.

Tôi vừa làm vừa học nghề ở tiệm sửa đồng hồ này cũng gần một năm nay. Anh Ba, người cùng quê tôi, sau ngày chiến tranh, mất làng mạc, anh cũng chạy tứ tung, rồi anh học được cái nghề sửa đồng hồ đầu ngoài Đà Nẵng. Sau này anh vào Sài Gòn lập nên cái tiệm sửa đồng hồ này. Thật sự anh cũng không có vốn để lập nên cái tiệm này đâu, nhưng vì anh có tay nghề giỏi mà ông bà Đạt thì có nhiều con gái lớn chưa có chồng con, nên ông bà Đạt mới đồng ý cho anh Ba đặt cái tủ nhỏ trong tiệm tạp hoá ổng bỏ để sửa đồng hồ, và chỉ cho thằng Lượm con ổng bỏ làm nghề. Vì chỗ cùng quê nên tôi cũng được anh Ba chỉ cho cái nghề này luôn. Một năm sau khi anh Ba dọn về làm ở đây, anh cưới cô Bốn con gái ông bà Đạt làm vợ. Ngày đám cưới tôi làm phụ rể cho anh Ba, tôi nói thôi, đám cưới nó vui tưng bừng, ông bà Đạt mừng có được rể có tay nghề, diu dắt đám con ổng cùng nhau làm ăn. Còn cô Bốn thì mở tiệm may sát nhà luôn. Tiểu hỷ, đại hỷ rồi tân gia hồng phát giống như rồng gặp nước vậy!

Tôi ghé mấy tiệm bán đồ phụ tùng đồng hồ ở gần Chợ Củ, mua ít đồ xong tôi đi thẳng đến trường học luôn.

Chiều về, tan trường tôi lấy xe chạy thẳng về bến đò Long Kiển để qua sông về tiệm sửa đồng hồ. Tôi dựng xe, bước vào tiệm và đưa cho anh Ba những gì ảnh nhờ tôi mua sáng nay. Tôi mới vừa ngồi xuống thì chợt thấy người con gái hồi sáng tôi làm dơ quần cổ, cổ cũng có mặt trong tiệm. Nàng đang nói chuyện với bà chủ nhà, và coi có vẻ thân thiện lắm. Bây giờ tôi mới có dịp nhìn nàng rõ hơn, nàng cũng bình thường như bao nhiêu người con gái khác. Chiếc áo bà ba với mái tóc dài xòa ngang lưng.

Sáng nay tôi bị người ta xô đẩy đụng vào nàng, bây giờ thì gặp nàng ở đây, tôi muốn nhào vô làm quen với nàng ngay. Nhưng tôi không biết mình phải bắt đầu làm sao, nói cái gì? Tôi đành quay qua hỏi anh Ba:

- Cô kia là ai vậy anh Ba?
- Cháu bà chủ nhà đó.
- Có phải cô thợ may sáng nay mới vô đó không?
- Ừ, mà sao hôm nay chú hỏi tui chi kỳ vậy?
- Thì thấy lạ hỏi thôi, anh biết nhỏ tên gì hông?
- Nhị.

Anh Ba người thật thà, hiền lắm, nhưng có cái bệnh nặng tai, cũng vì vậy mà anh sinh ra cái tật nói lớn tiếng, cái gì cũng nói như la làng lên. Người con gái đang nói chuyện với bà Đạt nghe tiếng Nhị liền quay qua chỗ tôi đang ngồi, nàng liếc mắt nhìn tôi một thoáng rồi quay đi. Tôi quay qua nói nhỏ anh Ba:

- La gì to dữ vậy cha nội.
- Hả, chú hỏi tui cái gì?

Ông lại la lên nữa. Khổ quá! Người con gái quay về phía tôi, xong đi thẳng ra về tiệm may luôn. Ông này ông phá bẻ mánh tui rồi, nhưng tui đâu dám nói lớn nói nhỏ gì ông được đâu, ông là ông thầy của tui mà!

Tôi phụ anh Ba chùi dầu cái đồng hồ xong tôi lấy xe ra về. Khi ngang qua tiệm may, tôi liếc vô nhìn nhưng không thấy bóng dáng nàng đâu hết.

Ra tới bến đò Long Kiển trời đã ngã bóng về chiều. Nước sông đang lên, mang theo lục bình, rác rến đua nhau chạy về miệt cầu Rạch Ông. Cảnh người nhộn nhịp của chợ chòm hỏm buổi sáng bây giờ đã vắng chỉ còn lại mấy con đò nằm trên bến đợi khách sang sông. Tôi bước xuống chiếc xuống con. Cái máy đuôi tôm vừa nổ tạch tạch xong là chiếc xuống cũng sắp đưa chúng tôi ra giữa dòng sông. Nhìn những đám lục bình trôi vội vàng trên sông sao tôi lại nhớ ánh mắt và mái tóc xòa ngang lưng của Nhị. Nhưng rồi những con toán, và hình ảnh những bài vở của ngày mai lại xâm chiếm suy nghĩ của tôi.

Ở tuổi này tôi cũng biết mộng mơ rồi. Có những lúc đứng trước những bóng hồng, lòng tôi cũng biết băng khuâng hồi hộp, ước mơ được đi nhau đi dưới những hàng me xanh mát, hay nắm tay nhau đi bên cạnh bờ sông trong những buổi chiều tắt nắng. Nhưng mà thật tế vẫn là thật tế, những bài vở, những kỳ thi, và những lo toan của cuộc đời vẫn luôn hiện hữu trong tâm tư của người học sinh thời loạn.

Những tháng ngày cuối của năm lớp mười hai tôi ít xuống tiệm sửa đồng hồ anh Ba.

Mỗi ngày sau bữa ăn tối, tôi vào căn nhà nhỏ ôn bài cho kỳ thi sắp tới. Thịnh thoảng tôi ghé tiệm anh Ba để mua đồ phụ tùng dùm ảnh. Mỗi lần ghé tiệm sửa đồng hồ tôi thường qua tiệm may của vợ anh Ba chơi. Ngày xưa ít khi tôi vào cái tiệm may này đâu, nhưng từ ngày có người thợ may mới tôi lại thường qua chơi. Riết rồi tôi cũng làm quen được với người thợ may mới này. Nhà Nhị ở tận ngã ba Cây Thị, Gò Vấp, xa quá nên Nhị ở ngụ tại tiệm may vợ chồng anh Ba.

- Sao mấy nay không thấy anh xuống sửa đồng hồ? Nhị hỏi.
- Anh đang học thi không có thì giờ nữa. Hôm nào Nhị về nhà cho anh đi theo với được

không?

- Thôi, anh lo học thi đi, theo em về trên đó làm gì.

- Anh muốn biết chỗ Nhị ở mà.

- Không được đâu, má em biết thì chết em đó.

Quen biết Nhị mấy tháng rồi mà tôi không dám hẹn hò rủ Nhị đi chơi, có lẽ tôi sợ gia đình bà Đạt biết, rồi sẽ đến tai gia đình tôi, và nhất là mẹ tôi. Tôi sợ bao nhiêu công lao mẹ tôi dành cho tôi mà kỳ thi Tú Tài này không đậu thì chắc khổ lắm. Cho nên mối tình thầm kín của Nhị có lẽ chỉ có Nhị và tôi biết thôi.

Còn hai tháng nữa là ngày thi, lúc này tôi tự cảm trại một trăm phần trăm, không còn lên xuống tiệm sửa đồng hồ và cũng không có thì giờ gặp Nhị. Và kỳ thi đó tôi đã đỗ. Ngày đi coi kết quả tôi âm thầm ra đi một mình, khi biết đã đậu tôi vội vàng về báo cho mẹ, và anh chị biết, rồi chạy xuống tiệm may tìm Nhị. Trên đường đi tôi nghĩ chắc Nhị sẽ vui thật nhiều khi biết tôi đỗ kỳ này.

Có lần tôi nhớ Nhị nói: “Anh rán thi đậu đi để khỏi bị xa em. Mấy người thi rớt đi lính hết, xa lắm, biết làm sao gặp.”

Mọi ngày con đò Long Kiển chạy lẹ lắm, sao hôm nay tôi thấy nó chậm quá. Qua bên kia bờ tôi liền chạy như bay vào tiệm may của vợ chồng anh Ba, mọi người vẫn còn đó nhưng sao không thấy Nhị. Tôi hỏi anh Ba thì biết nay Nhị không còn ở và may đây nữa.

Tôi dẫu trong tâm tư một cảm giác thật buồn, nhưng hớn hở vui mừng lúc trước bây giờ chợt bay mất. Tôi hỏi nữa thì mới biết nhà của Nhị trên Gò Vấp bị hỏa hoạn cháy thành than rồi. Nhị phải về trên đó để giúp đỡ má Nhị, tôi nghe thấy buồn cho Nhị và cũng thấy đỡ lo.

Những tháng ngày mệt mỏi học thi bây giờ đã qua rồi, tôi thấy mình thật vui đời, không còn bận bịu gì nữa. Tôi đi tìm Nhị.

Gò Vấp thì rộng lớn, chứ ngã ba Cây Thị thì có là bao nhiêu, tôi nghĩ như vậy. Và tôi đã đến ngã ba Cây Thị. Vợ anh Ba nói Nhị may cho một tiệm may nào đó ở ngã ba Cây Thị. Tiệm nào tôi đâu có biết, vậy là tiệm may nào trên ngã ba Cây Thị tôi cũng thò đầu vào xem, cuối cùng tôi cũng tìm được Nhị. Nhị rất ngạc nhiên, và rất vui mừng khi biết tôi thi đỗ.

Từ buổi hôm đó tôi không còn sợ gia đình bà Đạt biết nữa, và cũng từ buổi hôm đó tôi và Nhị thật vui bên nhau.

Sau ngày tôi vào đại học, những ngày cuối tuần tôi thường lên thăm Nhị. Nhị may cho tôi một bộ đồ bà ba màu nâu, cái áo có hai cái túi. Có những ngày đẹp trời tôi đưa Nhị dạo chơi trong Thảo Cầm Viên.

Mỗi lần lên thăm Nhị ít khi nào tôi gặp người gia đình Nhị lắm. Tôi hỏi:

- Ba em đâu?

- Ba đi bán muối rồi, nhà chỉ có má và em thôi.

Có những buổi chiều, tôi ngồi trên đi-vân nhìn Nhị may áo, những tiếng mưa rơi lách tách trên mái hiên, tôi thấy cuộc đời thật hạnh phúc. Rồi tôi lại ngồi bên em, những cánh tay cuộn tròn với nhau, tôi nghe mùi thơm của tóc và ngoài sân, hột mưa vẫn rơi.

Thời gian trôi qua, mỗi ngày thứ Sáu ra khỏi trường Đại Học Khoa Học tôi chạy lên ngã ba Cây Thị thăm Nhị.

Nhưng rồi chiến tranh đến ngày gay gắt, khắp bốn vùng chiến thuật khói lửa điêu tàn. Và rồi tháng Tư cũng đến, Sài Gòn nằm trong hỗn loạn, trường trại đều đóng cửa, mọi người nhón nháo chạy tứ tung. Tôi cũng ham vui và nghĩ rằng cơ hội để con chim sổ lồng bay xa tìm hiểu và khám phá. Nhưng ra đi bỏ Nhị lại tôi thấy buồn lắm, cho nên vào giờ chót, hay là cái giờ thứ 25 tôi chạy lên ngã ba Cây Thị tìm Nhị.

- Anh đang tìm đường đi ra nước ngoài đó, em đi với anh nhe.

- Ý, không được đâu, còn má em bỏ lại đây một mình sao?

- Thì em nói má đi chung luôn.

- Không được, má em không đi đâu.

- Sao vậy, sao không đi. Người ta đi đầy trời có sao đâu.
 - Nhưng má không đi được. Anh đi một mình đi nha.
 - Ba chết rồi, chỉ còn có em và má thôi, anh sẽ dẫn em và má đi luôn.
 - Em nói không được đâu mà, anh đi một mình đi.
 - Nếu em không đi thì anh không đi đâu, em đi nhe.
- Tôi nằng nệ và nói hết nước miếng nhưng cuối cùng Nhị vẫn nhất quyết ở lại.

Hôm đó trời tháng Tư, không nhiều mây. Tôi ngồi chơi với Nhị cả buổi sáng. Những ngôi làng xa xa ngoài Gò Vấp tiếng súng nổ đi đùng. Nhà chỉ có hai mẹ con nhưng sao tôi không thấy má Nhị đâu hết, có lẽ bà còn đi làm chẳng!

Những lời thăm thiết tôi đã trao cho Nhị, cuối cùng Nhị đi bộ cùng tôi qua một cái gò để ra bến xe Cây Thị. Tôi nói với Nhị nếu Nhị không đi tôi sẽ không đi, nhưng hình như trong lòng tôi đã quyết định. Tôi bước đi bên cạnh, những bước chân thật buồn, tôi sợ có lẽ từ đây sẽ cách xa ngàn dặm cho nên tôi không muốn đi mau. Tôi muốn níu kéo thời gian lại để được gần Nhị thêm vài giờ, nhưng rồi tôi sợ bị trễ chuyến xe. Con đường từ nhà ra bến xe cỏ may ngập lối đi, những bông cỏ may đan đầy ống quần của tôi và Nhị, mà sao nó không đan hai tôi lại luôn! Tôi lên chiếc xe đò trở về Sài Gòn. Nhị đứng đó nhìn tôi, vẫy tay chào. Rồi chiếc xe từ từ lẳng bánh, hình bóng của Nhị xa dần, xa dần trong gió bụi.

Hai ngày sau tôi lên một chiếc tàu Hải Quân, rời Căn Cứ Chuyển Vận Kho 18 lúc 20h10 ngày 29 tháng Tư.

Cũng từ buổi chiều hôm ấy tôi bôn ba bên xứ người. Gia đình và người yêu đã là xa xỉ. Mãi đến hai năm sau tôi mới nhận lá thư đầu tiên của gia đình. Và tôi mới biết ba Nhị không đi “bán muối”, ngoài ra Nhị còn một người chị nữa, nay đã về đoàn tụ, Những thắc mắc tại sao trong những ngày bom đạn má Nhị không có ở nhà, và tại sao má Nhị quyết định không cho Nhị đi với tôi, bây giờ tôi mới hiểu. Và rồi những lá thư kế tiếp, tôi biết Nhị bây giờ đã lập gia đình với một cán bộ miền Bắc.

Vậy là không còn trông đợi gì nữa. Tôi vào trường và tìm quen lẳng bên những thằng bạn “mồ hôi” như tôi.

Đến nay đã 25 năm qua rồi, 25 năm xa nhà, xa quê hương, hôm nay tôi trở lại. Tôi muốn tìm lại dấu chân ngày xưa, những kỷ niệm thật êm đềm mà tôi gói gắm mang theo.

Con đò Long Kiến ngày xưa đưa tôi đến chợ chòm hỏm Tân Qui, và bến xe Cây Thị bây giờ vẫn còn đó, tuy có một ít nhiều thay đổi. Nhưng Nhị không còn ở ngã ba Cây Thị nữa.

Tôi theo đoàn xe du lịch đi Ban Mê Thuộc, du lịch cao nguyên.

Tôi đang mơ màng thì đoàn người trở lại xe sau khi ăn sáng. Những tiếng động đã đánh thức tôi dậy, tôi vừa nhìn ra cửa sổ xe thì: Mía ghimmm đây, mía ghimmm đây... rồi chiếc xe từ từ lẳng bánh.

Hơn một tiếng đồng hồ sau xe đã đến Gia kiệm. Ngôi nhà thờ Thiên Chúa giáo ngày nào vẫn nằm sừng sững bên mặt đường. Hai bên đường là những líp thuốc Lào được phơi ngay hàng thẳng lối. Những quần xanh áo trắng kéo nhau đến trường.

Từ đây xe chạy mãi về hướng cao nguyên, qua con sông La Ngà rồi Định Quán với ba hòn đá chông. Xa xa lên nữa là ngã ba Bão Lộc, và rồi cuối cùng đoàn xe cũng vượt bao nhiêu đèo cao để đến Ban Mê Thuộc. Ở đây du khách đi chơi tứ phía, cỡi voi, cỡi ngựa, vãn vãn. Tôi đứng ngắm những cảnh hùng vĩ của núi đồi cao nguyên mà nhớ lại quê tôi.

Những ngày kế tiếp tôi vào thành phố để tìm người anh, anh Ty, ngày xưa người cùng làng tôi và sau này anh lên dạy học ở đây. Cũng mấy mươi năm rồi mới gặp lại, anh nói thao thao bất tuyệt về những ngày sống chung ở chợ Cây Quéo, Sài Gòn. Rồi anh Ty còn cho tôi biết nữa là anh Ba, người thầy dạy sửa đồng hồ cho tôi cũng ở Ban Mê Thuộc này. Vậy là không hẹn mà gặp, tôi tìm đến gặp anh Ba.

Lâu rồi ai mà không thay đổi, tôi gặp anh Ba trong ngõ ngang và nếu không giới thiệu có lẽ anh cũng không nhìn ra tôi. Anh Ba dẫn tôi đi thăm rừng cà phê của anh, và hỏi tôi rằng:

- Chú về đây để tìm một người phải không?

- Tìm ai đâu, tui chỉ đi du lịch lên đây chơi, và biết anh Ty ở đây, tìm tới thăm rồi lòi ra anh đó chứ tìm ai.

- Thiệt không?

- Nửa, đã nói như vậy rồi mà.

- Được, nếu như vậy thì ngày mai chú trở lại đây gặp tui nghe hông.

- Cái anh này có cái bệnh nặng tai, sinh ra cái tật nói lớn tiếng, rồi mấy năm không gặp, lại sinh thêm cái tật áp áp mở mở này nữa. Có gì thì nói huych tẹt mẹ nó ra đi.

- Không, bây giờ tối rồi, ngày mai chú trở lại đi. Anh cười khúc khích, đưa hai hàm răng khểnh ra trông như cái nạo dừa.

Ngày hôm sau tôi trở lại, anh Ba dẫn tôi đến một tiệm tạp hóa nọ. Đến nơi anh Ba nói:

- Đó, cái tiệm đó có người chú muốn gặp đó. Tui sẽ đợi chú ngoài đầu ngõ kia.

Thế rồi anh đi, bỏ một mình tôi đứng đó, đến đây rồi tôi phải vào cho biết.

Trời nắng quá, tôi đeo đôi kính râm và bước vào cửa tiệm tạp hóa. Một thiếu phụ đứng tuổi đang ngồi trông nôm cửa tiệm bên trong, bên ngoài là một thiếu nữ cỡ tuổi đôi mươi.

Mới vừa thoáng nhìn người thiếu nữ tôi giật mình và sủyt la lên. Trước mắt tôi là Nhị của 25 năm về trước! Tôi không tin con mắt của tôi, Nhị không còn trẻ như vậy đâu. Nhưng sao giống quá! Tôi hỏi người thiếu nữ:

- Cháu tên gì?

- Cháu tên Vân.

Tôi bước vào bên trong mua một ít đồ dùng, đứng trước người thiếu phụ, tôi hỏi:

- Chào cô, cô buôn bán đây lâu chưa?

- Từ năm 75 tới giờ anh. Anh người ở đâu, hình như không phải ở vùng này. Anh tên gì?

- Tui người nơi xa đến đây thăm chơi. Tên tui là Vân. Chị có quen ai tên Vân không?

- Vân. À có. Nhưng lâu rồi không biết anh ở đâu.

Người thiếu phụ nhìn tôi rồi quay qua người con gái:

- Vân, con vô gọi ba về ăn cơm đi con.

Đúng rồi, đây là Nhị, giọng nói đó, khuôn mặt đó, tuy thay đổi nhiều nhưng làm sao tôi quên được!

Nhưng buồn thay, nàng không nhìn ra tôi!

Tôi bước ra ngoài mua năm ba viên kẹo, viết lên miếng giấy nhỏ vài lời và gọi người thiếu nữ lại. Trao cho cô tờ giấy gói một nửa viên kẹo, bảo cô trao dùm cho má cô, rồi tôi bước ra cửa tiệm.

Một lát sau, tôi đã đi gần khuất bóng, tôi quay lại thì thấy, người thiếu phụ đứng ngóng theo.

Người con gái hỏi: “Chú ấy nói cái gì với Má vậy?” Người thiếu phụ không trả lời mà chỉ đưa tờ giấy gói nửa viên kẹo cho người con gái:

“25 năm về trước, ngã ba Cây Thị, hai người hôn nhau và cắn vỡ viên kẹo cho mỗi người một nửa.”

“Tên của con là tên của người ấy.” Người thiếu phụ nói nhỏ rồi bước vào bên trong.

Khói thuốc

Mỗi sáng Chủ Nhật hẳn thường ra cửa tiệm sửa xe để phụ người anh làm những chuyện lật vạt. Hôm nay cũng không ngoại lệ, hẳn thức dậy ra quán cà phê mua ly cà phê đen, và năm điều thuốc lể, thuốc Capstan đang hoàng; Hẳn mê mùi thơm của điều thuốc Capstan. Về đến tiệm hẳn lôi chiếc ghế đặt trước cửa ngồi ngâm nga ly cà phê. Hẳn chiêm điều thuốc thổi thành những vòng tròn bay lơ lửng trong không gian, nhìn người ta đi đi lại lại trên đường.

- Long, mày ngồi đó xem có ai đem xe vào kêu tao nghe hông. Coi chừng ba đồ nghề đó . Anh của hấn - Hạnh, nói thế.

- Anh đừng lo, có tui đây, ông nội nào dám rờ tới tui cho nó cái mỡ lét liền!

Hấn đang ngồi mơ mơ màng màng với khói thuốc.

- Anh sửa dùm cái xe cho em đi.

Hấn giật mình nhìn lên thấy người con gái mặc áo dài trắng, trên ba ga đeo vài cuốn sách. Hấn nói thầm trong bụng: "Lại học trò nữa rồi".

- Sửa dùm thì anh không sửa đâu, nhưng có cái gì thì anh sửa cho.

- Ủa, thì sửa đi rồi muốn cái gì em trả cho, làm gì dữ vậy, thấy ghét.

- À, mà xe em hư gì?

- Cái này nè, cái thắng của em nè.

- Để anh xem thử coi.

Hấn nắm lấy chiếc xe đạp của người con gái, dựng cái chân lên rồi đạp một cái thật mạnh. Hấn thắng lại một cái, cụp! Bánh xe sau đứng yên. Hấn để xe xuống, nhìn đi nhìn lại chiếc xe: "Chắc là cái thắng trước". Một tay hấn nắm lấy cái bi đồng nhấc bánh trước lên khỏi mặt đất, tay kia hấn quay một cái thật mạnh, bánh xe chạy ro ro, hấn bóp cái phanh lại, cụp! Bánh xe trước đứng yên. "Lạ nhỉ, thắng xe cạp còn ngon hơn cái răng hô của nhỏ mà sao bảo sửa cái gì kia!" Hấn lăm bắm trong miệng.

- Em đợi đây một tí nhé.

- Ủa.

Hấn đạp chiếc xe một vòng xong quay về. Hấn dựng chiếc xe lên và quay lại nhìn người con gái. Nàng ngồi khúm núm trên cái đôn nhỏ, tay ôm mấy cuốn sách nhìn hấn với nụ cười tủm tỉm và đôi mắt long lanh, tinh nghịch. Nàng đến bên cạnh hấn, nói thật nhỏ:

- Xe em đâu có hư gì đâu, anh rãnh hông đưa em đi chơi đi.

Thoáng liếc nhìn người con gái, hấn bỗng nhiên thấy lung túng. Bất ngờ quá. Khuôn mặt quỉ quái, nghịch ngợm ngày nào của hấn sao hôm nay biến mất. Hấn cảm thấy có một luồng gió chạy trong người với một cảm giác hấn chưa từng có. Tự nhiên hấn cảm thấy mặt mình thật nóng và gương mặt hấn lúc đó chắc đỏ lúm. Người con gái quay mặt đi chỗ khác, nàng mân mê tà áo có vẻ vội vã muốn bước đi.

- Mười hai giờ trưa mai anh đợi em ở đây nhé.

- Em chờ anh trên kia kia. Nàng chỉ tay về phía trước.

- Em tên gì.

- Nga.
- Anh tên là...
- Em biết rồi. Nhớ chiều mai nha.

Nàng bước đến chiếc xe đưa mắt nhìn hấn. Nàng đạp xe chạy về cầu Tân Thuận Đông. Đi trong vội vã, nàng quên buộc tà áo sau vào ba ga, để vạt áo bay phát phơ trong gió, xa xa nàng quay đầu nhìn lại.

- Uí cha, vui quá, vui quá. Hấn la lên với niềm sung sướng.
- Mà làm gì mà la om sòm vậy mà, nỗi chứng gì nữa đây? Hạnh hỏi thế.
- Không, không nỗi chứng gì hết. Hôm nay phụ sửa xe, anh phải trả tiền công cho tui đó.
- Trả cho mày cái cù loi nè, bày đặt.
- Cũng được, không cho tiền thì tui bán mấy cái mỡ lét này kiếm tiền đi chơi!

Hạnh chỉ nhìn hấn với nụ cười.
Hôm đó hấn thật vui. Hấn sửa xe mà mắt cứ ngó bên kia đường như tìm một cái gì.
Hấn lẩm bẩm trong miệng: “Nga? Nga? mà sao nhỏ biết tên mình kia? Thôi kệ, ngày mai thế nào cũng biết. Nhưng ngày mai, ngày mai đi đâu đây, nói gì đây.”
Lần đầu tiên người con gái hẹn đi chơi với hấn.

Hấn thấy ở mọi người con gái đều có một cái gì đó mong manh, nguy hiểm mà những gì trên thân thể của họ đều là những điểm bất khả xâm phạm. Hấn nhớ cách đây không lâu, trong một buổi song đấu giao hữu với một nữ võ sinh ở võ đường Odohwan. Người võ sinh ấy tấn công hấn tới tấp, không phải hấn đỡ đâu, nhưng tấn công lại chỗ nào đây? Hấn không tìm thấy một nơi nào trên người con gái kia có thể tấn công được. Vậy là hấn cứ chạy lòng vòng đỡ đòn cho hết giờ. Nhưng đối thủ dữ quá, cứ bám sát vào hấn tấn công tới tấp. Hấn liền đưa tay đỡ nàng ra, không ngờ bàn tay hấn chạm vào một chỗ, thấy mềm nhũn, hấn vội rút tay về. Hấn ngỡ ngàng quá và mặt đỏ gay như gã say rượu. Đối thủ hấn cũng thế, mắc cỡ và giận lắm. Hấn đứng xui tay và định nói xin lỗi, nhưng không kịp nữa, nàng liền tung chân đưa một vòng vào vai hấn, đau nhói, hấn lảo đảo thì có tiếng vỗ tay chấm dứt trận đấu. Hấn thoát nạn.

Hôm sau hấn phụ mở cửa tiệm với Hạnh xong hấn đèo mấy cuốn sách lên ba ga, phóng xe chạy lên bùng binh Tân Thuận. Hấn đứng nhìn láo liên một hồi thì chiếc xe đó, tà áo trắng đó, và người con gái ngày hôm qua bỗng hiện ra.

- Anh đến đây sớm quá hén.
- À, mà bây giờ đi đâu đây?
- Thì cứ đi đi, em đứng đây lâu quá ba em mà thấy thì chết em đó.

Thế là hấn đạp xe đi bên cạnh, vừa đi vừa nhìn qua nàng. Đi qua khỏi đường Trịnh Minh Thế hấn quẹo mặt ra bên Bạch Đằng xong hấn bắt vào Hai Bà Trưng rồi đổ vào đại lộ Thống Nhất. Đến cuối đường Thống Nhất hấn thấy những tà áo xanh lơ ôm cặp đi trên đường. Hấn dừng

xe lại:

- Nga biết mấy nhỏ này đi đâu hông, vào trường Trưng Vương đó.

- Nga biết rồi. Hôm nay anh và Nga vào trường này học lớp động vật nha.

- Được, vào đây mình học nghề đám con cháu của Tề Thiên chơi.

Hôm đó hấn cúp cua đi chơi với người đẹp suốt ngày trong sở thú.

- Em mỗi chân rồi, anh kiếm chỗ nào ngồi đi nha.

- Mình đến gốc cây kia ngồi cho mát nhe.

- Ủa, đi.

- Mà sao Nga biết tên anh?

- Hỏi làm gì, miễn sao em biết là được rồi. Mà em biết năm nay anh học lớp mấy nữa kì.

- Lớp mấy? Hấn hỏi.

- Đệ Nhị, phải hông? Nhưng mà anh học ban gì vậy?

- Nhị B.

- À! thì ra anh sắp là Đệ Nhất toán đó hả.

- Em biết đùa quá hả, còn em, lớp mấy?

- Đệ Tam.

- Đệ Tam mà biết yêu rồi! em giỏi quá hén.

- Bộ anh chưa nghe bài thơ Đi Chùa Hương hả? Mấy ông học toán của anh dở ẹt. Thôi để em ngủ một chút nha.

Nàng ghé đầu tựa lên đùi hấn, mắt lim dim mơ màng. Lần đầu tiên một người con gái tựa người hấn ngủ, hấn thấy hạnh phúc vô cùng. Hấn nhìn nàng say đắm. Nàng có đôi môi đỏ mọng và khuôn mặt sáng ngời. Bây giờ hấn mới biết tình yêu là như thế, nó đến bao giờ không hay. Nó đến quá vội vàng và thật ngây thơ. Hấn lấy chiếc áo choàng đắp lên nàng, và rồi hấn cũng muốn thám hiểm một lần cho biết, hấn cúi xuống hôn nhẹ lên vầng trán của nàng.

- Úi chà, anh bắt chước mấy con khỉ kia hồi nào mà giỏi vậy.

Thế rồi nàng bá lấy cổ hấn.

Hấn lấy điều thuốc ra đốt.

- Anh hút thuốc hạ.

- Ừ, anh hút thuốc.
- Thuốc gì vậy, cho em xem đi.
- Thuốc Capstan, mà em xem làm gì? con gái đâu có hút thuốc.
- Anh biết Capstan là gì hông?
- Là gì?

Nàng ghé tai hắn nói những lời thì thầm nho nhỏ.

- Nhột quá. Ai bày em vậy, thiệt hết biết em luôn.
- Em nghe anh em nói, kể anh nghe chơi cho vui mà.
- Thôi, chiều rồi mình về nhé.

Rồi từ đó thỉnh thoảng hắn cúp cua đi chơi với Nga. Tình cảm càng ngày càng sâu đậm. Những buổi chiều Nga thường mang sách vở ghé nhà nhờ hắn chỉ bài. Nhưng nàng có học được gì đâu!

Năm ấy mùa hè đỏ lửa, chiến trường sôi động khắp nơi. Ngày nào ra-đi-dô cũng loan tin quân ta chiến đấu anh dũng, đã đẩy lui quân địch ra khỏi nơi này nơi nọ. Địch quân đã bỏ lại bao nhiêu xác chết ở chiến trường và quân ta tịch thu được nhiều súng ống, cùng quân trang quân dụng, vân vân và vân vân...Người anh lớn của hắn gia nhập Dân Vệ nay đã giải ngũ, hắn còn một người anh đang là sĩ quan tác chiến ở vùng I. Ở nhà bây giờ chỉ còn có hắn và Hạnh là lớn. Mấy đứa em của hắn còn nhỏ lắm, cũng đang cấp sách đến trường. Quê của hắn ở miền Trung.

Từ mùa xuân năm đó, khói lửa chiến tranh đã đốt rụi quê hương của hắn, và cũng từ mùa xuân năm đó hắn rời khỏi quê hương. Có những đêm ngồi học bài bên song cửa, nghe tiếng hát từ cái ra-đi-dô nhà bên cạnh: “Quê nó ngoài kia, từ lâu lắm chưa được về...” tự nhiên hắn thấy buồn và nhớ quê hương, những thằng bạn cũ.

Thời đó có mánh bằng Tú Tài toàn phần là ngon lắm, nếu vào quân đội hắn sẽ được vào trường sĩ quan như Thủ Đức hoặc võ bị Đà Lạt. Những ngày nghỉ phép hay những ngày cuối tuần hắn sẽ mặc bộ đồ sĩ quan về thăm nhà, và đưa người yêu đi dạo phố. Nhìn màu sắc của bộ đồ sĩ quan hắn thích lắm, nhất là những khi đến đón người yêu trước cổng trường, nắm tay nàng đi dạo dưới những hàng cây me. Chỉ có vậy thôi mà hắn quyết chí học. Cái xã hội ngày đó chỉ cho hắn cơ hội một lần thôi, nếu kỳ thi đến mà hắn rớt thì coi như đời hắn tàn rồi, bao nhiêu ước mơ của hắn chỉ trôi vào kỳ thi Tú Tài đó. Nếu rớt Tú Tài thì hắn chỉ có cái cánh gà đeo tòn ten trên vai, buồn lắm.

Những buổi chiều sau khi ăn cơm tối, hắn lại trở vô căn nhà nhỏ Me hắn dành cho hắn ở học. Bây giờ căn nhà nhỏ đó lại thường xuất hiện bóng dáng Nga bên cạnh hắn. Nga rất xinh và vui tính lắm, những lúc bên cạnh Nga hắn cũng thấy đời mình thêm hương vị, cái thú hương vị của tình yêu tuổi học trò. Nga thương yêu hắn nhiều lắm, nhưng không vì thế mà hắn vượt cái giới hạn của ngàn xưa để lại. Nga rất những nhẽo, hắn đã thương yêu Nga từ ngày đó và thường chiều chuộng Nga. Hôm nay Nga đến học và Nga hỏi hắn:

- Quý Tích những điểm cách đều một đường thẳng một đoạn R là gì hở anh?

- Là hai đường thẳng song song cách nhau Rờ đó.
- Không, em không chịu đâu. Hai đường thẳng song song làm sao gặp nhau được.
- Gặp nhau ở vô cực.
- Gặp nhau ở vô cực thì chết em rồi. Vậy em hỏi anh: Quý Tích những điểm cách đều một điểm sát rạt nhau, như một centimet, là gì?
- Là một vòng tròn có bán kính một centimet.
- À! hay quá, em làm Quý Tích đó của anh nha.
- Vậy thì thôi, anh làm cái túi đi đâu mang em theo đó cho xong hả!
- Hồng được đâu, hồng biết, bắt đền anh đó.
- Lại bắt đền nữa.
- Ủa, anh dẫn em đi ăn kem đi. Không thì em khóc cho mà coi.
- Thôi thôi, được rồi, anh sợ nước mắt con gái lắm.

Sau này hấn không còn ra phụ Hạnh sửa xe nữa. Hấn được một người bạn giới thiệu một chỗ dạy kèm dưới Nhà Bè. Mỗi tuần ba buổi hấn đạp xe đạp xuống Phú Xuân, Nhà Bè để dạy kèm cho mười đứa học trò. Chiếc xe đạp cộc cạch của hấn rất độc đáo: không vè, không thắng, cái sườn đồng đồng. Những ngày mưa đổ thì thôi, quần áo hấn trước sau đều có hai lần sinh không là sinh. Mỗi lần muốn thắng nó lại là hấn đưa cái chân ép vào cái phuộc trước, rè rè, vậy là chiếc xe đứng lại. Nhưng không phải lúc nào nó cũng đứng lại như ý hấn muốn đâu. Hôm đó hấn gặp xúi quẩy, hay gặp đàn bà gì đây! Hấn thả dốc chạy từ trên cầu Tân Thuận xuống, khi đến chân cầu thì mấy ông cảnh sát ra đường thổi tô húyt chặn hấn lại xét giấy. Hấn rà bàn chân vô cặp phuộc trước, rè rè, nhưng trễ rồi, hấn đâm vào viên cảnh sát!

- Cháu xin lỗi chú, cái thắng xe cháu bị hư.

Viên cảnh sát nhìn hấn:

- Xe cậu có thắng đâu mà hư. Cậu vô đây.

Hấn dắt xe dựng bên lề và theo viên cảnh sát.

- Giấy khai sinh cậu đâu, đưa đây coi.

Hấn lính quýnh lục lọi trong cái bóp tìm giấy khai sinh, không ngờ một tấm hình rớt xuống đất. Hấn chưa kịp lượm lên thì viên cảnh sát đã nhặt tấm hình.

- Từ đâu cậu có tấm hình này?

- Dạ, người bạn cháu tặng.

Viên cảnh sát xem khai sinh của hắn một hồi xong nói:

- Cậu lớn thế này mà chỉ có mười bảy tuổi sao?

- Dạ, cháu mười bảy tuổi.

- Cậu lên xe kia đi.

Viên cảnh sát giữ khai sinh của hắn và tấm hình. Hắn trèo lên chiếc xe Jeep mà lòng ngổn ngang trăm mối, không biết tại sao mình bị bắt về bót. Thế rồi người ta ép cho hắn cái tội dùng khai sinh giả và đưa hắn lên trung tâm huấn luyện Quang Trung. Ba tháng sau, trong ngày làm lễ mãn khoá, người ta gắn trên vai hắn hai cái cánh gà. Hết rồi, giấc mơ được mặc bộ đồ sĩ quan về đón em trước cổng trường và đi dưới hàng cây me, bây giờ hết rồi! Ngày mãn khoá hắn về thăm gia đình trước khi lên đường ra tiền đồn, tình cờ hắn gặp lại Nga trước cửa tiệm sửa xe của anh hắn. Nga chụp ôm hắn và khóc nức nở:

- Em xin lỗi anh, Ba em đã bắt lầm anh rồi!

- Sao em biết?

- Một hôm tình cờ em thấy tấm hình em tặng cho anh nằm trong bóp Ba em, em hỏi thì Ba em nói lấy lại từ một người con trai. Em biết đó là anh.

Những đêm ngồi gác ở tiền đồn, hắn đốt điếu thuốc Capstan mà nhớ lại có lần Nga nói: "Capstan: Chiếc Áo Phong Sương Tặng Âm Nàng." Không biết giờ này Nga đang làm gì? Khói thuốc tan dần trong màn đêm.

Tan vỡ

Những buổi chiều, sau khi ăn cơm xong, tôi thường ra ngồi trước cửa nhà nhìn băng quơ cảnh vật bên đường. Con đường trước nhà lúc nào cũng rộn ràng, nào người, nào xe cộ, chạy lên chạy xuống tấp nập, cùng với tiếng máy nổ, tiếng còi xe và bụi bặm bay mù mịt suốt cả ngày. Chiều về, đó đây vài căn nhà trên mặt lộ bắt đầu nhen nhói những bóng đèn, và những ngọn đèn đường không hẹn mà cùng nhau bừng sáng. Những chiếc xe muộn màng đang vội vã cho kịp giờ cơm tối gia đình, để lại trên đường những cụm khói rời rạc. Một ngày sắp đóng cửa, và ngoại ô buồn cũng sắp đi vào giấc ngủ. Tôi đứng lên và đi lại cái quán nhỏ bên đường.

- Cà phê đen có đường cho anh đây.

- Cám ơn Nguyệt nhé.

Nàng nhếch nụ cười nhỏ và bước vào bên trong. Tôi ngồi bên cạnh cửa sổ nhìn ra đường, lâu lâu nhìn vào quầy pha cà phê, tôi lại bắt gặp ánh mắt nàng, và rồi ánh mắt đó lại vội vàng quay đi.

Từ lâu lắm rồi, chiều nào tôi cũng ra cái quán nhỏ bên đường này, quán Minh Nguyệt, và lần nào tôi cũng chỉ gọi mỗi một ly cà phê đen có đường. Riết rồi bà chủ quán và người con gái - Nguyệt - không còn thèm hỏi tôi dùng gì khi tôi đến, mà khi thấy tôi ngồi xuống bàn là Nguyệt lại đem ly cà phê đen có đường ra cho tôi. Không bao giờ nhầm lẫn. Nhưng có một buổi chiều, một người khách vào quán, thoáng nhìn, nàng lại mang ly cà phê đen có đường ra cho khách.

- Cô ơi, tôi đâu có gọi cà phê đâu!

- Ủa! Sao hôm nay anh không uống cà phê nữa sao?

- Không, tôi không bao giờ uống nổi cái thứ này, đắng lắm.

Nàng nhìn kỹ người khách:

- Ý chết, em lộn rồi, xin lỗi anh, anh giống một người lắm. Anh muốn dùng gì?

Những tháng ngày kế tiếp tôi vẫn đi uống cà phê. Riết rồi tôi trở thành người khách độc đáo của quán Minh Nguyệt. Có những chiều tôi ngồi trầm ngâm bên tách cà phê đen. Hương vị ly cà phê rất đắng, nhưng tôi không còn cảm giác cái đắng của ly cà phê mà hình như tôi đã say đắm một cái gì đó. Một cái gì vô hình, rất gần mà sao thấy xa vời vợi.

Một hôm tôi đang thả hồn mơ màng qua khói thuốc thì nàng lại vắn máy lên, vắn vắn bên tai tiếng hát thật buồn: "Thức trọn đêm nay để nhớ thương em..." Tôi nhìn vào thì lại bất gặp ánh mắt nàng quay đi. Tiếng hát đã làm lòng tôi chùn xuống, nhưng ánh mắt nàng đã cho tôi một niềm vui, một niềm vui không thể tả. Tôi bước đến trả tiền:

- Tiếng hát hay nhưng buồn lắm, Nguyệt có biết không?

- Em nghe hay chứ có thấy buồn đâu, bộ anh thấy buồn hả?

- À buồn lắm, mà không biết Nguyệt có biết anh buồn gì không?

- Em biết chứ.

- Nguyệt biết! Nguyệt biết anh buồn về chuyện gì hả? Tôi vui mừng.

- Em chỉ đoán thôi. Ngày mai anh có đến đây không?

- Nguyệt có đợi không?

- Em là người bán quán mà, lúc nào cũng đợi hết, chỉ có người khách thôi, họ đến và đi lúc nào lúc nào không biết.

- Ừ, em nói cũng đúng, nhưng biết đâu có người khách muốn chôn chân đây luôn thì sao.

Thôi, ngày mai nhé.

Tôi chào nàng và lặng lẽ bước ra khỏi quán; vắn vắn sau lưng tiếng hát lại thoảng bên tai: "Tay trắng, anh nào mơ với mộng, nên tình hai đứa vẫn chưa yên..." Bước chân tôi vẫn in đều trong bóng tối.

Đã từ lâu tôi muốn nói với Nguyệt một điều mà sao thấy ngại quá! Nhưng bây giờ Nguyệt nói đã hiểu nỗi buồn của tôi rồi, không biết có thật không?

Ngày đó, ngày quê hương không còn chinh chiến, mọi nhà được sống trong thanh bình, nhưng tôi lại thấy mình mất đi một cái gì rất lớn. Những người anh của tôi đã biến biệt ra đi. Rồi kế tiếp là những cuộc đánh tư sản, bây giờ gia đình tôi đang lâm vào cảnh cơ hàn. Cuộc sống lúc này khó khăn quá, tôi không còn lựa chọn nào khác bằng con đường rời ghế nhà trường.

Không còn đi học nữa tôi cũng ít ra quán Minh Nguyệt. Tôi lao vào đời bằng cái nghề bán chim. Một buổi chiều trên phố:

- Anh bán chim gì đây?

- Đủ loại chim hết cô ơi, cô muốn mua chim nào? Tha hồ lựa đi.

- Em muốn mua chim nào béo kia.

- À ở đây có hết, chim gầy chim béo, chim mới mọc lông, chim có lông đầy đủ cũng có hết, cô xem đi.

Vậy là cô hàng trẻ của tôi thò tay vào lồng mà lựa chim. Cổ bóp hết chim này đến chim kia, còn vạch lông ra xem nữa! Thấy tội mấy con chim quá, tôi nói:

- Em bóp nó vừa vừa thôi, bóp nhiều quá chim anh chết hết.

- Trời ơi, phải cho em bóp mới lựa được chứ. Anh khó quá em không mua đâu.

- Cái thứ mắc dịch, chim người ta đem ra đây bán chứ bộ để cho em bóp chơi hả, em bóp

chim tui toi bời như thế này rồi không mua, coi có được không.

Tôi đang ngồi cầu nhàu than phiền người khách trẻ:

- Không có tiền mà bày đặt làm phách đi rờ chim người ta, hứ.
- Ai nói anh tui không có tiền, tự chim anh dỏm quá tui không thèm mua đó thôi.
- Dỏm sao, chim tui dzầy mà dám chê dỏm hả?
- Coi kià, chim gì mà gặt gà gặt gù, ngóc đầu lên không nổi kià.
- À, thì đem về cho nó ăn no, nó ngóc đầu lên nó hót cho mà nghe.
- Trời ơi! Tui đi mua chim về làm thịt chứ mua về nuôi đâu, anh hai!

Tức mình quá tui ngồi bệt xuống đất, để chim đó ai muốn xem thì xem. Rồi người đi đường bu lại mỗi lúc một đông.

- Ủa, anh Phong, anh làm gì ở đây?

- Nguyệt hả, Nguyệt đi đâu đây.

- Em đi công chuyện cho Ba em, sao mấy hôm nay không thấy anh ra uống cà phê. Anh làm gì đây?

- Anh đi bán chim.

- Ủa! dzậy hả, để em xem chim anh thử coi.

- Thôi, không được đâu, Nguyệt mà ở đây kỳ lắm, không được đâu, em về đi nha.

Từ ngày đi bán chim tôi sợ Nguyệt bắt gặp lắm. Đứng trên đường phố bán từng con chim để sống, làm sao tôi gặp Nguyệt được! Nguyệt là con bà chủ quán, còn tôi, tôi chỉ có mấy con chim! Ngày này ở góc đường này, ngày kia ở góc đường nọ.

Tôi không mơ mộng đâu. Nhưng tôi đã thắm yêu em.

Bây giờ Nguyệt đã biết tôi đi bán chim trên hè phố, không biết nàng nghĩ gì về tôi. Có những ngày tôi lạng lẹ chạy xe về miền Tây mua chim về bán, chiếc xe cộc cạch chở đầy chim. Con đường dài và gồng ghềnh tôi đã thấy mệt mỏi. Nhưng biết làm sao đây, khi cái xã hội mà mọi người phải tự làm để nuôi bản thân, mà nhiều khi không đủ nữa. Cho nên những đứa bạn tôi cũng chẳng đứa nào nghĩ đến chuyện lập gia đình, bản thân nuôi chưa nổi, còn đèo bồng được ai.

Quê hương tôi là thế đó! Không biết đỉnh cao trí tuệ của những người lãnh đạo có bao giờ nghĩ đến không.

Mấy năm sau tôi nhận được lá thư của người anh ra đi ngày nào. Thư nói rằng giấy bảo lãnh cho tôi anh đã làm gần xong.

Tôi vui mừng hết lớn. Tôi nghĩ một ngày nào đó tôi sẽ thoát khỏi cảnh nghèo và biết đâu tôi lại được ôm sách đến trường như ngày xưa.

Hôm nay bán được mấy con chim, tôi về sớm và ra quán Minh Nguyệt. Nguyệt lại mang ly cà phê đen ra cho tôi. Tôi nói:

- Nguyệt cho anh tí sữa đi, bây giờ không còn đi học anh không uống cà phê đen nữa đâu.

- Anh đi bán chim vui hông? Sao anh không cho em biết?

- Vui thì cũng vui, nhưng mệt lắm. Mình đem chim ra người ta dỏm, người ta bóp hoài mà ít ai mua lắm. Nhưng mà nhờ mai này anh không còn ra đây nữa Nguyệt có buồn không?

- Anh đi đâu mà không ra đây?

- Anh sẽ đi xa làm ăn. Bán chim hoài cũng buồn lắm.

- Anh nói đùa thôi, chứ đi đâu bây giờ.

- Anh chỉ nói nhờ thôi mà. Thôi anh phải về cho chim ăn nhe.

Tôi vẫn tiếp tục chạy lên chạy xuống miền Tây mua chim về bán.

Tôi không còn bán chim lớn nữa mà tôi chỉ bán những con chim nhỏ nhỏ cho người ta mua để phóng sinh. Nhìn những con chim được phóng sinh, bay đi, tôi nguyện cầu cho nó đừng bị người ta bắt lại nữa.

Lắm khi nhìn thấy những con chim bay tự do trên bầu trời mà tôi ước mơ. Ước mơ mình được như con chim ấy.

Tôi thường đứng bán tại chùa Vĩnh Nghiêm, khách viếng thăm chùa cầu nguyện, mua chim để phóng sinh và làm một việc thiện, họ không cần phải dày vò chim và cũng không cần biết chim mập chim ốm làm gì.

Nhưng lạ thật, tôi không muốn Nguyệt bắt gặp tôi đang lúc bán chim thì nàng lại cứ đi tìm tôi lúc bán chim!

- Anh bán cho em mấy con chim đi.

- Trời ơi! Nguyệt đến đây làm gì, mà Nguyệt mua chim để làm chi?

- Thì em mua chim để phóng sinh và để nguyện cầu chứ làm gì.

- Nguyệt nguyện cầu gì vậy?

- Thôi nha, chuyện bí mật người ta mà anh hỏi hoài chi dzậy. À mà hôm nọ anh nói anh đi xa có thật hông?

- Buồn quá nên nói đùa một chút cho vui chứ biết đi đâu bây giờ.

- Em thấy bán chim cũng vui lắm đó, thôi em về nhe.

Rồi một hôm tôi nhận được lá thư từ sở di trú. Tôi được mời đi phỏng vấn để lập hồ sơ xuất cảnh.

Một niềm vui thật lớn xuất hiện trong tôi. Những tháng ngày nhọc nhằn chạy lên chạy xuống con đường gồ ghề mua chim về bán chắc sẽ không còn nữa. Tôi tưởng tượng một ngôi trường thật xinh xắn, để hằng ngày tôi cắp sách đến trường.

Một tháng sau tôi đi khám bệnh tổng quát. Trước ngày nhận kết quả tôi chạy về tìm Nguyệt, nàng thoáng hiện nét buồn khi biết tôi sắp ra đi.

- Anh qua đó rồi, nhớ viết thư về cho em nhe.

- Nhớ mà, tuần nào anh cũng sẽ viết thư về cho Nguyệt mà.

- Thôi xạo đi, tuần nào cũng viết, thiệt hông đó?

- Anh nói thiệt mà, nhưng không biết Nguyệt có hỏi âm cho anh không?

- Có chứ.

- Thôi anh phải về đi bán mấy con chim đã.

Tôi rất vui mừng. Ngày xưa Nguyệt nói đã hiểu nỗi buồn của tôi, bây giờ tôi biết đó là sự thật. Qua đó tôi sẽ ráng học, một hai năm sau tôi sẽ trở về thăm Nguyệt, rồi thì ai biết chuyện gì sẽ xảy ra ...

Đến ngày đi nhận kết quả khám bệnh tổng quát, người Bác Sĩ gọi tôi vào phòng và hỏi:

- Từ trước đến giờ trong gia đình em có ai mắc chứng bệnh nan y nào không?

- Thừa Bác Sĩ, sao Bác Sĩ hỏi vậy?

- Em đang bị ung thư bao tử, ngoài ra em còn bị nám phổi nữa nên hồ sơ khám bệnh của em rớt rồi.

Tôi bước ra khỏi phòng mạch với cõi lòng đen tối. Ung thư bao tử! Những lời nói ấy đã làm sụp đổ những ước mơ bình thường của tôi.

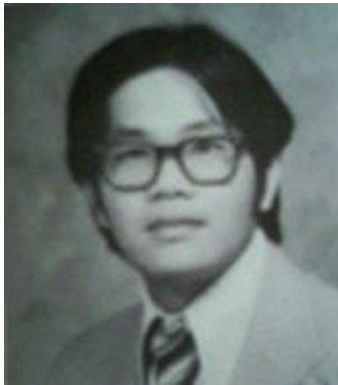
Ngày xưa Ba tôi cũng vì căn bệnh này mà ra đi vĩnh viễn, bây giờ tôi còn được bao lâu đây! Tôi vứt bỏ những mảnh giấy trong tay, cho bay, bay thật cao trong vòm trời, quên lãng. Bây

giờ ở trong tôi như một cánh chim, nhưng không còn bao lâu nữa nó cũng sẽ được phóng sinh đi, như những con chim mà có lần Nguyệt cho bay xa, thật xa.

Lâu rồi tôi không trở lại trường xưa. Hôm nay ngôi trường thật bình yên, không bóng người, không tiếng động, chỉ có bước chân tôi và chiếc lá, đang rơi rụng.

*Sao anh không về thăm phố cũ
Hôm nhỏ đường xưa rũ rượi chờ
Cột đèn thờ thần mấy đêm thâu
Mòn mỏi chờ ai bóng đã mờ.*

Phụ đính:



Ai mang hột nút đi rồi

Khi vừa lớn lên, biết đi rong trong xóm, hái trộm xoài, ổi của thiên hạ là tui biết “huýnh” lộn rồi. Tui không to con lớn tướng hơn ai, nhưng ai chọc tức tui là tui nhảy vào “huýnh” liền. Cho nên lúc đó mặt mũi tui thường có những vết trang điểm bất đắc dĩ. Có lần thằng Phúc con ông Mau bán cá, to con hơn tui nhiều, nó chọc tui, tui “huýnh” nó, nó “huýnh” tui. Tức quá hôm sau tui thừa lúc nó không để ý, tui đè đầu nó vào giữa hai song cửa sổ nhà trường, thụi cho nó một hồi, thả ra, thấy trên trán nó có hai lần thằn bằn, tui bỏ chạy. Những ngày học trường tiểu học Nghĩa Thành, không hiểu tại sao mà dường như tuần nào tui cũng lâm trận. Có lúc phục kích tui nó trên những đám đất cày, rồi chọi đất nhau tưng bưng. Những giờ ra chơi đập lộn với mấy thằng ở Thuận Phong bị ông hiệu trưởng Nguyễn Ngọc Anh cho thụt dầu đừ đầu gối, nhưng vừa đứng dậy thì thấy ngứa ngứa tay chân....

Rồi những ngày đầu vào Sài Gòn, mười một mười hai tuổi, cảnh người đều xa lạ và tui bị cô lập chật chẽ nên dường như ... hiền ra. Nhưng sao thấy tức lắm, nhất là mỗi khi tui nói cái gì là tui nó bu lại nói: “Hỉ, hỉ, mày nói cái gì”. Có những lúc tui nhảm: “Nói tui bây không hiểu thì tao đấm cho tui bây hiểu”. Nhưng rồi tui cũng thụt tay vào túi, vì tui nó đông quá mà nơi đây tui không biết tẩu thoát ở đâu cho yên. Một hôm tui dẫn thằng cháu ra sông Sài Gòn câu tôm. Lúc đó ở kho 18, Tân Thuận Đông, dưới cầu tàu có nhiều tôm hùm lắm. Hai chú cháu tui đang ngồi dung dăng dung dề câu tôm, lại gặp đám mấy thằng “Hỉ, hỉ, mày nói cái gì”. Tui nó thấy tui nó không chọc ghẹo nữa mà nó nhảy ùm xuống sông tắm. Tự nhiên tui thấy cần câu tui rung

động. À! gặp tôm bự rồi. Tui kéo dây câu lên, thì con tôm nó bung bung, giựt giựt thấy tê lắm. Tui mừng quá, từ từ kéo lên, giữa đường nó giựt một cái thật mạnh. Đứt mẹ nó dây cước rồi! Tui cuốn dây lên, thấy tiếc quá. Nhìn xung quanh thì thấy tụi nó ngóc đầu dưới nước lên, nó dơ giây cước cho tui xem còn nói:

“Ê oái này phải của mày không?”

Tui điên lên rồi, không nói không rằng gì hết, tui chạy tới đám quần áo của nó, ôm hết trong mình. Tui dẫu một khúc gỗ trong người:

- Tụi bây ngon thì lên đây lấy lại quần áo.

- Ê đừng giỡn mặt nhe mày, tui tao không tha cho hai đứa bây đâu.

- Lên đây.

Vậy là tụi nó bò lên, tui liền nhảy đến phan lên đầu, lên lưng nó, chịu không nổi nó lại nhảy xuống sông.

- Nè, quần áo tụi bây đây, lặn xuống đó mà lượm. Tui ném đồng quần áo xuống sông, lấy cây nhận chìm xuống nước xong hai chú cháu chạy lẹ ... về.

Thời gian trôi qua, tui cũng lớn theo. Tui bắt đầu học lỏm nói của người miền Nam: “A hôm nay tui dzìà sớm nha, bà nhớ bỏ con cá ghô dô cái ghô để nó khỏi nhảy gột gột”. Nói riết rồi cái lười tui cũng quen đi. Và càng ngày những lời nói như “En không en, tếc đèn đi ngủ. Súng bèn phèng phèng, nó la xung pheng, xung pheng” cũng vắng bóng đi.

Hồi đó, tui rời gia đình ở Quảng Ngãi vào Sài thành sống với hai người anh. Ban ngày hai ông anh tui, người đi làm, người đi học. Tui thì học ở trường tiểu học Tôn Thất Thuyết, Khánh Hội.

Sau này tui theo anh Hai về sống ở Tân Thuận Đông. Những buổi chiều đi học về, buồn quá, tui tập bẻ bạn với đám anh em thằng Hải thằng Nam. Anh em tui nó con nhà khá giả và hiền lành, nhà nó có cái ao nuôi cá tui thường qua đó chơi. Nhưng vì chơi với bọn anh em thằng Hải, nên tui bị thằng Tư con ông Khải nó ghét lắm. Mà thằng Tư thì nó lớn hơn tui nhiều. Một hôm tui đi chơi ngang qua nhà thằng Tư, thấy tui nó ra đi bên cạnh và xô tui xuống ao trước nhà nó cái ùm. Tức mình lắm, tui đâu có làm gì nó đâu, tui bò lên khỏi ao, ướt như con chuột lột, tui cầm cục đá chạy kiếm nó:

- Đ.M, mày ngon thì ra đây, tao không sợ mày đâu.

Cửa nẻo kín nghít, không nghe thấy gì hết.

- Mày không ra hả, coi đây: Chản, chản....

Một hàng hai cái lu đựng nước mưa của ông già nó bể tan tành, nước chảy lai láng, tui thấy hả dạ lắm. Tui đi về nhưng mặt méo xẹo vì tức cái thằng trời đánh ý lớn ăn hiếp tui. Một năm vào Sài thành sao tui thấy bực quá, đi đâu cũng bị tui nó kêu “Bắc kỳ ăn cá rô ki, ăn nhằm lụ đạn chít cha Bắc Kỳ”, nay còn bị nó xô xuống ao nước như con chuột lột. Ngày xưa tui đâu có tệ như vậy. Nhưng mà cũng thấy tội nghiệp cho mấy ông Bắc Kỳ, những việc gì tui làm tui nó khen là tui nói tui người Trung Kỳ, còn những chuyện tui phá hoại nó, nó chửi tui Bắc Kỳ, thì tui làm thình.

Sau ngày tắm ao bắt đắc dĩ đó, tui về xin ông anh:

- Anh Hữu, cho em đi học võ đi.

- Tiền đâu mà đi học võ vậy?

Tiền? À tiền đâu mà đóng học phí đây. Cái thân của tôi làm gì ra tiền mà bày đặt đóng tiền này tiền kia. Hai ông anh tôi còn khối người ngoài quê để lo, chứ đâu phải chỉ có một mình “công tử bột” tui đâu. Nhưng mà mối thù tắm ao sinh hôm nọ không lẽ quên luôn sao?

Tôi hỏi anh em thằng Hải thằng Nam nó chỉ cho tôi ra kho 18, vào buổi chiều mấy người lính Mỹ nó cần người phu khuân vác, xếp đồ may ra tìm việc làm ban đêm. Tôi liền thử thời vận, chiều hôm sau tôi mặt đồ của ông anh tôi, lụng thụng trông có vẻ lớn thêm một chút, tôi ra kho 18 ... xếp hàng.

Thấy ông lính cầm sổ ra tôi cũng chen lấn với đám đồng kia, tay đưa lên, miệng thì “Me, me, me Sir”. La mỗi miệng. Nhưng giờ bóc nhân công cũng qua rồi, đoàn người được chọn thì biến vào bên trong, còn lại những người thất nghiệp như... tôi, buồn quá, đá vài hòn sỏi trên đường, lẩn lẩn không biết rơi vào vũng nước nào.

Ngày đầu tiên thất bại. Nhưng nghe bác Hai nói “Thất bại là mẹ thành công” nên chiều hôm sau tôi lại ăn mặt như chiều hôm qua và ra... xếp hàng. Những buổi tối sau khi ăn cơm xong là tôi biến mất đến khuya mới về. Rồi một hôm tôi cũng như mọi ngày, đi... xếp hàng, và “Me, me, me Sir”, ông lính đó chỉ chỉ về hướng tôi, không cần biết chỉ tôi hay chỉ ai, tôi liền chen lấn đám đồng chui qua, vậy mà tôi lọt được hàng rào.

Tối đó tôi không về nhà như thường lệ, tôi vào sân trong, khoái chí, tôi đá tung những hòn đá trước chân tôi: “Sướng quá, tao có việc làm rồi.” Tôi la lớn lên như thế. Tôi quyết giữ lấy cái việc làm thơm này nên tôi làm việc siêng năng lắm, bà xếp muốn cái nào tôi làm liền cái đó.

Tôi sẽ có tiền đi học võ, tôi làm việc say mê, đêm tàn, sáng đến lúc nào tôi không hay. Khi tan sở người ta trả cho tôi 90 đồng tiền công cho buổi tối đó. Lần đầu tiên tôi làm ra tiền bằng chính mồ hôi nước mắt của mình.

Ngày kế đó đi học về, tôi qua chơi với anh em thằng Hải, tôi khoe anh em nó là “Tao có tiền rồi, hôm nào tao mua cà lem đãi tụi bây,” một chút thôi rồi về làm bài, xong cơm tối là tôi lặn đến quá nửa đêm mới về lại nhà.

Rồi những ngày kế tiếp tôi mệt quá, đi học về làm bài xong, tôi chớp con mắt một chút để có sức tối nay đi khuân đồ. Lâu lâu tôi mới có dịp qua thăm anh em thằng Hải. Cuộc đời va chạm với giới lao động còn quá sớm, tôi thấy cũng vui và nhiều lúc tôi cũng thấy lính quýnh, lúng túng đến đỏ mặt.

Có một chỗ làm tuy không bền vững nhưng cũng có để dành một ít tiền, tôi xin anh tôi đi học võ, lần này thì anh không từ chối được, tôi nói:

“Anh thấy đó, em đi đâu cũng bị tụi nó chọc Bắc Kỳ này Bắc Kỳ nọ và ăn hiếp hoài, bực quá.” Tôi ghi danh vào võ đường Odokwan, của võ sư Nguyễn Bình ngoài xa lộ Phan Thanh Giảng. Học Taekwondo.

Mấy năm sau gia đình tôi từ Quảng Ngãi vào hết trong Sài Gòn. Vì mới vô chưa có nhà cửa nên cha mẹ tôi ở tạm nhà anh tôi một thời gian đợi tìm nhà.

Mấy đứa em tôi nói tiếng Quảng đúng tiêu chuẩn một trăm phần trăm nên lúc nào cũng là đề tài cho mấy đám con nít trong xóm chọc ghẹo. Lúc nào tôi cũng rầu vì chuyện này. Một thời gian sau, cha mẹ tôi dọn nhà xuống xóm dưới ở cho rộng và dễ chịu hơn. Nhưng đi đến đâu anh em tôi cũng bị mang cái tên ác nghiệt là Bắc Kỳ, và mấy đứa nhỏ không bao giờ được chơi bình đẳng như mọi đứa trẻ khác.

Tôi không còn làm người phu khuân vác trong kho 18 nữa, mà tôi kiếm được một chân làm trong cơ quan USAID. Năm đó tôi đang đeo đai nâu. Tháng Tư ngày xưa xô tôi xuống vũng sình bây giờ đã gia nhập binh chủng Thủy Quân Lục Chiến. Một hôm, trên đường ghé thăm nhà anh tôi, căn nhà sàn nên phải làm đường vô bằng một cái cầu. Khi tôi đến đầu cầu thì đụng mặt thằng Tư, tôi nhắc nó:

- Mày nhớ tao là ai không? Nó biết và nhớ tôi lắm chứ, nhưng nó nói:

- Tao xin lỗi mày chuyện ngày xưa.

Lúc đó tôi không tức giận nữa, tôi hỏi nó:

- Mày muốn chơi một trận sòng phẳng không? Xô lên người ta không anh hùng đâu. Nó lại xin lỗi nữa nên tôi lách qua một bên cho nó đi.

Những năm sau này có lẽ môn Taekwondo đã huấn luyện tôi trầm tính lại, không còn ngứa tay chân như ngày còn nhỏ. Vả lại tôi cũng biết tầm lợi hại của cú đấm, cái đá của mình nên tôi không dám dùng bữa bãi. Nhưng mọi sự nhịn nhục, khiêm tốn cũng đều có giới hạn, và chuyện gì đến nó sẽ đến.

Vào một buổi sáng chủ Nhật, trên đường đến sở làm, tôi ghé thăm anh Hai tôi. Khi mới vừa đến đầu ngõ thì tôi nghe tiếng la ó ồm tỏi của ông Tiểu, người Tàu bên cạnh nhà anh tôi.

Ông ấy đứng ngoài đầu ngõ đập phá cái cầu vào nhà anh tôi và chửi bới om sòm. Tôi dắt xe đi qua và vào trong nhà. Bên ngoài ông Tàu vẫn không ngớt lời chửi rửa anh tôi, nói là anh tôi làm cầu lấn đất ông. Nghe ông chửi rửa nhiều quá, tôi bước ra và nói:

- Ông bình tĩnh đi, nếu anh tui lấn đất ông thì vẫn còn đó, ông đi thưa cảnh sát đi, đâu cần phải chửi rửa như vậy, mà cái cầu này đã có từ mấy năm nay có khác gì đâu.

Nghe tui lên tiếng ông còn làm dữ:

- Nị ngon hả, nị ra đây, lụ má, ra đây ngộ lá chít cha nị luôn.

Xưa nay tui biết ông Tiểu này có Thiếu Lâm, tới tới ông thường ra trước sân đá đá mấy cái rồi mới vô ngủ. Tui không trả lời ông, ông lại lên cơn chửi tới, giậm sàn đùng đùng, làm như đất này là đất của cha ông bên Tàu mang qua không bằng!
Tui vẫn khoanh tay đứng đó nghe ông chửi, càng lúc ông chửi còn có bài bản hơn. Nào là: “Lụ má lị, ông tăng cổ tổ, thằng cha thằng mẹ lị ở đâu đến đây chiếm đất chiếm đai tao á, hôm nay tao đập tao phá nhà cây cho piết á.”

Nãy giờ nghe ông chửi bực mình quá rồi, tui liền bước ra giữa cái cầu:

- Tiểu cái lụ mụ nị á, nị không được chửi nữa đó nghen.

- A, nị là cái thằng con nít mà nị dám chửi ngộ á.

- Sợ gì không chửi, tiểu cái lụ mụ nị đó.

Mặt mày đỏ như con cóc tía, hấn xằng tay áo lên thật cao, miệng la chí choét, chạy lanh quanh như gà mắc đẻ. Hết chửi ngoài ngõ, hấn lại chạy qua cái sân hàng xóm bên cạnh nhà anh tôi mà chửi:

- Nị ra đây, ra đây, ngộ tả chít cha nị luôn, lụ má.

Những tiếng la chửi của hấn đã đánh thức sự tò mò của thiên hạ, nhất là đám con nít trong xóm. Lúc này mọi người lớn, bé đều ra xem như xem xi nê vậy đó. Hấn xùng máu lắm rồi, thế nào hôm nay hấn phải “tả” ai đó mới làm nguôi cơn giận của hấn. Mà ai đó vào nữa, chỉ có thằng tui, vì tui dám lăm mồm chửi lại hấn. Nghĩ đến đánh lộn, tôi lại thấy sao mình mâu thuẫn quá. Ngày xưa bị người ta ăn hiếp nên muốn đi học võ để “huỳnh” lại, nhưng bây giờ có võ rồi thì tôi lại không muốn giải quyết sự việc bằng cú đấm, cái đá nữa. Thấy lạ không!

Tôi nhớ có lần song đấu giao hữu ở võ đường. Tôi, đai nâu cấp hai, đấu với đai nâu cấp một (sắp lên đai đen). Tôi dùng đòn tô-lô-cha-ki, đưa một vòng từ dưới lên trên xong đổ ngược úc bàn chân xuống, quạt ngay quay hàm dưới của đối thủ, vì đòn hư trước và đòn thật sau, tôi làm lẹ quá, đối thủ đỡ không kịp nên quay hàm dưới tẹo qua một bên, và máu đổ.

Sau đó tôi thấy hối hận và tội nghiệp anh bạn kia quá. Nhưng thao trường mà, chuyện võ sinh bị trúng đòn là chuyện hằng ngày ở huyện, tôi cũng không ngoài lệ đâu. Rồi còn biết bao nhiêu trận đấu giao hữu nữa mà cuối cùng cũng chỉ chứng minh cho tui thấy, những cái đá, cú đấm của mình bây giờ không còn tầm thường như ngày xưa nữa, mà có thể gây thương tích trầm trọng cho đối thủ. Bây giờ đối diện với ông Tiểu hàng xóm của ông anh tui đây, tui biết ông có Thiếu Lâm và ông cũng biết tui có Thái Cực Đạo. Ông cỡ tuổi ba mươi và tui chỉ là chàng trai mới lớn tuổi mười bảy, mười tám. Tôi rất bình tĩnh và khuyên ông nên đi can thiệp cảnh sát để họ giải quyết, nhưng những lời nói của tôi đã không làm ông thay đổi mà còn làm cho ông nổi trận lôi đình thêm lên. Anh Hai tôi nói:

- Thôi mặc kệ nó, để nó chửi mỗi miệng nó im thôi, mày đi làm đi.

Tôi nghĩ và biết chuyện hôm nay không thể giải quyết bằng lời nói được. Càng lúc càng gay gắt hơn, ông Tiểu lúc này đã nóng máu lắm rồi. Ông đứng trên mảnh đất trước sân nhà ông Năm Cụt mà chửi và khiêu khích tôi không chừa một lời nào.

Đến lúc này thì tôi cũng không còn bình tĩnh suy nghĩ phải trái gì nữa. Giống như người ta nói “cây muốn lặng, mà gió chẳng ngừng.”

Tiếng reo hò của đám con nít mỗi lúc ồn ào thêm. Mọi người đều dán cặp mắt trên mảnh đất trước nhà ông Năm Cụt.

Mai, con ông Năm Cụt, cô bạn hàng xóm cùng lớp với tôi cũng có mặt hôm đó, nàng cũng đang hồi hộp theo dõi. Đã đến nước này rồi, tôi không chịu nổi những lời thô tục của tên chệt hàng xóm này nữa.

Không nói năng một lời, tôi liền tung đôi chân nhảy qua hàng rào, cao hơn một mét, giữa nhà

anh tôi và nhà ông Năm Cụt, thì tiếng reo hò của đám con nít lại nổi lên to hơn, như để thay thế tiếng chuông bắt đầu trận đấu.

Tôi vừa chạm chân xuống đất thì hắn liền hét lên “Chít cha lị nê”, và đi liền ngay sau tiếng nói khó nghe của hắn là cái chân dài lòng thòng từ đâu bay vèo tới. Tôi liền lách người và đưa tay gạt qua một cái, hắn rơi xuống mặt đất.

Tôi giữ lại tư thế chiến đấu. Miệng hắn lúc này không còn chí choé như hồi sớm nữa.

Hụt cú dễ ăn nhất hắn cay cú tôi lắm. Nơi tôi đứng hơi chật nên tôi liền tung ngọn yap-cha-ki bay để tống hắn ra, liền theo đó hắn quạt ngang dưới chân tôi, tôi nhích chân lên và nhảy ra xa một chút. Hắn liền bám sát tôi và tống thẳng hai cú đấm liên tục, tôi đưa tay gạt ra và lui lại.

Hắn liền sà người phóng tới bằng chân mặt và đá trúng vào vai tôi. Tôi nhấp chân trái làm đòn hự, bồi liền theo cú đá vòng vào người hắn, hắn đỡ, chân mặt tôi vừa chạm đất là chân trái đá móc 180 độ vào ngay ngực của hắn, bịch một cái. Hắn lảo đảo và bay ra xa liền. Hắn tiến lên bằng một đòn chân hự và liên tục phạt vào mặt tôi bằng đòn tay, tôi bị trúng đòn ở gò má.

Tiếng reo hò của đám con nít lại một hồi la to lên, dường như tụi nó muốn tui bị ăn đòn thì phải!

Tui liền yap-cha-ki bay tới hắn tới tấp, vừa yap-cha-ki vừa tô-lô-cha-ki tui gác lên ngực, lên cổ hắn liên tục làm hắn phải chùn chân và lảo đảo. Bây giờ thì tiếng reo hò lại về phía tôi. Thừa thắng xông lên, tôi liền bồi luôn mấy cú đá vòng và nện luôn hai bàn chân song phi vào ngực hắn. Hắn trúng đòn tui liền tiếp, tự nhiên tui thấy tội nghiệp và không tấn công nữa.

Trong lúc tôi đứng nhìn thì hắn la khóc và chạy về nhà lấy khúc gỗ. Hắn trở lại, tôi thủ sẵn, hắn nhào tới và phạt thẳng khúc gỗ bổ xuống đầu, tôi liền dùng chân đá tạt lên khuỷu tay hắn, lòng bàn chân tôi chạm vào khuỷu tay, bật một cái, khúc gỗ văng ra khỏi tay.

Tôi đã tước vũ khí của hắn. Hắn liền nhào tới người tôi, tôi đẩy hắn ra bằng cú đấm. Hắn không vào được hắn la như bò cứt cổ, tôi thấy thương hại và không tấn công hắn nữa. Tôi chỉ đỡ những cú đấm đá rời rạc. Hắn thực sự đã thua dưới vũ lực của tôi rồi! Tôi đang đứng hiên ngang giữa những con mắt mà ngày xưa có những lần khinh thường, và những con mắt hằng ngày đánh đập những đứa em tôi. Giờ đây tôi thấy những con mắt đó không dám nhìn thẳng vào tôi nữa mà trên đó có những tia sáng khâm phục.

Hắn vẫn chưa bỏ cuộc, tiến tới tôi. Bất thành linh tôi bị hai người đàn ông từ phía sau ùa tới ôm tôi lại, nói rằng can tôi ra không cho đánh nữa. Nhưng nếu can trận đánh thì phải can hai bên chứ, sao lại chỉ ôm mình tôi và để ông Tàu kia vào tấn công tôi!

Tôi bảo thả tôi ra, nhưng hai người đó không thả và còn ôm cứng tôi lại hơn. Hai người đàn ông đó là bạn của tên chệt, Tư Lùn và Năm Cụt. Tôi liền dùng cùi chỏ lắc vào hông hai người, đau quá chịu không nổi, hai ông thả tôi ra. Không nói một lời, hai người ôm xương sườn lui vào trong nhà. Ông Tiểu vừa khóc vừa chửi tui nát nước. Thấy không còn hy vọng gì nữa, ông trở về nhà.

Tui lầm bầm trong miệng: “Thì ra ông chỉ có bấy nhiêu thôi, sao không liệu sức mà làm hoà ngay từ đầu thì đâu đến nỗi.”

Như vậy là xong, tôi “huỳnh” ông trúng đòn nhưng người học võ như ông thì không sao đâu,

chỉ là một bài học để sau này đừng làm phách nữa thôi. Cũng đã trưa rồi, tôi phải quần áo đi làm.

Tôi nhìn vào nhà Mai, thấy tôi nàng nguýt một cái, tôi thấy trong ánh mắt nàng chứa đầy oán trách.

Tôi bước ra đầu đường thì bỗng nhiên nghe tiếng người đàn bà từ ngoài đầu hẻm chạy vào, vừa chạy vừa khóc lóc, chữi bới om sòm. Thì ra là mẹ của ông Tiểu. Vừa đến nơi bà chữi: “Sao nị tả con ngộ, tiểu cái lụ mụ nị a.” Bả xông vào người tui, tui đẩy bả ra.

Rồi người con, hấn lại chạy ra nữa. Hai mẹ con xông vào “huýnh” tui. Tức mình quá tui thoi cho hấn một cái, lọt xuống ao sình, từ đầu đến chân lem luốt như con chuột cống! Hấn bò lên đi về một mạch. Đến đây thì bà già hấn cũng bỏ cuộc chơi luôn. Vậy là hai mẹ con đứng trước nhà mà chữi để trừ. Thỉnh thoảng lại chêm vô một tràng tiếng chệt tui nghe điếc lỗ tai.

Tôi định lấy xe đi làm thì đưa em tôi nói:

“Anh lén đi ngõ sau đi, một đám năm thằng em của ông ngoài chợ chạy vào kia, tụi nó có dao nữa.” Tôi thấy chuyện không còn đơn giản nữa, tôi liền lòn ngõ sau nhà bà Đạt đi ra, tôi đi vòng trong xóm thì đưa em tôi mang xe đạp đến cho tôi. Tôi đồng đi làm luôn.

Chiều lại em tôi lên cho biết tụi nó kiếm hoài không có tôi, nó bỏ về. Anh em ông Tiểu là đám anh chị ngoài chợ Tân Thuận. Thấy chuyện không lành anh tôi nhấn tôi tối đừng về vì tụi nó đón đường tôi ở cầu Tân Thuận mỗi tối. Vậy là đi làm xong tôi ghé vào nhà bà Di ở Hoà Hưng ở tạm.

Câu chuyện “huýnh” lộn của tôi được bàn tán xôn xao ở xóm Tân Thuận. Tôi tưởng rồi sẽ êm xuôi, nhưng không ngờ ông cứ âm thầm cho đám cô hồn đón tôi trong bóng tối. Anh Hai tôi bèn mời mấy bô lão trong xóm lại để nói chuyện đầu cho ra đây. Thế là một cuộc họp bô lão sẽ xảy ra.

Một tuần sau ngày tôi đại náo Tiểu gia trang, trên bàn họp có đầy đủ năm ông lão trong làng, anh tôi, anh Thanh, ông Tiểu, ông Năm Cụt và Tư Lùn. Tôi không được dự buổi họp.

Tiếng bàn tán xôn xao trong bàn họp, xong một ông lão đứng lên nói:

“Qua sự việc chúng tôi thấy thì anh Tiểu này sai rồi, thôi thằng Tiểu chú mày bỏ qua đi và đừng bảo em út hại chú em kia.”

Cuộc họp tan, anh Hai tôi cảm ơn mấy ông lão và ra về. Từ đó tôi lại tự do đi làm và về nhà như thường lệ.

Chuyện tôi “huýnh” ông Tiểu chắc từ đây xong rồi. Nhưng còn Mai, tôi chưa có dịp gặp lại Mai từ ngày tôi “huýnh” lộn trước sân nhà nàng. Không biết Mai sẽ đối xử với tôi như thế nào?

Tôi biết Mai từ khi tôi về với anh Hai ở Tân Thuận. Thời gian ban đầu tôi chỉ biết Mai ở đó và hàng ngày hai đứa tôi vẫn gặp mặt nhau trên đường, cũng như mọi đứa trẻ khác trong cái hẻm. Nhà nàng ở sát vách nhà anh tôi, nhưng ít có khi nào tôi và nàng nói chuyện với nhau (con nít mà, biết cái gì mà nói, chưa cự lộn nhau là may). Nhưng thời gian trôi qua mau, Mai đã lớn. Nàng có làn da trắng, khuôn mặt trái soan và đôi mắt bồ câu. Bà nàng là người Miên lấy vợ Việt, quê của Mai ở Vĩnh Long. Có lẽ vì lai giữa Miên và Việt, và lớn lên ở miền sông

nước Cửu Long nên nàng mới có vẻ đẹp của làn da trắng đó.

Thỉnh thoảng tôi ra ngồi trên hàng ghế trước nhà anh tôi và nhìn qua nhà Mai. Có lần nàng đang đi ra bắt gặp đôi mắt tôi nhìn nàng, nàng nguyễn một cái xong trở vô nhà. Không khí ở đây có một cái gì thay đổi, tôi thấy ngò ngò và từ đó tôi thường ra ngồi trên hàng ghế trước nhà, nhưng không thấy Mai ra nữa.

Rồi một hôm tôi ngồi đó nhìn trời nhìn mây, bỗng nhiên tôi thấy Mai gánh gánh nước ngoài ngõ đi vào, bốn mắt nhìn nhau, không hiểu tại sao thùng nước của Mai đổ nhào xuống đất. Nàng lính quýnh với đôi thùng, mặt đỏ gay, Mai lấy đòn gánh đánh vào chiếc thùng kêu lừng keng:

- Người ta gánh nước kệ người ta, ngó cái gì, hứ!

Nàng đang hành hạ hai chiếc thùng vô tội kia, tôi bèn chạy ra nói:

- Ủa! hai cái thùng đó có lỗi gì mà Mai “huýnh” nó dữ dzậy.

- Kệ người ta, hết chỗ ngồi rồi hả. Nàng ngồi bệt xuống đất.

- Chuyện Mai gánh nước và chuyện tui ngồi chỗ kia có ăn nhậu gì đâu.

- Sao không, ai bảo anh nhìn tui gánh nước.

- À! gánh nước đâu có sao đâu, bộ Mai mắt cỡ hả, thôi, để tui ra gánh gánh khác về cho Mai nhé.

Thế rồi tôi lấy đòn gánh, thùng thiết của Mai ra gánh về cho nàng một gánh nước để đền cái tội tôi ngồi không đúng chỗ, không đúng lúc.

- Nước của Mai đó, lần sau tui không ngồi đây nữa đâu.

- Anh....

Từ đó tôi thường nói chuyện với Mai, và Mai thường nhờ tôi chỉ Lượng Giác cho Mai.

Cũng gần một tháng từ ngày tôi “huýnh” lộn trước sân nhà Mai, tôi không tiện lui tới nhà anh tôi. Hôm nay tôi trở lại thăm và tìm Mai.

Một tháng trôi qua, không biết có ai chỉ Lượng Giác cho Mai không? Tôi bước chân lên cây cầu đó, nhìn vào nhà Mai thấy tối thui, cửa nẻo đóng kín. Sao lạ vậy, Mai đi đâu rồi? Tôi đang bàng hoàng suy nghĩ về Mai, không lẽ có gì xảy ra cho Mai sao? Tôi đang dán mắt vào khung cửa nhà Mai, thì, “Chú Mười, chú Mười, có cái này cho chú nè”. Đứa bé con anh tôi chìa tay đưa cho tôi một phong bì.

Anh Vân.

Em biết anh ngạc nhiên khi đọc lá thư này lắm. Hôm đó nhìn anh “huýnh” ông Tiểu em sợ lắm, nhiều lúc em nhắm mắt không dám nhìn vì sợ anh trúng đòn. Nhưng may quá, anh không sao hết. Nhưng khi nè, anh học võ ở đâu mà “huýnh” hay quá dzậy. Anh nhớ không, mấy nhỏ xem anh “huýnh” nó reo hò ồm tỏi, nào là ồ ... coi ổng song phi kià, ồ đá đẹp quá ... em cũng hỏi

hộp và hành diện lắm, anh hiểu em không? Mấy ngày sau em nghe tụi nó nói đừng đụng tới mấy đứa em ông nữa, coi chừng quẹo giò đó ... Nhưng mà hôm đó thấy khí thoi Ba em, em buồn lắm, nhưng ông không sao đâu, ông cũng không phải mà!

Em đợi anh mấy tuần nay nhưng không thấy bóng dáng anh đâu hết, bộ anh muốn tránh em hả. Khi à, đừng có nghĩ bậy nghen, em không giận anh đâu. Nhưng không biết từ nay em có còn được anh dẫn đi ăn kem, và đưa em đi dạo phố trong những buổi chiều tắt nắng nữa không, và lấy ai chỉ cho em những bài toán kia đây. Anh đừng gán nước cho ai nghe hông! Em ghét khi rồi! Anh biết hông, gán nước đó, ngoài em ra, em không cho ai dùng hết. Nhưng thôi rồi, chắc mình không có duyên bền lâu, những ngày ngắn ngủi gần bên anh, em cũng vui lắm rồi.

Ở Sài thành bây giờ công ăn việc làm hiếm lắm, Ba Má em dọn về quê rồi, em phải theo về quê. Xa anh, em buồn lắm. Hôm anh “huỳnh” lộn trước sân, anh rút hột nút áo, em nhặt được, em sẽ giữ nó bên em mãi để sau này những lần nhớ anh em sẽ nhìn nó.

Anh nhớ giữ gìn sức khỏe nhé.

Bé của anh – Mai.

Tôi sờ lên bầu áo, ai mang hột nút đi rồi!

Chuyện tình con @ móc

Buổi tối, trời Sài Gòn lạnh lạnh, Loan dọn dẹp đồ ăn, lau chùi năm ba cái bàn xong đóng cửa tiệm ra về. Trời về khuya, khu phố 5 đường Tô Hiến Thành, Quận 10 trở nên vắng vẻ. Người phu xe xích lô vừa đi xong cuộc cuối. Cặp chiếc xe dưới tàn cây me, lão hất dít xe về vỉa hè rồi leo lên cái ghế dành cho khách ngồi phì phà thuốc lẻ. Và ngoài đường, tiếng xe gắn máy thưa dần.

Hôm nay chị em Loan Phượng trở về căn nhà trọ sớm hơn mọi ngày. Loan-Phượng là một cặp, sống chung nhau từ ngày cha mẹ mất. Căn nhà nhỏ, nằm chỉ chít trong khu phố 5, là tổ ấm của hai chị em và hai đứa cháu gái nhỏ. Sau ngày cha mẹ qua đời, người chị cả của Loan-Phượng mua căn nhà nhỏ này cho hai chị em ở. Căn nhà hiu quạnh nên Loan-Phượng mang hai đứa cháu gái về ở cho vui, và cũng để giúp người chị lớn một tay.

Mười năm trước, trong một cơn bạo bệnh cha của Loan qua đời. Và năm sau kéo theo mẹ của Loan cũng ra đi, khi Loan vừa tròn 17. Sau cái tang của mẹ là việc học của Loan cũng chấm dứt ở lớp 11, và cũng từ đó Loan bắt đầu lặn lội vào đời.

Sài Gòn vừa trải qua cơn sốt đổi mới. Từ những con đường, những căn hộ, đến cả cái tên của thành phố này cũng thay tên, đổi chủ. Thường thì những cái gì đổi mới là để thể hiện cái tốt, đẹp, nhưng chưa hẳn lúc nào cũng như thế. Không tin thì hỏi người phu xích lô sẽ biết. Có những cái đổi mới làm cho lão già đạp xích lô thêm bực bội. Nhất là tên những con đường, mỗi lần khách bảo lão chạy về đường Đồng Khởi, thì lão lại gãi đầu: “À đó là Tự Do.” Nhưng nếu lão hỏi lại: “Về đường Tự Do hả cưng” thì người khách lại nói: “Bây giờ làm gì có đường Tự Do, ông lại mơ về ngày xưa nữa rồi!” Có những hôm, lão ngồi cãi lộn với người bạn lối về Xưởng Đẽ Từ Dũ. Mấy chục năm rồi, lão nhớ nằm lòng con đường về Bảo Sinh Viện Từ Dũ. Bây giờ, mọi thứ tự nhiên xáo trộn, ngay cả cuộc đời của lão cũng đang xáo trộn.

Cái ngày Sài Gòn mang tên mới, Loan vừa tròn ba tuổi. Nhà có bốn chị em gái, Loan Phượng nhỏ nhất, và Loan là chị của Phượng, nhưng Loan lại è ọp nhỏ con hơn. Cũng vì thế mà ba Loan thương Loan nhiều nhất.

Sài Gòn ở thời buổi “bao cấp”, ba má của Loan cũng như bao nhiêu người dân khác, phải làm việc vất vả mà mấy bữa con vẫn bữa no bữa đói. Ngày nào cũng ăn cơm độn với bo bo, riết rồi chị em Loan Phượng cũng ngán tới cổ họng.
Nghĩ cũng lạ, miền Nam là vừa lúa mà người dân miền Nam lại không đủ gạo ăn!

Nhiều người đâu có nghề nghề gì để làm ăn. Nhưng mà có tay nghề cũng chưa chắc tìm ra được xưởng sở để làm. Nên dân Sài Gòn đua nhau mở phong trào mới bằng nghề buôn bán. Nơi nào, xó hẻm nào, và con đường nào người ta cũng mở tiệm buôn. Chắc nghèo quá nên bị mấy chữ “Vô thương bất phú” nó làm cho người Sài Gòn mê mệt! Người ta nói trăm người bán, vạn người mua, vậy mà đi đâu cũng thấy vạn người bán, mà chỉ có trăm người mua! Từ con đường Tô Hiến Thành đổ ra Cách Mạng Tháng Tám đâu đâu cũng mở tiệm buôn. Mà nhất là con đường Cách Mạng Tháng Tám. Có lẽ người dân sống trên con đường này bị cái tên con đường quyến rũ nên muốn làm một cuộc cách mạng buôn bán để may ra đổi đời! Thế là Ba Má Loan Phượng cũng nhảy ra mở cái tiệm ăn bỏ túi trong hẻm đường Tô Hiến Thành. Nói là bỏ túi vì nó nhỏ, không còn nhỏ hơn tiệm ăn nào khác!
“Vô đây, vô đây ăn đi anh.”

“Ăn cái gì trong đó?”

“Cơm sườn. Cơm sườn của em ngon nổi tiếng, mời anh ăn cho biết.”

“Thiệt sườn của em hong, cưng?”

Phượng cười nhe răng rồi phóng xe vọt chạy.

Trước cửa tiệm ăn nào cũng có một vài người đứng ngoài đường đưa tay ra chặn xe mời khách đi đường vào tiệm ăn. Lúc còn nhỏ Loan cũng thường đứng ngoài đường đón khách cho tiệm ăn của ba má. Sau này, lớn lên một chút, Loan bắt đầu học nấu ăn và đi chợ cho tiệm ăn. Sau ngày ba mẹ qua đời Loan tiếp tục thay thế và theo nghề nấu ăn mãi cho đến bây giờ. Người ta nói mở tiệm ăn có lời nhiều nhưng cực lắm. Sáng nào Loan cũng thức dậy thật sớm, ra chợ Hòa Hưng mua rau quả, thịt cá đem về rửa sạch, cắt ra đâu đấy để sửa soạn nấu ăn trong ngày. Loan phải đứng bếp suốt buổi sáng. Đến mười hai giờ trưa cửa tiệm đóng cửa, Loan về nhà nhắm mắt một chút để lấy sức cho buổi chiều.

Cuộc sống cứ thế trôi theo dòng đời. Đến nay Loan đã 28 mà vẫn đường về một bóng.

- Gần ba mươi rồi, sao chị không lấy chồng đi còn chờ đến bao giờ nữa? Phượng hỏi.

- Lấy ai giờ đây, bộ em nói muốn lấy chồng là lấy hả!

- Thì anh Khổng đó.

- Thôi đi, hết người sao đi lấy ông đó. Em thấy hong, suốt ngày nhậu nhẹt, say sưa như hủ hèm mà bảo chị lấy làm chồng sao cưng! Mà nữa, chị tên là Loan mà đi lấy tên Khổng thành ra Khổng Loan, thì ổng công ba má đặt cái tên cho chị rồi! Thà nằm không chơi chứ chị không rảnh lấy người say tên Khổng đâu cưng.

- Nhưng em thấy ảnh thương chị và ngày nào cũng đến tiệm chị ăn cơm hoài.

- Mặc kệ ổng chứ. À, mà sổ thiếu nợ của ổng hết chỗ ghi rồi đó. Cái thân không đi làm lấy gì ra tiền mà trả tiền ăn.

- Kia kìa, ảnh lại đến nữa kìa.

- Cho anh đĩa cơm sườn đi em. Tiếng của Khổng.

- Cơm em bán chứ không cho.

- Ủa! Sao lạ dzậy, thì anh ăn xong rồi anh trả tiền cho em sau chứ.

- Ngày nào anh cũng nói trả tiền sau hoài, có khi nào anh nói trả tiền trước không? Anh thấy đó, bức tường bên cạnh anh còn chỗ nào trống để ghi nợ anh nữa đâu. Trời ơi, anh tưởng quán em là quán chùa hả.

- Thì khi nào anh tìm ra được việc làm anh trả cho em, có mất đồng nào đâu.

- Thôi nha, mấy năm nay rồi anh biết hong, có ngày buồn tình anh mang ra mấy ngàn trả cho tui, rồi anh lấy cớ anh tán anh dê tui. Còn lại mấy tháng nợ đó, thôi, tui mệt quá rồi. Nè, cơm của anh nè.

- Lấy anh đi, anh sẽ trả cho em suốt cuộc đời của anh.

- Thôi nha, bộ khủng sao lấy anh để rồi nuôi anh suốt đời thì có, xí.
- Sao hôm nay mắc chứng gì mà em chơi anh hoài dzì?

- Không dám chơi anh đâu. Anh ăn cơm đi, rồi hôm nào mang tiền ra trả cho tui.

Chiều lại về trên khu phố 5, cánh cửa tiệm ăn khép kín. Loan đưa mắt nhìn ra đường Tô Hiến Thành, hạt mưa đang rơi, và lão già đạp xe xích lô vẫn ngồi co ro dưới tàn cây me.

Mưa Sài Gòn rất tinh và lãng mạn. Có những cơn mưa làm cho người ta quen nhau rồi yêu nhau. Có những cơn mưa chỉ đủ làm ướt áo, như muốn trêu chọc người đi đường rồi vội vàng tan đi. Và có những cơn mưa như hờn giận ai, mưa như đổ lên đầu, làm lòng người chùn lại. Chiều nay cũng vậy, có lẽ trời đang giận hờn ai nên trời đổ mưa xuống khu phố 5 này. Con hẻm khu phố 5 bây giờ nước mưa lai láng. Tiếng mưa lộp độp trên mái tole tiệm ăn Loan, nghe dường như cơn mưa sẽ không bao giờ chấm dứt. Nhìn bên hè, những hạt mưa rơi chạm đất tạo thành những bong bóng trôi theo dòng nước. Những bong bóng vội vàng trôi đi thật xa rồi vỡ tan. Và những bong bóng khác lại nổi lên. Chiều nay chắc trời mưa dai lắm, người ta nói mưa có bong bóng thì mưa sẽ rất dai. Loan nhìn về xa xa, những hạt mưa tan vỡ giữa lưng trời, rồi gió thổi bay đi như những sợi sương mù.

Thật ra Khổng rất thương Loan, nhưng hạnh phúc gia đình đâu phải chỉ có ngồi đó nói thương yêu không là đủ! Mấy năm rồi Loan tự nuôi lấy bản thân, bây giờ đã thấy mệt mỏi. Loan chỉ muốn có một tấm chồng biết lo làm ăn để Loan nương tựa, chỉ vậy thôi.

Cơn gió oai về hết những hạt mưa vào bên trong tấm cửa sắt, Loan thấy hôm nay không còn mua bán được nữa. Loan - Phụng lại đóng cửa về sớm. Cánh cửa vừa khép lại thì từ đâu xuất hiện một người thiếu nữ, trên tay ôm cặp da, vẻ mặt vui tươi, hớn hỡ:

- Em phải Loan hôn? Nhìn em là chị biết em tên Loan liền hà.

- Chị là ai? Đã biết tên rồi còn hỏi chị nữa.

- Vô đi, mở cửa ra cho chị vô bên trong rồi mình nói chuyện.

- Mời chị vô.

- Ướt hết rồi, em có cái gì cho chị lau sơ một chút đi cưng.

- Miếng vải đây, chị lau đỡ đi.

- Trời ơi! mưa chi mà mưa như đổ vậy hông biết. Rồi, chị nói thiệt với em nha. Em muốn lấy chồng nước ngoài hôn?

- Trời, em tưởng chị muốn ăn thì em nấu cho chị ăn chứ chị nói cái gì lạ vậy! Chồng nước ngoài là nước nào, là ai. Mèn đéc, em đang rầu gần chết đây, chị đừng có đùa nghen.

- Chị nói thiệt mà, lấy chồng Việt kiều đó cưng, mấy ông Việt kiều biết lo làm ăn và ga-lăng lắm. Cưng chỉ cần cho chị một tấm hình xinh nhất của cưng là mọi chuyện chị làm giúp cho cưng, không tốn kém một xu nào hết.

- Ý, chỉ có một tấm hình là lấy được chồng Việt kiều hả?

- Ủa, chỉ có một tấm hình thôi.

- Rồi em phải trả cho chị bao nhiêu tiền còm?

- Chị đã nói là cưng không tốn một xu nào mà.

- Thiệt hong?

- Thiệt.

- Thôi được, hôm nào chị trở lại đây đi, em sẽ cho chị một tấm hình.

Người thiếu nữ đứng dậy ra đi. Loan-Phụng không quên nhìn theo và cười thầm trong bụng.

- Mấy bà này nói chuyện trên trời dưới đất không hà, hứ, Phụng cầu nhau, lấy chồng Việt kiều, tưởng ngon lắm hả.

- Thì kệ người ta, mắc mớ gì mà em cau cú vậy.

- Em nói chị lập gia đình lo làm ăn đi, ở đó mà mơ ước viễn vông.

- Ủa, con nhỏ này hay à ta, chị có mơ ước gì đâu.

- Chị thấy hong, anh Dương và em đó, cũng hạnh phúc vui vẻ như ai vậy.

- Thì đó là chuyện của em, còn người ta muốn làm sao thì mặc người ta, sao em nhiều chuyện quá vậy.

Hạt mưa vẫn rơi nhưng không còn nặng hột như chiều nay. Loan Phượng khóa cửa tiệm ra về. Đi ngang qua lão già đạp xích lô Loan nói:

- Bác Năm, bốn giờ sáng mai chờ con chỗ này nhe.
- Thì sáng nào tao không chờ bây ở chỗ này mà hôm nay lại dặn với dò.

Bác Năm, người phu xe xích lô, không rõ lai lịch bác từ đâu đến. Chỉ biết mấy năm sau ngày giải phóng bác đến khu này ở. Không nhà, không cửa, không vợ, không con, bác thuê căn phòng nhỏ trong hẻm. Nhưng người ta thấy hầu như bác sống trên chiếc xe xích lô nhiều nhất. Đôi chân già nua, bác không còn sức để chạy khách nhiều như những người còn trẻ, nên bác nhận mỗi buổi sáng đưa Loan ra chợ Hòa Hưng rồi về chờ vài mỗi học trò đi học. Những giờ còn lại bác ngồi dưới bóng cây me, có ai kêu đi đâu thì bác đưa đi, chỉ vậy thôi.

Chợ Hòa Hưng bây giờ được xây lại bằng tường gạch và nền xi măng, không như ngày xưa chỉ có cái sườn, mái tole, và các sạp buôn bán bày ra ngổn ngang. Mỗi lần đến quầy hàng thịt cá thì đất cát dơ ơ là dơ. Hôm nay, từ sáng sớm Loan đã ra đến chợ. Mua sắm những thứ cần dùng trong ngày xong Loan kêu bác Năm đưa xe chở về tiệm. Xe nằm cửa bên hông chợ phía đường Tô Hiến Thành, bác Năm đẩy xe chạy dọc theo con đường một khúc là đến ngang nhà thờ rồi xéo qua bên kia đường là con hẻm vào khu phố 5. Ngày xưa ba má Loan mượn căn phòng nhỏ xiú bên mặt hẻm để mở tiệm ăn. Sau này buôn bán có chút khách ra vô thì người chủ quán cứ đòi lấy tiệm lại, mỗi lần như vậy là Loan phải tăng tiền thuê lên. Có những hôm Loan không biết mình còn đứng bán đây được bao lâu.

- Loan, chị đây nè. Em có tấm hình cho chị chưa?
- Ủa! Chị đó hả. Hình, à em không có ở đây.
- Em về lấy ra cho chị được không?
- Mà em có chụp đâu, chỉ có tấm hình cũ thôi, chị lấy được không?
- Em đưa chị coi thử.
- Đây nè, trong bóp của em nè.
- Cũng được, em đưa chị tấm này nha.
- Chị lấy đi. Mà làm sao em quen với “người ta” được?
- Như vậy nè, em cho chị cái địa chỉ, số điện thoại của em. Rồi chị đem hình em chị đăng trên mạng tìm bạn bốn Phượng trên mạng. “Người ta” thấy hình em và i-meo của em thì người ta sẽ liên lạc với em.
- Sao rườm rà quá vậy, mạng là cái gì mà i-meo là cái gì em có biết đâu.
- Trời ơi, thời đại con a móc rồi mà sao em quê quá vậy. Để chị tạo cho em một cái địa chỉ i-meo nha. Đại khái như tên của em rồi a móc dá-hù chấm com gì đó.
- A móc, dá-hù, chấm com chấm cháo là gì? Chị nói em không hiểu, thôi, em thấy không được đâu.
- Em không thích mấy cái đó thì em cho chị cái số điện thoại được rồi.
- Em có điện thoại đâu mà cho chị.
- Thì điện thoại nhà nào bên cạnh nhà em cũng được có sao đâu.
- Ủa, vậy hạ, đây số điện thoại đây nè.
- Ô kê, vậy là đủ rồi, khi nào có tin vui cho chị biết nghen. Nói xong người thiếu nữ ra đi một hơi.

Loan chưa kịp hỏi tên và số điện thoại thì người thiếu nữ đã khuất bóng đâu rồi.

- Chị đưa hình cho bà chi vậy? Phượng hỏi.
- Thì kệ nó, mình mát mát gì mà em lo dữ vậy.
- Chi đưa cho bà tấm hình nào?
- Tấm hình áo hai dây mà chị bôi môi son đỏ lôm đóm.
- À, để rồi chị coi.

Một tháng, rồi hai tháng trôi qua Loan cũng không nhớ rằng có người đăng hình Loan trên mạng và đăng những gì trên đó. Và cuộc sống mọi ngày như mọi ngày, rồi một hôm:

- Loan, có người gọi điện thoại cho cưng nè cưng.

- Ai vậy Sáu, nói đợi em một chút, em đang bận nấu ăn.
 - Người ta nói ở nước ngoài gọi vào đó.
 - Ủa! Vậy hả, lát nữa em sẽ đến ngay.
 - Dạ, Loan đây.
 - Loan hả, anh là Linh, Loan có rảnh không?
 - Anh Linh từ đâu gọi về vậy?
 - Anh gọi từ Mỹ.
 - À, Anh Linh nói đi Loan nghe đây.
 - Anh biết Loan trên mạng và muốn làm bạn với Loan được không?
 - Chỉ muốn làm bạn không thôi sao?
 - À ... thì làm bạn nhau trước rồi sau đó thì sẽ đi xa hơn nữa.
 - Giờ này bên anh mấy giờ vậy?
 - Hai giờ khuya.
- Từ đó Loan ôm điện thoại nói đến hơn nửa giờ mới xong.

Rồi cứ thế dường như mỗi ngày vào khoảng một giờ trưa Loan nhận điện thoại của Linh, và những cú điện thoại cũng chỉ kéo dài khoảng nửa tiếng là xong. Một tuần sau Loan nhận lá thư tay đầu tiên từ Linh. Nhìn con tem và phong bì Loan cũng thấy xa lạ. Cái phong bì màu trắng tinh, không màu mè, gạch xanh, gạch đỏ như những lá thư Loan nhận từ bạn bè, nó đơn giản như tấm lòng của người gởi thư. Nhưng bên trong lại là những lời thì thầm thật đầm ấm mà có lẽ Loan chưa bao giờ có được trước đây. Những lời thì thầm quá chân tình của Linh đã làm Loan suy nghĩ rất nhiều, và rồi những cánh thư hồi âm của Loan cũng đều đặn bay về Phượng trời xa lạ. Có ai tin được những mối tình ngàn dặm, những mối tình chưa bao giờ gặp nhau, những mối tình internet, vậy mà nó vẫn có.

- Anh đó tên gì mà gọi chị hoài vậy? Phượng hỏi.

- Linh.

- Ảnh nói gì với chị?

- Thì những chuyện trên trời dưới đất mà. Ảnh nói cuộc đời là cái chén bẻ, rồi ảnh nhìn thấy hình chị tự nhiên ảnh thương, và ảnh nghĩ chị những nhẽo nhiều lắm. Ảnh nói chỉ muốn tìm một người vợ rất bình thường, những nhẽo và làm nũng cho vui cuộc đời, vậy thôi.

- Vậy là ảnh đụng hàng rồi đó. Mà hai người xa nhau ngàn dặm làm sao thương yêu nhau được mà nói.

- Ừ, ảnh nói những người sống gần nhau, gặp nhau hằng tuần, và yêu nhau tha thiết rồi cuối cùng cũng chẳng đến đâu. Ảnh nói: "Bây giờ có lẽ chưa yêu nhau nhưng sau này rồi sẽ yêu nhau, và biết đâu trong tình yêu đó anh đã giúp một cuộc sống ra khỏi một xã hội quá nhọc nhằn cực khổ chỉ vì nợ áo cơm. Tình yêu nào cũng tự mình gây dựng lên mà, và biết đâu anh sẽ tìm được tình yêu trong em mà còn là một tình yêu đầy ý nghĩa." Còn chuyện của em và Dương, ngày đám cưới cũng sắp đến rồi, em lo công chuyện đi.

- Anh ấy có nói khi nào về thăm chị không?

- Anh ấy muốn về thăm chị vào dịp Tết nhưng chị nói lúc đó tiệm tùng của mình còn nhiều chuyện lòi thôi lắm, đợi sau Tết hãy về.

Mới đó mà Loan đã quen biết Linh hơn bốn tháng rồi. Thời gian trôi qua thật nhanh. Nhìn lại chồng thư tay Linh gởi cho Loan bây giờ đã cao thật cao. Cái hạnh phúc dường như vô bờ bến mỗi lần Loan thấy người đưa thơ mang thơ Linh đến tiệm ăn trao cho Loan. Loan mở ra đọc ngay rồi tối về Loan lại chong đèn trong giường đọc lại. Rồi Loan lấy giấy bút ra viết thư cho Linh: "Anh thương, em đang nằm trên giường viết thư cho anh đây nè, ..." Những vần chữ cứ múa máy trên tờ giấy trắng để rồi ngày mai nó bay về người thương, trong đó có cả niềm vui của Loan.

Sài Gòn sắp vào ngày xuân.

Những con đường, phố xá qua bao tháng ngày phong sương, nay cũng được mặc lớp áo mới.

Những tấm băng quảng cáo màu vàng rực được dán lên trước những cửa tiệm. Những bức tường mang màu nâu sẫm của năm tháng bụi đời nay cũng được phết vôi trắng phều để khoe sắc cho ba ngày xuân. Sài Gòn bây giờ người ta nhôn nháo với cảm giác sửa soạn để đón xuân. Những khuôn mặt trẻ thơ hơn hớn sẽ được khoe áo mới. Và những khuôn mặt sần bi nay cũng ráng nở nụ cười để tiễn đưa những buồn phiền năm cũ cho vào dĩ vãng. Nhưng xuân Sài Gòn bây giờ không còn như xuân Sài Gòn ngày xưa. Người ta sẽ thấy thiếu một cái gì đó khi đi ngang qua chợ Bến Thành trong những ngày cuối năm mà không thấy hình ảnh của những anh bầy Chà Và của kem Hynose. Sài Gòn bây giờ cũng không còn những nàng tiên mỹ miều trong chiếc áo dài duyên dáng, tay cầm miếng khô Nai khô Cá Thiều rao bán trong ba ngày Xuân quanh chợ Bến Thành. Và Sài Gòn bây giờ đã vắng đi con đường chợ hoa Nguyễn Huệ của ngày xưa. Con đường đã từng tô thắm và làm tăng vẻ đẹp độc đáo của Sài Gòn trong ba ngày xuân với những cành mai, những chậu bông muôn màu rực rỡ. Loan đã có những ngày thơ ấu lớn lên bên góc phố này của ngày xưa, nhưng ngày xưa đã qua rồi. Ba ngày xuân đến và đi rất mau. Và xuân năm nay Loan có niềm vui mới. Loan cũng xuống phố đón xuân, cũng đến bạn bè chúc Tết, nhưng có lẽ niềm vui lớn nhất của Loan là những cánh thư tay của Linh. Những lá thư nón nén từ tay người mình thương sao nó đẹp và mang nhiều ý nghĩa, không như những lá thư từ con a móc như bạn bè của Loan. Loan rất quý mến và trân trọng những lá thư tình này kỳ lạ, và Loan đem bỏ chúng dưới đầu giường, để ru Loan ngủ trong những đêm cô đơn.

Tết đã qua rồi nhưng mùa xuân vẫn còn đâu đây. Tuần tới là ngày Phượng lên xe hoa về nhà chồng. Mấy năm nay hai chị em sống chung trong căn nhà nhỏ bé này, bây giờ Phượng đi lấy chồng, Loan cũng không biết cuộc sống của mình rồi đây sẽ ra sao. Nhưng có điều là tuần tới, một ngày trước ngày Phượng đi lấy chồng, Linh sẽ về thăm Loan. Nghĩ đến ngày đó Loan cảm thấy vui, nhưng không biết nỗi vui của mình ra sao, cái ngày đầu tiên gặp Linh không biết nó sẽ ra làm sao. Vui, chắc là vui lắm, nhưng sao Loan vẫn thấy lo lo làm sao. Loan chỉ biết Linh qua những lời nói trên thư và tấm hình nhỏ bé kia thôi. Còn ngày mai, ngày mai Loan sẽ đối diện với người bằng xương bằng thịt, Loan vẫn băn khoăn.

- Sao chị không ngủ đi, ngày mai ảnh mới về mà. Phượng nói.

- Ừ, chị biết rồi nhưng sao vẫn thấy làm sao ấy.

Hôm nay căn nhà nhỏ của chị em Loan Phượng rộn ràng đủ thứ. Chiều nay là ngày nhóm họ, vài ba người thân từ Phượng xa về mừng cho ngày vui của Phượng. Loan sắp xếp cho chuyến bay của Linh đáp vào chiều nay, để ngày mai Linh cũng có mặt trong ngày vui của Phượng. Một ngày bận rộn rã rồi, rồi chuông điện thoại reng lên. Bên kia đầu máy Loan nghe tiếng nói của Linh:

- Chuyến bay của anh bị đình đến chín giờ tối mới đáp cánh được.

- Thì chín giờ tối em sẽ ra đón anh.

Chín giờ tối Loan ra sân bay Tân Sơn Nhất, nhưng rồi chuyến bay lại đình trệ đến mười hai giờ khuya mới đáp cánh. Trên đôi tay Loan cầm bó hoa hồng và đôi mắt cứ nhìn vào đám đông từ máy bay xuống. Thoáng nhìn, Loan thấy một người đàn ông da ngăm, tay đẩy xe hành lý, chân bước đi mà cặp mắt đắm chiêu nhìn vào đám đông trước mặt như đang tìm một hình bóng quen thuộc nào. Loan chen chân qua đoàn người đến trước mặt, và gọi:

“Anh.”

Loan bèn lên trao chùm hoa hồng cho Linh rồi vội nhìn xuống mặt đường.

Trong cái thẹn thùng có cái đẹp riêng của người con gái. Mái tóc cắt ngang bờ vai và đôi môi son đã làm rõ thêm khuôn mặt Loan dưới ánh đèn mập mờ ngoài sân bay. Và cuộc hội ngộ mang theo một chút gì bờ ngỡ. Linh ôm trọn những cành hoa trong tay mà lòng băng khuâng với niềm vui mong đợi. Cái giây phút bờ ngỡ trong chốc lát đã tan đi, khi những tiếng nói,

giọng cười của Loan trong chiếc điện thoại của những ngày qua từ từ nhảy múa trong đầu óc của Linh. Và rồi Linh lại thấy như hai người đã gặp nhau từ lâu.

- Em ... chờ anh lâu không?

- Không ...sao đâu, anh đi đường có mệt không?

- Bây giờ mình đi về đâu đây em? Chắc em mỗi mệt lắm, hay là mình đi đâu uống nước và kiếm cái gì ăn, anh đói bụng quá.

- Cái thân bồ tượng của anh đó, ăn mấy chục năm rồi mà còn đòi ăn hoài. Để em kêu taxi nhe. Khuya rồi, đêm nay anh về ngủ ở Phú Nhuận đi. Mình không có thì giờ nhiều đâu, ngày mai là đám cưới của Phượng.

Hành trang của Linh chỉ là một chiếc vali nhỏ. Loan đi bên cạnh Linh lên xe taxi rời khỏi sân bay. Trời Sài Gòn về khuya bóng người thưa thớt, chiếc taxi vẫn chạy boong boong dưới ánh sáng mập mờ của thành phố về đêm. Linh nhìn ra ngoài đường, thấy hoàn toàn xa lạ. Chiếc xe taxi chạy một hồi dừng lại trước một khách sạn nhỏ bé bên đường. Linh cũng không biết mình đang ở đâu, chỉ biết đi theo Loan như như một tên tù binh. Vậy là đêm nay Loan an bài cho Linh ngủ ở đây. Đã quá nửa đêm, Sài Gòn đang chìm trong giấc ngủ. Ngoài đường thỉnh thoảng chiếc xe gắn máy chạy vụt trong màn đêm để lại tiếng máy nổ rời rạc trong không gian trầm lặng. Căn phòng nhỏ, Linh thả bừa những đồ đạc và vất chiếc vali trên nền thảm xanh.

Ánh đèn trong căn phòng từ từ mờ dần rồi như muốn tắt hẳn. Chiếc áo hai dây của Loan từ từ buông xuống và mùi thơm da thịt của nàng lan rộng trong không gian ẩm cúng. Trong bóng tối mập mờ của màn đêm, những đường cong tuyệt đẹp của bàn tay tạo hóa đã thu hút tâm hồn nhũn nhụa của Linh. Rồi trong bóng tối diệu huyền đó hai tâm hồn cuộn tròn trong nhau để uống từng hơi thở dồn dập. Ngoài kia sương rất lạnh, những côn trùng cũng đang nín thở. Rồi trong màn đêm thanh vắng, khe khẽ những tiếng kêu rên xiết: "Chắc em chết quá anh ơi!" Rồi tiếng khóc vỡ oai trong màn đêm! Tiếng khóc hạnh phúc của tình yêu!

Năm ba chiếc xe quang họ rời khỏi hẻm Khu Phố 5 đường Tô Hiến Thành để đưa cô dâu về đường Cô Giang. Loan ngồi trên xe cô dâu với Phượng mà lòng ngổn ngang với những niềm vui. Sau đám cưới Loan đóng cửa tiệm ba tuần để người chủ nhà lo sửa chữa cửa tiệm, và Loan dùng thời gian đó cho Linh.

- Ngày mai anh đưa em vào Chợ Lớn chơi nhe. Linh nói.

- Không, em muốn đến tòa nhà cao nhất thành phố ở quận Nhất kia, nghe nói tầng lầu 29 có bán thức ăn ngoại quốc, anh đưa em đến đó đi nha.

- Ừ, anh sẽ đưa em lên đó. Nhưng hôm nay em đi với anh lên sân bay một chút nhe. Để anh chạy xe Honda chở em đi.

- Anh chạy ra đường Cách Mạng Tháng Tám xong quẹo trái mới lên sân bay được.

- Em ngồi sau chỉ đường anh đi nhe. Anh muốn ngừng ở tiệm rửa hình kia một chút.

- Chi vậy.

- Rửa hình chứ chi.

- Thôi, em không muốn rửa hình tiệm này đâu.

Vừa nói xong Loan nhảy xuống xe. Linh phải cập xe theo lẻ đường năng nỉ.

- Trời ơi, làm ơn trèo lên xe dùm anh đi. Em không thích thì thôi. Kỳ quá à, không ưng là nhảy xuống đại vậy hả, nhờ té thì sao.

Loan leo lại lên xe và bảo:

- Anh chạy đi.

- Anh sợ em rồi đó nha.

- Mắc mớ gì sợ em.

- Sợ tính gàn của em đó.

- Ai bảo anh chọc em chi. Rồi Loan đánh thúi thúi sau lưng Linh.

Xong chút việc ở sân bay Linh đưa Loan trở về. Những ngày tháng mong manh bên Loan và những ngày tháng trở lại thăm quê hương Linh thấy thật vui. Lâu lắm rồi Linh không có dịp

chạy xe Honda, vậy mà mấy ngày nay Linh đèo Loan trên chiếc xe Honda chở đi chơi khắp nơi trong phố. Loan muốn đi đâu là Linh lại đèo trên xe chạy đi, mà nhiều khi Loan không muốn đi, Linh cũng bắt ngồi trên xe chở đi chơi. Dường như những ngày tháng hôm nay đã làm sống lại tuổi thơ của Linh ngày xưa. Cái thú lớn nhất của Linh có lẽ là xách xe Honda chạy rong ngoài phố, chỉ chạy ngoài phố thôi, không cần phải có mục đích. Cũng như ở xứ văn minh con người hay tìm về những gì mộc mạc, đơn sơ của ngày xưa.

- Em đói bụng rồi, anh ngừng lại tiệm nào để ăn nha.

- Em muốn ăn đồ gì, Tây, Tàu, hay Việt?

- Em muốn ăn cơm.

- Tiệm này được không?

- Tiệm nào cũng được mà.

Linh đưa Loan vào tiệm ăn bên đường. Loan gọi vài món ăn bình thường và món rau muống xào chao. Chỉ đơn giản vậy mà bữa ăn thật ngon. Nơi Linh ở để gì có rau muống để ăn hằng ngày, nên Linh thấy món rau muống hấp dẫn đã đành, vậy mà Loan cũng mê món rau muống xào chao này. Ba tuần lễ trôi qua thật mau, Linh đã đưa Loan đi chơi, mua sắm mọi nơi trong thành phố Sài Gòn. Sài Gòn những ngày cuối tháng Ba là thời gian giao mùa, trời rất nóng.

Vào tháng Tư là bắt đầu mùa mưa. Có những hôm nóng nực, Linh chở Loan dạo mát ngoài Thanh Đa. Những quán ăn nằm dọc theo bờ sông Sài Gòn, rất đơn sơ, chỉ có những ghế ngồi, những chiếc võng treo dưới tàn cây nhìn thẳng ra dòng sông. Và những cặp tình nhân thường đến đây vào những buổi chiều tắt nắng.

Quen biết nhau hơn một năm, bây giờ gặp nhau ba tuần. Ba tuần ngắn ngủi quá, nhưng ba tuần qua Loan thật sự tìm được tình yêu. Ngày mai này Linh ra đi. Loan biết rõ sẽ có ngày này, nhưng Loan vẫn buồn, vì cuộc vui sao sớm vội tàn!

Giờ bay sắp đến, Linh hôn nhẹ lên vầng trán của Loan, siết tay thật cứng như muốn giữ mãi không muốn lìa nhau. Nhưng cuộc hội ngộ nào rồi cũng chia tay. Loan trở ra sân bay, nhìn lên bầu trời, bóng người thấp thoáng đi vào chân mây.

oOo

Ba năm rồi Loan vẫn trong tin của Linh. Rồi một hôm Loan gặp một người xưa.

- Chào em, anh là Hạnh. Ngày xưa Linh có nhờ anh trao cho em mấy món quà đó, em còn nhớ không?

- Chào anh Hạnh, em nhớ chứ. Mà sao lâu rồi ... Linh có khỏe không anh?

- Hôm nay Linh lại nhờ anh trao lá thư này cho em. Thôi, chúc em vui nhiều nhé, anh phải đi rồi.

Loan bàng hoàng mở phong bì:

“Loan em,

Đã mấy tháng rồi anh không còn nghe được tiếng nói của em, không biết giờ này em đang làm gì và có còn nhớ đến anh không? Xưa mình gặp nhau một lần rồi xa nhau mãi mãi, không ngờ cuộc tình lại mong manh đến thế! Đã bao lần anh nhớ về em và biết bao nhiêu lần anh viết thư cho em rồi lại xé đi. Hôm nay anh viết cho em lá thư này có lẽ là lá thư cuối cùng, và ngày mai, khi em đọc những dòng chữ này thì anh đã xa rồi. Em biết không, hơn hai năm nay không một ngày nào anh không nghĩ về em. Những buổi chiều trên đường trở về, nhìn giòng người chạy như con trốn anh lại nhớ về em, hình ảnh người em bé nhỏ vẫn ray rức trong suy tư.....

.....

Nhưng em ơi, em còn trẻ quá, cả tuổi đời, tâm hồn và lối suy nghĩ

“.....

Loan ngưng đọc những dòng chữ vô tình, nhắm nghiền đôi mắt, để cho tâm tư lắng đọng

trong một tâm hồn rời rạc. Thì ra cái mà người đời gọi là tình yêu lại đến và đi như con diều no gió, rồi đứt giây giữa trời. Mới hôm qua em gặp anh, bây giờ anh là người tình phụ! Vậy mà em vẫn nghĩ tình yêu là cứu cánh, là tinh hoa cuộc đời, là điểm tựa để em trở về.

Hôm nay trời không mưa nhưng trong lòng Loan vừa gọi sạch. Loan đóng cửa tiệm ra về sớm hơn mọi ngày. Đi ngang qua tàn cây me, Loan lại nói:

- Bác Năm, sáng mai chờ con đây nhe.

- Thôi con ơi, bác biết con buồn, nhưng hãy quên đi. Lại đây ngồi nghe bác kể chuyện đời xưa:

“Ngày xưa bác cũng có vợ hiền con ngoan, nhưng rồi cuộc giải phóng cũng giải phóng luôn tấm lòng chung thủy của vợ bác. Ngày bác ra tù, tìm lại mái ấm ngày xưa thì đã trở thành đồng tro tàn. Họ đã ra đi vui cùng duyên mới, cả đứa con của bác cũng không nhìn ra cha! Tình yêu của kẻ bạc tình, có nghĩa gì đâu con, chỉ là một buổi chiều gió thổi nhẹ qua bờ vai. Con nay cũng lớn rồi, thằng Khổng đó, coi long bong vậy mà là một đứa tốt. Tìm đâu chi cho xa con. Thôi về đi, trời đã tối rồi.”

Một ngày nọ Khổng cập chiếc xe xích lô bên tàn cây me cùng bác Năm, lòi chai rượu trong túi ra, nốc một hơi xong đưa cho bác Năm rồi miệng oang oang: “Khổng say, khổng say phải không bác Năm?” Loan trèo lên chiếc xe xích lô của Khổng, và bảo:

“Chở em đến bệnh viện Từ Dũ, mau lên.”

Tôi theo mẹ

Mấy ngày nay sáng nào cha tôi cũng mang trâu ra bãi kéo cát đắp bờ độn xe nước. Từ sáng sớm cha tôi đã thức dậy đem trâu đi rồi, phải đi sớm để trâu nó không mệt. Thứ trâu là vậy đó, làm việc như trâu, khoẻ lắm, nhưng nắng nóng lên là nó mệt, nó thở xùi bọt mép luôn. Anh tôi - Hữu - phải theo cha ra bãi kéo cát. Chỉ có nửa tên xe mà sao kéo hoài không xong, làm như cát kéo lên nó lại chùi xuống không bằng! Nhưng làm trương cử, đi kéo cát không mệt lắm đâu. Hai con trâu mang cái trang kéo cát dưới sông lên đổ thành một cái bờ, rồi lại đi xuống kéo trang cát khác. Cứ thế làm suốt buổi, nhưng được cái là hụp lên hụp xuống nước suốt ngày nên cũng mát. Đã không mệt mà còn có ăn nữa, vì mỗi lần cát trút lên bờ là những con lạch (giống như con cá chạch nhưng nhỏ và dài hơn) trong cát lọt ra, anh tôi chụp xỏ râu một nhĩ. Mà vui hơn nữa là vào những ngày mùa, trương cử ngồi nhà thu lúa đầy vựa. Từ tờ mờ sáng hai cha con mang trâu ra sông Vệ hùi hùi kéo cát mãi đến trưa mới về ăn ba hột cơm. Trời đứng bóng rồi, cha tôi mở trâu ra cho về nhà nghỉ.

Trâu vừa về đến nhà:

- Hữu, nhốt mấy con trâu vô chuồng xong rút rơm cho nó ăn nghe hông. Cha tôi bảo thế.

Me tôi sáng thức dậy, thổi vại ba hột cơm xong, bày lên bàn cho hai anh em tôi. Me tôi lên nhà trên lo ba chuyện lật vật trong nhà. Thấy im re, me tôi xách thúng lòn ra vườn sau để đi ra bãi hái ít đậu xanh và coi đám đậu phụng, chiều về lo cơm nước cho cả nhà.

Năm đó tôi lên bốn, anh Chín tôi lớn hơn tôi một tuổi. Tôi có một cái tật mà đôi khi làm cho me tôi bực mình lắm, là đi theo me như cái đuôi. Ban tối cũng theo, ban ngày cũng theo, trời mưa,

trời nắng chang chang cũng theo. Me tôi đi đâu là tôi theo bám sát Thường thường tôi lắng nghe và biết me tôi hôm nay sẽ đi đâu. Vậy là trước khi me tôi ra khỏi nhà, tôi đã ra đứng chặn đường một khúc cách nhà thật xa, khi me tôi đi qua, tôi ra đi tò tò phía sau. Khi me tôi nhìn thấy tôi, thì đã quá xa nhà rồi! và tôi được đi theo me.

Đặt cái trang kéo cát xuống bờ hè, cha tôi đi thẳng vào nhà bếp:

“Bếp núc gì đâu mà lạnh tanh vậy nè, thôi để tao thổi vài hột cơm ăn. Hửu, ra sau hè ôm vô đây vài cây củi.”

Hai cha con đang thổi bếp nấu ăn.

“Hu, hu,...mở cửa, mở cửa.”

“Đứa nào khóc trên đó.” Cha tôi nói không không qua gió.

“Hu, hu,...mở cửa, mở cửa.”

“Cha tụi bây, ăn rồi nhảy rông suốt ngày, giờ còn ngồi trên khóc la nữa”, cha tôi bực mình la mấy câu. Rồi ông chống hông lo thổi lửa nấu ăn.

“Có con gái, lớn lên nó đi lấy chồng coi nư huê tiền, được nhờ vả gì đâu. Mà nhà chồng nó phải xa lác xa lơ gì, vậy mà không thấy tăm thấy dạng đâu hết. Lần sau tao để toàn con trai không cho biết.” Chắc lửa đang đốt râu ông, ông quạo lên, ông nói cho đã miệng vậy mà, chứ coi đó, ông Chi chồng chị Sáu tôi, có khác gì đâu, cũng biên biệt mút mùa Lệ Thủy luôn, đâu có về giúp gì ông già đâu!

“Hu, hu,... mở cửa.”

“Mở cái thằng cha mày, nhà trên nhà dưới thường luồng một lèo mà đòi mở cái gì. Bộ tụi bây tưởng ông già này làm nghề giữ con nít cho tụi bây hả? ông còn phải đi cày nữa chứ.” Lửa mới vừa nhen nhói lên, cha tôi vo vài hột gạo bắt giao cho ông táo. Nhìn lại thấy cái lu nước cạn queo như ruộng nứt tháng ba không bằng.

“Hửu, ra giếng lòi vô đây mấy gàu nước coi.”

Gần nữa tiếng đồng hồ trôi qua, vậy mà ông táo mới đổ lửa thôi, còn cơm canh cũng chưa thấy đâu hết.

Đàn ông như cha tôi coi vậy mà làm cơm cũng hay, ông vo gạo, đổ nước vào xoong, lấy ngón tay chọc vào cái nồi, đo đúng một lóng ngón tay là ông bắt lên lò. Mà bữa ăn không có rau sống, không có canh là ông ngồi ông gõ đôi đũa, hử một cái là thấy mệt.

“Hu, hu,...mở cửa.”

“Ừa, mở, để đó rồi tao mở cho, bây giờ tao phải đi ra vườn hái ít rau làm nồi canh đã.”

Ở nhà quê sướng thiệt, cái gì cũng có, mà có ngay trong vườn luôn, nào là dưa leo, khổ qua, rau muống, hành, hẹ, ôi thôi cái gì ông cũng trồng hết. Phải chi ở đây mà tôi trồng được như thế thì mấy cái siêu thị như Giant, Safeway chắc nó ngập dài dài. Nghe tiếng hu hu hoài cha tôi thấy mệt rồi, nên hái xong ba cọng rau, cha tôi đi vòng ra đằng sau nhà, xuống bếp.

Không biết cha tôi có còn dưới bếp không hay là ông đi đốt điều thuốc rồi. Tôi biết có lần cha tôi đi cày, đang giữa buổi cày mà ông nổi cơn ghiền lên là ông để trâu đứng ở đám Bờ Khoa, ông đi tuốt lên gò Ông Sơn để đốt điều thuốc. Rồi ngồi trên đó tán hươu, tán vượn, nhiều khi trở về thì trời đứng bóng mất rồi, phải mở trâu ra cho nó nghỉ luôn.

“Hu, hu, ... mở cửa.”

“Hữu, mày lên coi thử đũa nào trên mà đòi mở cửa hoài vậy.” Cha tôi bảo thế. Anh tôi nghe vậy, ông cũng lên coi thử.

Nhà tôi thì cửa liên giây liên vũng, kê bằng cửa lá sách, cánh này nối liền cánh kia chạy một hàng ngay đơ. Anh Hữu lên thấy tôi ngồi úp ngực vào cửa, anh Chín tôi thì ngồi một đống bên cạnh. Đũa nào cũng khô nước mắt rồi. Ông liền xuống báo cáo:

“Dạ, thằng Chín và thằng Mười trên đó cha, mà con thấy mấy cánh cửa đã mở toan rồi mà.”

“Vậy sao nó khóc đòi mở cửa hoài?” Cha tôi hỏi thế.

Thế rồi cha tôi và anh tôi tiếp tục nấu ăn.

Cái nắng của buổi trưa càng lúc càng nóng, cha tôi lụi hụi thổi bữa cơm cho xong. Đã gần một tiếng đồng hồ trôi qua từ lúc cha tôi trở về nhà.

“Hu, hu, ... mở cửa.”

Lần này nghe tiếng khóc, cha tôi đang trong cơm mệt mỏi, ông liền cầm cây roi lên nhà trên:

“Cửa nẽo đã mở tuốt như vậy rồi mà còn đòi mở cái gì nữa.” Ông liền quát tôi một cây, xong bỏ xuống bếp.

Vậy mà tôi không la hét, không nói gì hết, nước mắt và hơi đầu nữa mà la hét! Tôi nghe tiếng lục đục, xoong nồi khua leng keng dưới bếp.

“Hu, hu, ... mở cửa.”

“Hữu, lên đó coi thử hai đũa đó mắt chừng gì mà cứ khóc la hoài.”

Anh tôi lần này bước lên:

“Cửa đã mở rồi mà sao hai đũa khóc hoài vậy.”

Tôi không nói được lời nào, chỉ ngồi thút thít tí tê, anh Chín tôi cũng thế. Thấy vậy anh Hữu lôi tôi ra khỏi cánh cửa, tôi khóc ré lên một tiếng xong ngắt xiu luôn. Anh Hữu vừa nhìn cánh tay tôi, ánh la lên:

“Cha, cha, tay thằng Mười kẹt cứng trong cánh cửa rồi.”

Nghe tiếng la thát thanh của anh tôi, cha tôi bỏ hết cơm nước lật đật chạy lên. Ông đẩy bật cánh cửa ra, cánh tay tôi buông xuống.

Lúc đó tôi có thể rời khỏi cánh cửa và đi chơi được rồi chứ, nhưng tôi còn đi đâu được nữa, tôi đã nằm gọn trong lòng của cha tôi, và ánh mắt sục sùi không một giọt nước.

Như vậy là tôi đã chịu trận bên cánh cửa này từ tám giờ sáng đến một giờ trưa. Nhìn ngón tay út tôi nó dẹp lép không thua gì tàu lá, không còn màng đến cơm, nước gì nữa, cha tôi bồng tôi trên tay đi một mạch xuống bãi tìm mẹ tôi.

Đến nơi thấy mẹ tôi đang hái mấy trái đậu xanh:

“Bà lên đây, lên đây.” Cha tôi đang tức giận lắm.

Mẹ tôi không biết ắt giáp gì hết, đang hái đậu, mẹ tôi nói:

“Thì đừng đừng tui về, ông làm gì mà dữ vậy.”

“Không đừng đừng gì hết, bà lên ngay đây.”

Vậy là mẹ tôi phải bỏ giữa chừng, ôm thúng đậu đi lên. Đến nơi thấy cha tôi bồng tôi trên tay, mẹ tôi thấy lạ vì ít khi nào thấy cha tôi bồng tôi như thế này. Mẹ tôi chưa kịp hỏi gì thì cha tôi nói:

“Bà đền cho tôi đi, đó, ngón tay nó đó, bà đền cho tôi đi.”

Nói xong cha tôi đưa tôi qua cho mẹ tôi.

“Ngón tay nó làm sao như thế này.” Mẹ tôi hỏi.

“Còn làm sao nữa, làm sao bà phải biết chứ.”

“Thì ông nói đi, làm sao tui biết được. Trời ơi sao tay con tui như vậy!”

“Tui đi kéo cát về, đang nấu cơm, thì phát hiện nó bị kẹt tay trong cửa từ hồi nào mà nó ngồi đó nó khóc hết nước mắt rồi, bộ bà không biết sao, ngón tay nó bây giờ dẹp lép rồi đó, bà làm sao thì làm đi.”

“Thôi rồi, vậy là chết tui rồi, con ơi mẹ đâu có biết. Ông ơi, lỗi của tui rồi.”

Thế rồi mẹ tôi không thiết gì nữa, bà bồng tôi về nhà.

Tình thương cha mẹ dành cho con lúc này tôi mới thấy rõ. Những lúc tôi nghịch ngợm, phá phách, cha tôi thường la đánh tôi, và thông thường thì gương mặt cha tôi rất lạnh lùng trước mặt tôi. Nhưng bây giờ, tôi mới gầy một ngón tay mà hình như cha tôi như một con chim gầy cánh, chắc là đau lắm.

Đến nhà cha tôi muốn biết sự thật về ngón tay của tôi.

“Sáng tôi đi kéo cát thì hai đứa nhỏ ở nhà với bà mà sao bây giờ ngón tay nó như thế này?”

“Thì sáng tui đem đồ ăn cho hai đứa, ăn xong tui tưởng hai anh em nó ở nhà chơi nên tui mới ra bãi hái đậu, không ngờ tui mới ra đến đầu ngõ nhà ông Ngoại nó, thì tui thấy nó đã ở đó rồi, thấy trời nắng nóng quá sợ nó dăng nắng trúng bệnh nên tui mang nó về nhà nhốt nó lại, khi tui

đóng cánh cửa lại, ai ngờ nó lấy tay đẩy ra, tui đâu có thấy, tui đóng cửa lại luôn.”

“Bộ bà không nghe nó khóc sao?”

“Thì nghe chứ, nhưng tui tưởng không cho nó đi theo nó khóc chứ ai mà biết chuyện như vậy. Thôi, ông cũng phải giúp tui làm sao chữa ngón tay nó đi.”

“Giúp, mà giúp cái gì đây, ngón tay nó bị cửa lá sách kẹp nát xương rồi, làm sao chữa được đây, tui không biết bà giỏi thì bà làm đi.”

Vậy là xong, người ta sinh ra có ngón tay tròn trịa nhưng bây giờ thì tôi sinh ra có ngón tay bị dẹp lép.

Lúc bấy giờ máu tìm cách chạy xuống nuôi dưỡng phần bị hư nên nó nhứt nhối khỏi chề. Mấy ngày trời tôi bỏ ăn và chỉ nằm trong vòng tay của mẹ, mẹ tôi hết đi lên lại đi xuống, nghe người này chỉ, người kia chỉ, hái đủ thứ lá dán trên ngón tay tôi, nhưng vẫn không thấy nó tròn lại.

Rồi một hôm mẹ tôi bỗng tôi xuống nhà Ngoại cho cậu tôi xem, xem xong không biết cậu tôi nghĩ gì ông liền lấy ... cái kéo ... ông xốt một cái! nửa ngón tay bay cái vèo xuống đất. Trời ơi, máu, máu nó phóng ra như một vòi nước.

Lại một lần nữa tôi ré lên và ngất xỉu.

Từ đó đến ba tháng sau, ngón tay tôi nó làm hung, nó sưng lên như trái cam, rồi nó thúi ... giống như mùi... mùi chuột chết. Cha tôi không dám bắt đèn me tôi nữa, vì sợ cánh tay tôi sẽ đi theo ông bà.

Rồi bao nhiêu rùng cha tôi cũng trèo lên hái lá, bao nhiêu tiệm thuốc bắc cha tôi cũng đến, nhưng nó vẫn sưng và vẫn ... Lúc này thì chỉ có mẹ tôi là người chịu tôi nổi thối.

Một hôm đoàn quân về đóng ở làng dưới, nghe nói mấy anh lính đánh trận hay bị thương như tôi lắm, và cha tôi bỗng tôi xuống gặp mấy anh lính. Thế rồi mấy anh lính lấy tay tôi ra mổ xẻ, bảo cha tôi mang về và hằng ngày xức cái thứ thuốc này, thuốc gì tôi không nhớ nữa, nhưng hay lắm, ngón tay tôi từ từ xẹp xuống, mũ khô đi, và bắt đầu liền lại.

Bốn tháng sau, mỗi lần thấy mẹ đi chợ, tôi ngồi trước thềm, đợi chờ.

Tiếng đàn

Dựng chiếc xe đạp vào xó tường, Mão nằm dài trên chiếc giường tre dưới buổi trưa hè nóng cháy, mắt nhìn lên trần nhà thờ phào một tiếng và nói thảm trong bụng:
“Phê. Từ đây mình không còn lo sợ gì nữa, ít ra cũng là sĩ quan.”

Sáng hôm nay Mão chạy xe lên đường Nguyễn Bình Khiêm, vào trường Võ Trường Toản bên cạnh Bộ Giáo Dục để xem kết quả kỳ thi Tú Tài đôi. Sân trường Võ Trường Toản người đông hơn đi xem hội, những khuôn mặt buồn vui lẫn lộn. Sau một hồi chen lấn Mão nhìn thấy tên mình đã được “Bảng hỏ đề danh”. Vậy là xong, Mão ra sân lấy xe chạy về báo tin vui cho Mẹ và các em. Nhưng thật ra, trong lòng Mão không lấy gì hồi hộp hay hớn hờ, vì trong thời gian qua Mão đã bỏ quá nhiều thì giờ để chuẩn bị cho kỳ thi này. Ngược lại, khi rời khỏi khuôn viên trường Võ Trường Toản lòng Mão không còn thấy vui!

Cuộc đời học sinh của Mão đã đi qua!

Chiếc xe đạp đồ xuống dốc băng ngang qua sở thú rồi quẹo trái vào đại lộ Thống Nhất (Lê Duẩn), lòng vòng trên những con đường ở quận Nhất đưa Mão về hướng Nhà Bè. Hai bánh xe quay đều và chậm. Chậm như cuốn phim cuộc đời học trò của Mão đang quay chậm. Những năm tháng “mài đũa nhà trường” đã để lại cho Mão biết bao kỷ niệm. Bên cạnh những năm tháng phá thầy phá bạn là những tuổi hồn nhiên, rồi những năm vào đệ nhị cấp với những cái đá lông nheo, những cái liếc mắt đưa tình. Nhưng khi hiểu được thế nào là yêu, là trắng trỏ, là khoảng thời gian giữa hai buổi học sao dài lê thê, thì Mão lại ơ thờ với tình yêu. Hay nói đúng ra là không dám yêu ai!

Sau này có những lúc Mão ngồi suy tư về một người con gái tên Cúc. Cúc học chung với Mão năm đệ Tam trường Tân Văn. Hằng ngày Cúc phải lấy xe lam từ Hóc Môn lên Sài Gòn để học. Chặng đường từ Bà Điểm Hóc Môn về chợ Bà Đũi dài và có những đoạn chỉ toàn ruộng lúa. Thời đó mỗi lần qua khỏi trung tâm huấn luyện Quang Trung là xe phải chạy thật mau để khỏi bị “bắn sê”. Và nhiều lần Cúc phải bỏ lớp, mỗi lần như vậy Cúc lại tìm Mão:

- Cho Cúc mượn tập về chép bài hôm trước được hông?
- Được chứ, mà sao hôm qua Cúc không đi học?
- Đi, mà đâu có đến trường được.
- Sao vậy?
- Đường bị “đắp mô” xe không dám chạy qua nên đành phải quanh về.
- Tập vở của Mão đây, Cúc mang về chép đi, tuần sau trả cũng được.

Lần cuối Cúc mượn tập vở của Mão về chép bài và khi trả lại Cúc tặng Mão cuốn sách Con Trâu của Trần Tiêu. Trong cuốn sách nằm im lìm một trái tim cắt bằng giấy màu đỏ. Nhưng khi Mão lật từng trang sách và khám phá ra trái tim với lá thư ngắn ngủi có vài dòng chữ đơn sơ, thì Cúc không còn tiếp tục học cùng trường nữa. Mão mỉm cười và nhớ về người con gái dễ thương: “Không biết lúc này Cúc lưu lạc nơi đâu?” Rồi tự dưng Mão thầm trách: “Vô lý, có chữ e đằng hoàng nhưng sao chữ “iu” của Cúc không có chữ e. Sao Cúc nói “iu” mà không cho người ta biết, sao mấy lần trước mượn bài vở Cúc không bỏ thư trong đó mà để đến lúc không còn gặp nữa mới bỏ vô, vậy giờ làm sao? Nhưng thôi, anh Hùng nói không lo học thì khi đi thi sẽ bị rớt.” Và rồi Cúc cũng không còn trở lại.

Những tháng ngày kế tiếp Mão chỉ biết vui đầu vào sách vở. Và ngoài kia chiến trường càng ngày càng sôi động!

Lớn lên trong thời chiến, tuổi thơ của Mão cũng bị lu mờ theo khói lửa! Hằng ngày Mão vẫn được nghe lời thầy giáo giảng dạy, rằng là văn chương thế kỷ 19 là một vườn hoa muôn màu sắc. Những bài thơ, những tư tưởng của tiền nhân lần lượt được đưa vào sách vở làm những món ăn tinh thần và nung nấu ý chí của người trai. Những lời ca tụng con đường công danh sự nghiệp như: “Tưốt hữu ngũ sĩ cư kỳ kiệt / Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên.” Hay “Làm trai cho đáng nên trai / Xuống Đông, Đông tinh / Lên Đoài, Đoài tan” đã thấm nhuần vào suy tư của những người học sinh thời loạn. Hay có lẽ, những kỳ thi Tú Tài trong thời chiến trở nên quá khó nhằm đánh rớt thí sinh để cung cấp cho chiến trường, đã làm người học sinh phải lo chăm học hơn. Và từ đó những cuộc tình ngây thơ của tuổi học trò cũng dừng lại bên cổng nhà trường.

Nắm mảnh bằng trong tay, và nhất là tờ giấy hoãn dịch vì học vấn, Mão thấy mạnh dạn hơn mỗi lần muốn bước chân ra khỏi thành phố Sài Gòn để ngắm nhìn vẻ đẹp của quê hương.

Từ sáng sớm Mão thức dậy và lấy xe đồ chạy về bùng binh Sài Gòn. Chiếc Peugeot trên tuyến Nhà Bè - Sài Gòn ngừng lại ở bùng binh Tân Thuận bóc thêm khách xong lướt chạy lên cầu Tân Thuận. Cây cầu được xây cất từ thời Pháp thuộc nay đã già, cũ kỹ, nên không còn quay

như ngày xưa. Ngồi trên chiếc xe chạt xích Mão đưa mắt nhìn con sông Sài Gòn nước đang dâng cao. Trên sông những chiếc xuồng con đưa mái chèo chở những mặt hàng thủ công, bập bênh bên cạnh những con tàu buôn khổng lồ, để bán cho những người thủy thủ xa lạ. Chiếc xe vụt chạy, hình ảnh những chiếc xuồng con đi tìm cuộc sống mờ dần trên bến sông.

Đến bùng binh Sài Gòn trời vẫn còn sớm, Mão lái chuyển xe đi Mỹ Tho. Chiếc xe đồ chạy boong boong trên đường Trần Quốc Toản (3 Tháng 2) về xa cảng miền Tây đi Bến Lức. Qua khỏi Bến Lức là khu ruộng đồng trống, nơi mà hằng ngày thường xảy ra những vụ bắn sể. Nhìn những gốc rạ nằm trơ trọi trên những đám ruộng khô cháy Mão chợt nhớ đến Cúc. Trên đoạn đường này, những năm trước xe đồ chở khách nhiều khi phải quay đầu trở lại. Hôm nay những gốc rạ cháy khô, nằm im lìm nhìn con gió lốc thổi qua từng hồi, nghe như tiếng hú của con chó sói trong tiếng đàn nhạc dạo mở đầu cho cuốn phim The Good, The Bad and The Ugly. Những gốc rạ này một thời là nhân chứng cho những giây phút hãi hùng. Chiếc xe đồ của Mão chạy vùn vụt băng qua “cánh đồng chết”, người ta vẫn gọi như thế, để đến Tân An. Rồi từ đó xe quẹo trái chạy về ngã ba Trung Lương đi Mỹ Tho.

Chiếc xe đồ trong cơn gió sớm đưa khách về thị xã Mỹ Tho. Hai bên đường là những cánh đồng lúa xanh ngát trải dài đến ngoài tầm mắt của Mão. Mùa Hè lúa đã lên cao, những ngọn lúa cúi đầu chào đón gió mới, không chút thẹn thùng mà lại phấn khởi, như tâm hồn của Mão hôm nay. Rồi chiếc xe đồ cũng đến bờ sông Tiền.

Nằm bên đây bờ sông Tiền là thành phố Mỹ Tho, bên kia là thị xã Bến Tre. Nối liền hai bờ là con phà Rạch Miễu. Mão xuống xe bước vào chợ Mỹ Tho bên cạnh phà Rạch Miễu xem cảnh người buôn bán và mua một ít đồ dùng. Mặt trời gần đứng trưa, cảnh tấp nập của ngôi chợ bên bến sông không còn như buổi sáng. Mão quay trở lại bến phà. Nơi đây sông Tiền rộng lớn, nước chảy mang nhiều phù sa làm cho dòng sông có màu vàng đục. Đứng trên bến phà nhìn ra trước mặt là cồn Phụng xanh um, còn gọi là cù lao ông Đạo Dừa vì nơi đó có xây chùa ông Đạo Dừa tức Nguyễn Thành Nam, người kỹ sư Hóa Học Pháp. Phà Rạch Miễu lúc này đã đông khách. Trong những người khách qua phà có rất nhiều nữ sinh trung học. Những người nữ sinh miền sông nước ăn mặc rất đơn sơ mà mặn nồng, áo bà ba trắng với quần lĩnh đen, tay ôm cặp sách, nón lá che vành mắt đã tô đậm nét đẹp dịu hiền của một miền quê mang đầy phù sa. Mão bước xuống phà theo đoàn người qua bên kia bờ sông. Trong tiếng cười nói vui nhộn của đám nữ sinh Mão chợt dừng đôi mắt và vui mừng reo lên:

- Cúc. Cúc làm gì đây?
- A! Mão. Mão đi đâu dưới này? Ngộ nhen.
- Mão đi chơi, đi xem chùa ông Đạo Dừa. Còn Cúc đi đâu đây?
- Cúc đi học.
- Sao lạ vậy, sao tự nhiên Cúc không đi học trên trên nữa?
- Năm đó tự nhiên Ba Cúc bị chuyển về Mỹ Tho công tác nên Cúc phải nghỉ học ngang xương vậy đó.
- Thì ra là vậy. Mão không biết chuyện gì mà không thấy Cúc đi học, nên lo.
- Mão đi qua chùa ông Đạo Dừa hả, bên kia kia.
- Mão đọc cuốn sách Con Trâu của Cúc tặng rồi.
- À! Cuốn sách đó hả?

Cúc nói trong thẹn thùng, mặt quay đi chỗ khác. Ánh mắt sáng ngời và khuôn mặt vui tươi vừa ngạc nhiên gặp Mão chốn nơi này tự dừng trầm xuống khi nghe Mão nhắc đến cuốn sách nàng tặng Mão ba năm trước. Có lẽ nàng thẹn thùng cho sự vụng về của mối tình thầm lặng tuổi thơ. Nàng vừa dứt lời thì chiếc phà cũng vừa cập bến.

- Nhà Cúc ở đâu? Cho biết được không?

Cúc bước chân theo đám bạn rời chiếc phà đứng trên bờ sông, nhìn Mão.

- Nhà Cúc? Trước khi đến chợ Mỹ Tho Mão thấy căn nhà bên mặt lộ có nhiều cây nhãn lồng trước sân đó. Chúc Mão đi chơi vui nha.

Nói xong nàng thả bộ trên con đường đất đến trường cùng đám bạn. Mão nhìn theo những tà áo bà ba bay sau chiếc nón lá, rồi quay đầu bước chân đến bờ sông. Khi bóng dáng Cúc khuất dần sau rặng tre, Mão bước xuống đò để qua cồn Phụng.

Con đò vừa nổ máy một lát sau đã cập bờ bên kia. Con đường vào chùa ông Đạo Dừa là một lối đi nhỏ có nhiều dừa trồng hai bên. Người dân nơi đây vét phù sa từ sông Tiền đắp lên những gốc dừa bên lối đi để làm “phân bón” cho dừa. Gốc, rễ dừa nằm dưới nước và quanh năm hút phù sa từ sông nước nên dừa nơi đây nổi tiếng tốt và nhiều. Đó cũng là một cái khéo của người dân Nam Bộ.

Con đường từ bến đò đến chùa ông Đạo Dừa không quá 500m. Dọc bên lề đường là những căn nhà lá nhỏ, lợp xúp, mà hầu hết những người sống trong đó là những thanh niên, tóc dài, tin đồ ông Đạo Dừa. Họ ở tuổi quân dịch nhưng không đi lính và nơi đây là nơi chống cộng nổi tiếng. Mão bước chân trên con đường nhỏ mà dường như lúc nào cũng có con mắt theo dõi sau lưng của những đứa con nít trong xóm. Vào khuôn viên chùa là cả một khu “nhà sàn” được xây trên vùng sông nước. Hoa viên của chùa rộng lớn, nền làm bằng những tảng xi măng và trong hoa viên có nhiều loài hoa. Từ trong nội thất đến ngoài hoa viên có những cây trụ to, cao, có vắn hình rồng phụng kiểu cung đình vua chúa, màu vàng, xanh, trông rất đẹp mắt. Kiến trúc của chùa do chính ông Đạo Dừa thiết kế xây dựng.

Mặt trời bắt đầu ngả bóng về chiều, Mão rời khuôn viên nhà chùa để trở về Sài Gòn. Chiếc phà Rạch Miễu cập bến bên bờ Mỹ Tho, Mão bước xuống tìm về bến xe đò. Đang lúc láo trên bến xe thì có tiếng gọi tên mình, Mão quay lại:

- Cúc không đi học sao?

- Cúc bỏ lớp sau giờ ra chơi về đây đợi Mão. Mão đến nhà Cúc chơi cho biết nha.

Từ lúc gặp Cúc trên con phà Rạch Miễu, Mão rãi bước ngoạn cảnh mà dường như tâm tư lúc nào cũng nhớ đến tiếng nói nụ cười của Cúc. Và nhớ luôn cả ánh mắt của Cúc những ngày năm xưa mỗi lần Cúc đến mượn bài vở. Ngày đó và bây giờ, có lâu lắm đâu mà sao Mão vẫn không biết nói gì khi đối diện Cúc.

- Sao Cúc biết Mão sẽ trở lại con đường này.

- Mão xem đi, ngoài con đường này ra Mão còn con đường nào khác về Sài Gòn đâu!

- Nhà Cúc ở đâu?

- Kìa kìa, Cúc chỉ tay về ngôi nhà bên đường. Chỗ có mấy cây nhãn lồng đó.

- Gần quá hả, đi.

Mão bước bên cạnh Cúc đến căn nhà bên mặt lộ. Căn nhà nhỏ, sân trước được trồng nhiều nhãn lồng. Những chùm nhãn sum sê màu vàng nhạt đu đưa trên cành làm những ai nhìn cũng thấy thèm thường! Cúc vớ tay hái một chùm nhãn trao cho Mão và nói:

- Mão ăn nhãn xem có ngon không. Chắc Mão thi đỗ kỳ này rồi phải không?

- Mão đỗ rồi nên mới có thì giờ rảnh đi chơi đây. Cúc gián đoạn một năm phải không?

- Ừ, Cúc mất một năm vì phải theo gia đình di tản xuống đây. Nhưng không sao Cúc là con gái mà, đâu bắt buộc phải học đúng tuổi để khỏi bị nhập ngũ như bên con trai đâu.

- Làm con gái sướng quá hén. Mão mà thi rớt là phải nhập ngũ liền.

- Đâu rồi Mão sẽ học trường nào?

- Cũng chưa biết nữa. Mão đang học thi để thi tuyển vào đại học. Hai tháng nữa mới đến kỳ thi.

- Hèn gì Mão lấy thì giờ đi chơi hả.
- Ủ, đây là lần đầu tiên Mão mới dám rời nhà đi chơi xa đó. Trước khi thi đậu Mão sợ đi chơi xa nhờ mấy ông cảnh sát bắt sáng thì mệt lắm.
- Bây giờ Mão không sợ sao?
- Không. Nhờ có bắt thì Mão cũng vào trường sĩ quan.
- Oai quá hén. Nếu Mão mặc đồ sĩ quan chắc oai lắm. Mà Mão thích binh chủng nào?
- Hải Quân. Mão thích cuộc đời giang hồ trên sông nước.
- Không sợ cô đơn hạ? Lênh đênh trên sông biển hoài không nhớ người yêu sao?
- Có ai đâu mà nhớ.
- Bây giờ chưa có nhưng mai một cũng có chứ.
- Cúc có người yêu chưa?
- Dưới này buồn lắm, Cúc nhớ không khí của những lớp học ngày xưa trên Sài Gòn hơn. Chưa.
- Ý chết, mãi nói chuyện với Cúc Mão sợ hết xe, để Mão đi thôi.
- Mão mang thêm túi trái cây này lên xe đem về Sài Gòn ăn nhe. Mà ăn nhẩn nhớ Cúc nhe. Trong này có địa chỉ của Cúc nữa, Mão nhớ viết thư cho Cúc đã.
- Nhớ chứ. Thôi Mão phải đi.

Ra khỏi nhà Cúc, Mão ngoắc chiếc xe đồ đang chạy về hướng ngã ba Trung Lương. Nhảy lên xe Mão đưa tay ra vẫy chào Cúc, rồi chiếc xe đồ vụt chạy.

Cúc đứng nhìn chiếc xe đồ đến khi nó mờ dần và mất hút trên cánh đồng.

Một tiếng đồng hồ sau những người về Mỹ Tho xô nhau bàn tán về một chiếc xe đồ Peugeot bị mình giựt nổ tung tại ngã ba Trung Lương. Cúc nghe tin mà lòng hồi hộp. Như một cái gì không ổn, Cúc theo xe chạy lên ngã ba Trung Lương. Chiếc xe đồ nằm phanh xác bên vệ đường. Những người hành khách, kẻ bị thương người chết, đã được mang về bệnh viện gần đó. Cúc đứng nhìn quang cảnh bên đường. Dấu vết của cái chết vẫn còn phảng phất, nàng hoang mang không biết Mão có sao không!? Cúc bước chân về nơi chiếc xe bị nổ. Cảnh vật nơi đây như bãi chiến trường hoang lạnh, những người đi đường thả mắt nhìn thoáng qua rồi tiếp tục đi. Gió vẫn thổi rì rào, xô chạy những tờ giấy rách và cát bụi bên lề đường. Tiếng gió thổi nghe chùng chùng như tiếng hú của con chó sói trong tiếng đàn nhạc dạo đầu đây, và làn này chỉ có tên diễn viên "xấu xí" đang lẩn tránh như con chuột đồng.

Cúc vô tình đá mảnh giấy vụn bị con lốc thổi bay, nàng cúi xuống nhặt lên và trên tờ giấy rách nát với những vệt máu đỏ tươi, một nửa còn lại có ghi dòng chữ: "iu Anh."

3/10/2008.

Tháng Tư nhớ ... tháng Tư

"Ầm... Ầm."

Tiếng nổ của hai trái hỏa tiễn làm vang rền bầu trời cư xá Ngân Hàng. Khói lửa bay ngút trời. Tiếng động cơ trực thăng, tiếng súng và tiếng kêu khóc của con người nhào trộn thành một thứ âm thanh khủng khiếp. Trên kênh Tẻ không còn đến một chiếc xuồng con lẳng vẳng, không phải vì thế mà dòng sông êm đềm trôi.

Hôm đó là ngày 26 tháng 4 năm 1975!

Sài Gòn chưa mất nhưng Sài Gòn đang thoi thóp, Sài Gòn đang nghệt thở yếu dần, Sài Gòn đang bắn loạn với hàng trăm người hàng ngàn người cùng xe cộ, và những bước chân vội vàng rời bỏ Sài Gòn.

Mọi người tìm đường chạy ra khỏi thành phố và trên cầu Tân Thuận, hướng về Nhà Bè kẹt cứng. Tôi ngược dòng người khi đến giữa cầu thì tiếng máy cạch cạch của hai con "óc nóc" đang ngự trị và làm chủ bầu trời với những âm thanh muốn làm vỡ toang màng nhĩ. Tôi đứng trên chỗ cao nhất của cầu Tân Thuận giương mắt nhìn hai con "quạ sắt" đang hoành hành bầu trời cư xá Ngân Hàng. Tiếng máy ầm ầm từ hai chiếc trực thăng lẩn át và nhận chìm những tiếng động cơ xe hơi uể ỏ nằm tề liệt trên cầu.

Hai con "quạ sắt" rà trên khu dứa nước như hai con chim bói cá đang gặm mắt rình mồi. Những cánh chong chóng quay tít tạo thành một vòng tròn mờ ảo trên đầu. Rặc một tiếng, đuôi trực thăng đổi chiều đẩy khối sắt nhào về hướng phát ra mảnh khói xanh, và, xẹt xẹt hai quả rocket từ dưới bụng con "chim sắt" phóng ra nhắm vào hàng dứa nước trước mặt. Hai vệt khói trắng chưa kịp tan biến trên nền trời thì những thân cây dứa nước bắn tung lên khỏi mặt đất và hai tiếng nổ ầm ầm long trời lở đất. Hai chiếc trực thăng quay đầu trở lại quần thảo trên bầu trời, tiếng đại liên cạch cạch cạch nhả ra từ hai con "chim sắt" cày nát khu dứa nước và những cây bình bát. Tiếng súng vừa dứt thì xẹt xẹt những quả rocket còn lại dưới bụng tiếp tục phóng đi, những đường khói trắng được kẻ chỉ chít lên nền trời, và liên tục những tiếng nổ chát tai, để lại những cột khói, lửa. Và mặt nước trên con rạch Dừa sóng dậy cuộn cuộn. Nhả hết "bầu tâm sự", hai con "chim sắt" quay đầu bay về hướng cầu chữ Y. Để lại những ngọn dứa nước, những cây bình bát bên cạnh cư xá Ngân Hàng bốc cháy.

Bóng người và tiếng súng cũng im đi. Bên tai tôi chỉ còn nghe tiếng máy ầm ì của đoàn xe nhúc nhích từng ly bỏ qua cầu Tân Thuận.

Ngày 26 tháng 4, dưới chân cầu Tân Thuận phía bên kho 11, Khánh Hội, con đường bị chặn lại không cho người vào thành phố. Tôi mò lên cảng Kho 5 và bến Bạch Đằng nơi có nhiều tàu bè để tìm đường đi. Nhưng không qua được, tôi quay đầu trở lại.

Nhà tôi nằm trên Tỉnh Lộ 15. Con đường Tỉnh Lộ 15 từ Sài Gòn về Nhà Bè bắt đầu từ ngày 24 tháng 4 người và xe cộ chạy tấp nập. Những chiếc xe Peugeot 203 màu đen bóng chở những gương mặt xa lạ, lớn bé già cả trai gái với những vali ngổn ngang đua nhau về Nhà Bè.

Những ngày đầu sôi lửa bỏng ở Sài Gòn các trường đại học đóng cửa, tôi thường ghé thăm Lim và nói chuyện ra đi. Tôi chơi thân với Lim và Lim là em trai của Phương. Nhà Phương cách nhà tôi hai cái vườn và năm đó Phương học ở đại học Văn Khoa. Phương và Lim còn có người chị tên Na, chị Na đang theo học Sinh Lý Sinh Hóa ngoài Thủ Đức, mộng vào trường Y khoa Sài Gòn. Bình nhật tôi thường qua chơi với Lim. Mỗi lần qua chơi Phương hay bẽn lẽn lúc gặp mặt tôi. Phương có cái bớp trên má, mà mỗi lần ra nắng cái bớp xanh lại hiện lên rõ hơn, hay có lẽ cái nắng làm cho da mặt Phương hồng thêm, cho nên cái bớp xanh nổi bật ra. Đôi mắt Phương đen long lanh, và nụ cười của Phương càng làm tăng thêm vẻ đẹp đôi mắt, mỗi lần Phương cười nhìn tôi. Nhưng tâm hồn Phương rất hồn nhiên, những lần gặp mặt đột ngột Phương chỉ "chào anh" thật nhỏ rồi cúi mặt, chân đá những hạt bụi bên đường bước đi thật lẹ.

Hôm nay tôi đến tìm Lim. Ông Tri Phương, ba của Lim nói:

-"Cho bác gọi con Phương và Lim cho cháu."

Tôi mở miệng nói "dạ" như cái máy!

Làm như tôi đã rành đường đi nước bước lắm! Nhưng chỉ trong một thoáng, tôi nhìn Phương và trong đôi mắt hoài nghi của Phương hình như nàng đang nói: "Anh có biết đường không mà làm tài lanh đó!"

Hôm đó tôi rất mạnh dạng. Tôi đến nắm tay Phương và nói:

-"Sửa soạn đồ đi, mình xuống Nhà Bè ngay bây giờ."

Nói xong tôi liền rời nhà Phương chạy về lấy túi hành trang đã có sẵn.

Trên đường về nhà tôi thầm nói: "Ít ra ông Tri Phương còn có chút mạo hiểm. Chứ có đâu như Mẹ và người anh cả tôi, lúc nào cũng nói: Mày chỉ là thằng sinh viên, làm gì mà sợ, đi cho chết sao."

Tôi vẫn biết mình chỉ là một tên sinh viên cột gà chưa chặt, nhưng sao tôi vẫn muốn đi. Câu nói: "Các con làm gì thì làm nhưng đừng bao giờ làm cọng sản" của Cha tôi hồi còn sinh thời, lúc này thường quanh quẩn trong đầu tôi. Chắc chắn trong câu nói của Cha tôi có điều gì to lớn lắm nên đã hằn sâu trong tâm khảm của ông. Nhiều ngày nay tôi nghĩ về Mẹ và các anh cho tôi đi. Nhiều khi sự chống đối quá quyết liệt và tôi đã nói:

"Con chấp nhận cái chết, nếu không thì 20 năm sau con sẽ trở lại."

Có nghĩa là tôi đã đánh đồng sinh mạng bằng 50 phần trăm sống và chết, khi quyết định ra đi. Cuối cùng Mẹ tôi đành nói:

"Thôi, nếu con nói như vậy thì cứ tìm đường đi đi, để sau này con không trách móc ai."

Những ngày này đâu đâu cũng bàn tán chuyện ra đi và trên đài phát thanh còn loan tin có những đoàn người ra đến biển thì bị bắn chết hoặc bị bắt trở về ngồi tù. Những lời đồn làm hoang mang nhiều người và gây ra sợ sệt. Vì vậy mà Mẹ tôi, người anh cả và người Cậu cứ nghĩ rằng: "Đất nước hết chiến tranh, chính quyền sẽ giúp cho dân làm ăn giàu mạnh, chứ có ai bắt bớ hành hạ đâu mà đi vào chỗ chết." Cho nên không hưởng ứng chuyện ra đi. Tôi lấy túi hành trang, vồn vện chỉ có bộ sách Toán Lý Hóa, cuốn Giải Tích, cuốn tự điển Anh-Việt Việt-Anh của Lê Bá Kông, một cây sáo trúc và khoảng mười gói mì ăn liền. Trong nhà lúc này vắng tanh, chỉ có Mẹ và đưa em gái út lẩn quẩn nhìn ra đường. Tôi ôm Mẹ hun lên trán một cái và nói:

"Con đi nhe Mẹ."

Chỉ bấy nhiêu thôi rồi tôi đến xoa đầu đưa em gái:

"Ở nhà ngoan, anh đi."

Mẹ tôi buồn, nhìn tôi và chỉ nói được mấy tiếng:

"Con đi thật sao!"

Rồi đưa mắt nhìn theo.

Tôi đi bộ trở lại nhà Phương. Phương và Lim đã sửa soạn xong hành lý, mỗi người gọn gàng chỉ một vali nhỏ, tôi không biết đựng những gì trong đó. Phương nói với tôi:

"Chị Na cũng đi luôn nhe anh."

Tôi trả lời gọn:

"Ừ, đi luôn."

Chúng tôi rời nhà Phương xuống Nhà Bè. Hỏi thăm và tìm hết mọi nơi nhưng tuyệt nhiên không thấy dấu vết gì về những chiếc tàu thủy đậu ngoài sông Nhà Bè để bốc người đi! Thất vọng, ảo não. Chúng tôi quanh trở về. Tôi nói với Phương:

"Hết đường rồi, cảng Sài Gòn và bến Bạch Đằng thì bị cô lập, sông Nhà Bè cũng không có tàu bè nào đậu đó. Chắc anh không giúp được gì đâu, thôi chắc mình nằm đây chờ trận."

Phương cũng buồn nhìn tôi ra về. Thì ra mấy ngày nay tin dưới Nhà Bè có những chiếc tàu thủy cập bến chờ bốc người đi chỉ là lời đồn, và cũng vì những lời đồn đó mà mấy ngày nay Tỉnh Lộ 15 người xuống Nhà Bè nườm nượp!

Mấy ngày này tôi nao ức được đi nhưng không biết đi bằng cách nào, và tôi thường ra bờ sông Sài Gòn ngồi nhìn.

Tôi nhớ về Tân Thuận ở được vài ba năm thì Cha tôi qua đời. Sau ngày đưa Cha tôi về quê an táng ở Núi Đồi, Mẹ tôi mua khu đất của ông Tri Phương ngoài mặt Tỉnh Lộ 15, xây lên căn nhà và anh tôi mở tiệm sửa xe ở đó. Ngoài những giờ học tôi phụ anh Hạnh sửa xe. Năm tháng trôi qua, tôi lớn lên ở đó, sau ngày đỗ Tú Tài tôi vào đại học Khoa Học Sài Gòn thì Phương cũng vào trường đại học Văn Khoa. Ông bà Tri Phương làm nghề buôn bán vật liệu xây cất và đặt tên cửa hiệu Tri Phương. Tôi biết chữ Phương lấy từ tên của người con gái giữa, chị của Lim. Ông Tri Phương người quê Long Xuyên, An Giang về lập nghiệp nơi đây từ đầu thập niên 60. Bà Tri Phương người xè xòa, hiền lành, những buổi chiều tối bà luôn ra trước sân đốt vài ba cây nhang vái bốn phương tám hướng. Sau này bà Tri Phương thường qua chơi trò chuyện với Mẹ tôi.

Những ngày cuối tháng Tư ngồi trên bờ sông Sài Gòn nhìn về bầu trời Thủ Thiêm lúc nào cũng có khói lửa chiến tranh nghi ngút.

Trưa 29 tháng 4 tôi ra căn cứ chuyển vận Hải Quân kho 18 ở Tân Thuận Đông chơi và xem tình hình. Đến cổng kho 18 tôi thấy nhiều người hôi của đang khuân vát những thùng đồ từ kho 18 ra. Tôi men theo bờ rào xuống căn cứ chuyển vận. Đi cùng tôi có người anh bà con, Điện, theo tôi tìm đường đi. Những ngày này Điện bám sát tôi. Khi đến cổng vào căn cứ chuyển vận Hải Quân thì những người lính Lôi Hồ, mặt mày hung tợn, tóc dài quá bờ vai, đầu đội nón tai bèo, ôm súng lên đạn kết kết chia vào tôi và Điện quát:

"Trở ra ngay, không tao bắn chết bây giờ."

Nhìn những con mắt sát thủ hằng ngày sống ở rừng sâu, đối với những người lính Lôi Hồ này: chết là chuyện thường. Tôi liền cùng Điện quay đầu trở lại. Trên đường trở ra tôi thấy những chiếc xe Peugeot chở đầy người kéo nhau đi vào căn cứ chuyển vận. Nhưng tôi thì vác túi hành trang đi ra, lòng buồn dịu vợi!

Trở lại nhà tôi ngồi nhìn dòng xe nối đuôi chạy về Nhà Bè.

Chiều 29 tháng 4 tôi lên nhà Lim tìm Phương nhưng không thấy chị em Phương ở nhà. Tôi bước ra khỏi nhà Phương về nhà cùng Điện trở lại kho 18 xem người ta hôi của. Những ngày này lúc nào rời nhà trên vai tôi cũng mang túi hành trang với những cuốn sách. Khi đến kho 18 tôi nhìn xéo về cổng căn cứ chuyển vận, một điều làm tôi rất ngạc nhiên: Những người lính gác cổng đã bỏ trống cửa ngõ! Tôi nhìn chung quanh thấy anh Hát đang đứng nhìn đám người khiêng đồ từ kho 18. Anh Hát là Thiếu Úy bộ binh QLVNCH từ Quảng Trị vừa về. Tôi kêu anh Hát và Điện lần mò tới cổng vào sân tàu và không thấy một ai ngăn cản. Ba đưa tôi đi thẳng luôn, và trước mặt là ba chiếc tàu Hải Quân đồ bộ chứa đầy dân và những người lính Lôi Hồ. Cảnh người nhôn nháo trèo lên tàu, la ó ồn ào như bầy ong vỡ tổ. Bên lề đường những chiếc xe Peugeot không người, cửa mở tung, xe Lambretta, Vespa, và Honda 67 đổ chới nằm la liệt đầy đường. Thì ra đây là những chiếc xe mà mấy ngày nay chạy tấp nập trên Tỉnh Lộ 15. Mọi người vứt bỏ xe cộ bên đường leo lên tàu. Tôi mạnh dạng bước đến và leo lên tàu rồi anh Hát và Điện cũng bước lên tàu. Thì ra lúc này những người lính gác cổng đã rút lui lên tàu để cùng đi với gia đình. Trên tàu đông nghẹt lính Lôi Hồ và gia đình, tôi hoảng toàn xa lạ, nhưng lòng thắm vui.

Nhìn lên bờ, xa xa tôi thấy bóng dáng của đứa em gái trên bãi cỏ, tôi liền gọi thật lớn: "Đào." Đứa em tôi chạy lại. Rồi một lát anh Hai tôi cũng chạy lại bên chiếc tàu há miệng. Cả hai chỉ đứng trên bờ nhìn ba người tôi trên tàu.

Trong túi hành trang tôi không có gì để uống và lúc đó tôi thấy khát nước, tôi liền bảo đứa em gái lấy cho tôi ca nước. Nó chạy đi và thật lạ sau đó trao cho tôi một canh nylon đầy nước. Tôi muốn dẫn đứa em đi theo, nhưng nghĩ tới những nguy hiểm trước mặt và những tin tức từ đài phát thanh mấy hôm nay, tôi đành làm thinh. Đứa em trao cho tôi canh nước xong trở lại trên bờ với người anh cả.

Trời lúc đó khoảng 8 giờ tối. Tôi, anh Hát và Điện đang đứng cùng đoàn người lô nhô trên tàu. Ba chiếc tàu và cả ngàn người chen lấn trên đó, xì xầm như phiên chợ. Tự nhiên anh Hát nắm tay tôi và nói:

"Ở nhà chỉ có tao và mày là hai người biết chuyện và lo cho gia đình, bây giờ nếu cả hai cùng đi thì ai lo cho gia đình đây. Thôi mày đi đi, tao trở lại."

Vừa nói xong anh Hát nhảy xuống tàu trở lại trên bờ cùng Đào và anh Hai. Tôi không kịp nói lời nào, chỉ biết nhìn hai anh và đứa em. Tôi đang do dự về lời nói của anh Hát thì chiếc tàu đã bị chặt đực giây neo, từ từ de ra dòng sông. Tôi ôm túi hành trang nhìn hai người anh, đứa em, và con tàu cứ lùi dần ra xa. Lúc đó là 8 giờ 20 phút tối 29 tháng 4. Chỉ trong vòng 25 phút sau khi tôi bước chân lên tàu, con tàu chặt neo! Tôi đưa tay lên vẫy chào. Trong giây phút hình ảnh của ba người thân mờ dần trong bọt nước, rồi mất hẳn. Bóng tối trùm xuống, trong cái chớp mắt tôi nghĩ đến Phương, nhưng, xa rồi!

Con tàu quay đầu về hướng biển Đông. Và tôi, bắt đầu cuộc phiêu lưu.

Mùa ễnh ương

Trời sắp vào cuối Thu, miền Trung thường có những cơn mưa tầm tã. Những cơn mưa nặng hạt kéo dài lê thê, nhiều khi cả tuần mà mưa vẫn rơi. Mưa rơi khắp xóm làng với những cơn gió to như giông bão. Mưa triền miên làm những ao hồ trong vườn ngập đầy nước, và những con ễnh ương lại xuất hiện.

Những buổi chiều mưa rơi, Búm ngồi trên hiên nhìn ra sân thấy cóc nhái nhảy lộp bộp, và tiếng ùm oang của ễnh ương vang lên từ những bờ ao bên cạnh lùm tre làm lòng Búm buồn vơi vơi. Cả một năm trời vắng bóng nhưng đến khi sắp vào mùa Đông, những cơn mưa đổ xuống suốt ngày đêm là loài ễnh ương lại bắt đầu sinh nở. Thân hình trơn lu, màu vàng có những sọc đen chen kẻ chạy từ đầu đến đuôi, không biết từ đâu mà nó nổi lên đầy bờ ao. Để rồi những chiều mưa đổ, nó phình hông lên to tròn như quả bóng, và cứ ùm oang, ùm oang, nó kêu gọi như gọi tên ai, nghe náo nê!

Loài ễnh ương có lẽ chỉ để gieo nỗi buồn cho nhân thế! Vì nó chỉ sinh ra và sống trong ao hồ trong những ngày tháng âm u, buồn bã của mùa Đông; Có lắm lúc nó chui vào chiếc nón sắt và gọi tên Đương những đêm giá lạnh buồn tênh.

Trời bây giờ sang Đông. Nhà ông bà Thi cũng như mọi người nông dân trong làng, chỉ biết ngồi trong nhà nhìn mưa rơi hết ngày này qua ngày nọ. Không gì làm nên Búm cùng người chị lấy nếp ra rang và giả cốm để gia đình sum họp, nhai ngoáp ngoáp cho vui miệng những chiều gió Đông. Có lẽ cốm nếp chỉ được làm vào dịp mùa Đông (những mùa khác bận rộn đầu còn

nhàn rồi để giả cỏm!)

Những buổi sáng mùa Đông giá buốt Búm lại cùng mấy đứa em dậy thật sớm ra bờ tre tìm nhỏ nấm tre. Những chiếc nấm mới lú lên từ gốc tre già, chóp nấm màu xám nhưng thân nấm lại trắng nên dễ phát hiện. Nấm tre thường mọc thành đám. Nhiều khi tìm được vài ổ nấm là Búm có cả một rổ nấm rồi!

Rồi Đông cũng qua đi, Xuân đến và Búm cũng lớn thêm một tuổi. Sự sống ở nông thôn lại bắt đầu chu kỳ mới. Những thửa ruộng được cày, cuốc lên, trâu bò mang ra kéo bừa cho đất nhuyễn ra. Khi những luống mạ xanh um, cao chừng vài gan tay là mùa cấy lại bắt đầu.

- Con có phải đi cấy không me? Búm hỏi.

- Sống ở miền quê không đi cấy lấy gì ăn con.

- Hồi nào giờ con có đi cấy đâu mà biết. Búm ái náy khi nghĩ đến giẫm chân xuống những đám ruộng bùn lầy.

- Thì con phải ra ruộng học như mọi người khác vậy đó. Bà Thi nhìn con với đôi mắt ân cần.

Hôm sau Búm đội chiếc nón lá ra đồng cấy lúa. Từ chiều hôm trước ông Thi đã chặt bờ sạch sẽ, xong cày và bừa thửa ruộng thật nhuyễn. Sáng nay nhìn thửa ruộng bình yên không một gợn sóng như mặt hồ lặng gió. Rồi những người nông dân gánh những bó mạ rãi thành hàng trên đám ruộng. Búm cùng những người thợ cấy xắn quần lên khỏi đầu gối, để lộ làn da trắng như ngà, và lội xuống ruộng. Búm bước những bước chân lệch lạc trong bùn lầy đến lấy bó mạ, bất chợt nàng thấy những con vật đen, dài, đang bơi ngao nghể bên cạnh bước chân, Búm ré lên và lật đặt trèo lên bờ.

- Cái gì vậy Búm. Tím hỏi.

- Con đĩa, con đĩa ghê quá.

- Trời ơi! đĩa thì bắt ném đi, làm gì mà em la như bị ai ăn trộm ai tình vậy.

- Cái này còn hơn bị ăn trộm nữa, ghê quá! Chị lại đây đi.

Búm đứng trên bờ nhìn những con đĩa bơi lội trong nước mà rùn vai, lắc đầu. Nàng đứng thun người lại, nhìn chăm chăm xuống ruộng như sợ những con đĩa bò lên bờ để bu vào chân nàng không bằng.

- Điều này làm sao em đi cấy được đây. Tím nhìn Búm với đôi mắt thương hại.

Búm vẫn đứng trơ người trên bờ ruộng. Một hồi nàng thò tay vào túi lấy chiếc khăn tay. Búm vừa thọt tay vào thì thấy vật gì trơn và lạnh trong túi, nàng liền rút tay ra. Bàn tay vừa ra khỏi túi áo Búm lại ré lên, một tay nắm lấy Tím, người ưỡn ra và tay kia chỉ lên bụng, miệng thì la ú ó.

- Cái gì vậy, Tím hỏi, cái gì mà em la lên nữa vậy.

- Con đĩa, ...

- Đĩa ở dưới ruộng thì mắc mớ gì mà em sợ dữ vậy.
- Không. Nó trong ...trong túi ...trong túi áo em nè. Bắt nó ...dùm đi.
- Làm sao đĩa lại chun vào túi áo em.
- Không biết.
- Đưa đây chị bắt ra cho.

Tím thò tay vào túi áo Búm và lôi ra một lượt ba bốn con đĩa to bằng đầu chiếc đũa con!

- Ác hơn, ai ác hơn quá vậy!? Búm xé tan túi áo vứt xuống ruộng, giọng nói run lên và mặt cắt không được giọt máu!
- Sáng giờ em đi với ai ra đây? Tím hỏi.
- Băng. Em đi với Băng ra đám mạ.
- Em nhớ rồi, Băng chứ không ai hết. Nó nói túi áo em dơ quá để nó lau dùm cho em. Nó đâu mất rồi, em phải đi tìm Băng mới được.
- Nó đứng cười nhăn răng đằng kia kìa. Tím chỉ tay về chỗ Băng đứng.

Búm vội chạy đến chỗ Băng.

- Tại sao, tại sao em ác quá vậy?
- Ai biểu đi Đà Lạt về mà không mua quà cho tui, còn bảo Tím không giặt đồ của tui nữa.
- Quà của em chị mua rồi sao nói không, tại suốt ngày em lo đi bắt chim nên mấy đứa kia nó lấy ráng chịu chớ. Em quá trời nghe hong, chị về nhà méc cha cho biết.
- Không sợ.

Búm ngoe ngoái đi một mạch về nhà. Vừa đi nàng ngoái đầu lại:

- À, mi đâu có sợ ai, nhớ đó nghe hong.

Chiều tối về, cả nhà ông Thi ngồi vào bàn ăn:

- Cha, Băng nó bắt đĩa bỏ trong túi áo con. Búm nhong nhẹo với ông Thi.
- Vậy hả, thì con bắt bỏ ra, ba con đĩa mà nhằm nhòì gì. Thằng nhỏ đó nó lộn ngược đĩa ra nó phơi nắng hoài có sao đâu.
- Nhưng con sợ đĩa.
- Ông ngồi đó mà nói, bà Thi nhìn ông Thi, thằng nhỏ bắt đĩa nhát con Búm sợ muốn đứng tim và nó bỏ cây đi về nhà từ hồi sáng giờ đó.

- Vậy hả, thằng nhỏ đó đâu rồi, sao không thấy ra ăn cơm. Ông Thi hỏi.
 - Nó nói nó không sợ cha đâu. Nó trốn rồi. Gương mặt Búm sáng ngời lên.
 - Thôi chuyện đó bỏ qua đi, bà Thi nói. Mẹ thấy con làm nông không xong rồi. Ngày mai con khỏi đi cấy lúa nữa. Cha sắp nhỏ phải tìm cái gì cho con Búm nó làm đi.
 - Me cho con đi học may đi me. Búm reo lên.
 - À, được đó. Con lên tiệm con Linh học may đi.
 - Linh nào me? Búm vui mừng.
 - Linh con bà Hạt đó.
- Thế là xong, từ nay Búm sẽ không còn nhìn thấy những con đĩa xấu xí kia nữa. Lòng nàng rộn lên một niềm vui, âm thầm bỏ đĩa xuống và rời bàn ăn, đi tìm Băng.

Bắn chim

Một buổi trưa hè nóng cháy trên gò Rú, bốn đứa bé, đầu trần, mặt quần xà lỏn, chân không mang dép, lẳng xăng chạy từ gốc cây gòn này đến gốc cây gòn khác trong vườn ông Trì. Trên tay bốn chiếc bóng cầm sẵn cái ná, và tám con mắt lúe láo nhìn lên ngọn cây gòn:

- Á! Nó kia kìa.
- Đâu, đâu chỉ coi.
- Trên cành kia kìa. Một đứa vừa nói vừa chỉ tay lên cây gòn.
- Có thấy chỗ nào đâu. Ba cái đầu nhỏ, cở bảy tám tuổi, chụm lại nhìn theo ngón tay của đứa kia.
- Không phải trên đầu ngón tay tao đâu! Nó đứng trên cành cây kia, thấy chưa.

- À! thấy rồi, để yên, đừng la lớn tiếng.

Rồi bốn đứa bé rón rén như mèo rình chuột, cùng dương ná lên bắn ... một con cu ... đất ... mới vừa biết bay. Hụt. Con cu đất hoảng sợ liền chườn qua cây gòn khác.

Gò Rú, một ngọn đồi thấp, nhỏ, chỉ có những bụi cây lòi còi và nhiều nhất là gai mắt mèo và sỏi đá. Gò Rú nằm dưới chân núi Vàng, cách ngôi làng bằng một cánh đồng, con đường cái quan và cái mương Dân. Đó là phía trước gò Rú, còn phía sau gò Rú một bên tiếp xúc với đồng Sa Bằng sâu thẳm và trên đồi gò Rú trải dài đến tận núi Đuôi Chuột. Càng vào sâu trong gò Rú là những lùm tre ngà um tùm. Chen kẻ những lùm tre ngà có nhiều hầm hố được đào lên thời chống Pháp. Những hầm hố này một thời dùng để trốn bom đạn và là công sự chiến đấu của dân làng chống lại thực dân Pháp. Càng đi sâu vô nữa sẽ đến con trũng và đèo Mướp, đường dẫn vô Đồng Ngõ. Những buổi chiều khi mặt trời quá xế, con đường trong trũng trở nên âm u cô tịch, không một bóng người lai vãng. Nơi đây chỉ còn lại tiếng kêu la của loài cầm thú, và một số người bí ẩn.

Ngày xưa người ta làm nhà và sinh sống trong gò Rú. Bây giờ những căn nhà vẫn còn đó nhưng người thì đã vắng bóng. Nó nhớ có ba khu vườn trong gò Rú, nhưng thường chỉ vào

chơi trong vườn ông Trì, vì ông Trì có thằng con tên Một, bạn bạn của nó. Ngày nay ông Trì và những người kia đều phải dọn nhà vào ở bên trong bờ rào ấp chiến lược, để đêm đêm khỏi bị người ta đến bắt đóng góp lúa gạo, ngũ cốc.

Vườn ông Trì rộng và trồng nhiều cây gòn. Những trái gòn to, dài, treo lủng lẳng trên cành cây như những trái cà tím, có điều là trái gòn có màu xanh và lớn hơn. Khi trái gòn khô thì nứt ra, để lộ những sợi bông gòn trắng phếu. Một cơn gió bay qua, vài sợi bông trắng rời khỏi trái gòn, bay phất phơ trong gió. Trong vườn ông Trì còn có nhiều cây xoài và những hàng tre cao vút. Hằng gày ông Trì và một ít người vô đây trồng trọt và trông nom khu vườn. Nhưng hầu hết khu vườn ông Trì luôn vắng bóng người, nên chim chóc về đây làm tổ, sinh nở nhiều hơn.

Từ đường cái quan băng qua một khu ruộng lúa là đến gò Rú. Những ngày đi học ở trường làng, nó thường rủ những đứa bạn băng qua cánh đồng vào gò Rú bắn chim và hái chùm chà, mần khiêng.

Hôm nay ngôi trường làng đóng cửa nghỉ hè. Bốn đứa bé lại rủ nhau đi vào vườn ông Trì.

- Dở thiệt! Gần xịt mà cũng bắn hụt. Một đứa lằm bằm, hồi tiếc nhìn con chim cu bay qua cây gòn khác.

Rồi bốn đứa lại chạy theo con chim đến cây gòn bên cạnh. Nhìn con chim cu mới vừa ra ràng, ngây thơ, đang chập chững tập bay vào đời, nên bay không xa. Bốn đứa bé bao vây chung quanh dưới gốc cây, rón rén rình bắn con chim cu.

Đôi cánh chim non mới chập chững vào đời mà gặp ngay phải mấy đứa bé sát sinh làm con chim con run rẩy. Nó lay quay trên cành cây, mắt lúc lác nhìn xuống mấy đứa bé mà tâm tư dường như đang lay động, mong ngóng đôi cánh che chở của mẹ hiền. Con chim đi qua, đi lại trên cành cây nhỏ bé, nó muốn bay thật xa cho khỏi tầm tay của những đứa bé tinh nghịch, nhưng đôi cánh, đôi cánh của nó yếu ớt quá!

Bốn đứa bé bắn hụt con chim, chim bay, nó liền chạy theo như hình với bóng. Nhìn thấy chim con đang đậu trên đầu, ngon quá, nó muốn lập một chiến công hiển hách để đem về khoe cùng đám bạn. Không muốn để hụt kỳ này nữa, nên một đứa trèo lên cây gòn cho gần con chim hơn. Miệng đứa bé ngậm cái ná, nó trèo lên khi cách con chim chừng năm sáu thước, nó nằm dài trên nhánh cây, thò tay trong túi lấy ra một hòn đá bỏ vào bao ná. Con chim con nghe tiếng rọt rẹt, nó quay lại nhìn thằng bé, chân nhúc nhích và đầu gật lên gật xuống, như muốn nằng nỉ điều gì. Thằng bé từ từ dương ná lên, và bao nhiêu con mắt dưới gốc cây đang hồi hộp nhìn lên. Đứa bé trên cây thầm nói:

- "Kỳ này cho mày chết."

Nó nheo mắt lại, nhắm thật kỹ, thả ngón tay trên bao ná ra, rắc một cái, nó đưa mắt nhìn theo con chim. Hụt! Con chim cu lại bay đến cây gòn khác, và lần này nó bay hơi xa hơn lần trước. Thằng bé trên cây nhìn theo con chim mà lòng tức tối, nó lật đật tuột xuống đất. Ba đứa bé dưới gốc cây dõi mắt nhìn theo con cu và lật đật chạy về cây gòn con chim cu vừa bay đến. Miệng xì xào chê đứa bé kia bắn dở quá. Rồi ba đứa nó đưa tay ra đánh hoành-tù-tì. Đứa thắng lại trèo lên cây gòn. Con chim cu đậu mút ngoài đầu cành cây gòn. Đứa bé rón rén trèo lên được một khúc, nó sợ con chim phát hiện rồi bay nữa nên nó nằm úp lên nhánh cây, và dương ná ra, bắn. Hòn đá bay ra đụng vào cành cây kêu cái bụp, con chim cu hoảng hồn liền bay đi. Hụt nữa! Và một lần nữa, con chim cu lại bay qua cây gòn khác.

Cứ thế, bốn đứa bé lại chạy theo chim con, leo lên cây gòn đuổi bắn nó. Và bốn đứa bé lại cứ bắn hụt! Mỗi lần thoát khỏi tử thần, chim con lại bay xa hơn lần trước. Và càng lúc nó bay càng giỏi hơn.

Cuối cùng chim con đã bay đậu tận ngọn tre. Bốn đứa bé chỉ còn biết đứng dưới gốc cây nhìn

lên, rồi cũng dương ná lên bắn. Nhưng những hòn đá rời khỏi những bàn tay yếu ớt bay vào không gian, lạc lõng.

Khi mặt trời đứng bóng, bốn đứa bé mặt mày nhể nhại mồ hôi, và bước chân đã mỏi. Nó quay gót rời khỏi vườn ông Trì, bước xuống nương Dân. Nó lội qua cánh đồng lúa ra về; Nhìn lên ngọn tre, con chim con vẫn còn đó. Và trong tiếng gió, có tiếng nói nho nhỏ: "Tức cái mình."

Phụ đính II :

Bờ xe nước Quảng Ngãi

*"Đã bao lâu rồi không về miền Trung thăm người em,
Nắng mưa đêm ngày cách trở giờ xa xôi đôi đường,
Người ơi có về miền quê hương Thùy Dương..."*

Tiếng hát ám áp của Quang Lê trong đêm Hè nóng bức đã làm lòng người tha hương càng thêm ray rức nỗi nhớ. Dù ở tận trời Tây, miền Đồng Tháp, trên cao nguyên Lâm Viên hay giữa đô thành nắng ấm Sài Gòn, những người con của miền Trung nói chung, và Quảng Ngãi nói riêng, khi nghe những lời hát trên chắc sẽ nhớ về quê hương. Nỗi nhớ bao la rồi sẽ cô đọng lại trên mảnh đất nhỏ bé thân yêu nơi họ chào đời. Vì nơi ấy có biết bao nhiêu kỷ niệm, và cuộc sống đã hòa quyện vào ký ức. Rồi ký ức sẽ lần mò về những ngày xa xưa, và trong giây phút nào đó những ký ức nhạt nhoài cũng tự hỏi: "Ờ, quê hương Quảng Ngãi ngày xưa có gì hùng vĩ nhỉ?"

Câu trả lời chắc chắn sẽ là: "bờ...xe...nước".

Đúng vậy, những bờ xe nước khổng lồ trên đất Quảng đã đi vào lòng biết bao nhiêu người con xứ "Nẫu".

Bờ xe nước đã gắn bó mật thiết với những người nông dân trên con đường dẫn thủy nhập điền, để ngày đêm đã tưới biết bao nhiêu cánh đồng lúa trên quê hương Quảng Ngãi. Ngoài công việc quay tròn bên bờ sông, mang nước đưa về những cánh đồng nằm cheo leo khắp nơi, bờ xe nước Quảng Ngãi còn là một thắng cảnh hùng vĩ, có một không hai trên quê hương Việt Nam. Và bờ xe nước cũng là niềm tự hào của những người con xứ Quảng.

Những du khách, kể cả những người Tây phương, nếu có lần đi ngang qua hoặc dừng chân bên bờ sông Trà Khúc hoặc sông Vệ trong những ngày mùa, chắc sẽ được thấy bờ xe nước ngạo nghễ và cao lớn đang quay đều bên bờ sông, mà lòng khâm phục những người tạo dựng lên nó. Rồi con người nhỏ bé, đứng nhìn những hạt nước nhỏ li ti như sương mù bao quanh những bánh xe khổng lồ, có lẽ cũng thắc mắc: không biết ai là người sáng chế ra bờ xe nước?

Đi ngược thời gian để tìm câu trả lời cho câu hỏi trên, một nhà hành chánh của sở Văn Hoá Pháp, P. Guillenminet, trong tạp chí Bulletin des Amis du Vieux Hué (BAVH) trong bài "Một kỹ nghệ của người Annam: Những bờ xe nước ở Quảng Ngãi", ấn bản năm 1926, Volumn 2, chương VI, đã khảo cứu và ghi nhận như sau:

"Bộ giáo khoa tổng hợp của Trung Hoa, Châu Chí Tổng Khảo, diễn tả rằng bờ xe nước làm bằng tre, được đẩy bởi dòng nước, tồn tại tại Trung Hoa và đặc biệt là ở phía Nam. Một số nhân viên phái đoàn phòng thương mại của thành phố Lyon, Pháp, cho rằng đã thấy bờ xe nước hiện hữu tại làng Thất Xuyên, Trung Hoa. Và phái đoàn quân sự lại nói rằng bên kia ranh giới Việt-Hoa có bờ xe nước tương tự như bờ xe nước ở địa phương của họ. Ở đồng bằng Bắc phần lại cho rằng bờ xe nước phát xuất từ Trung Hoa và người sáng chế ra là vua Thần Nông. Nhưng những bàn luận về nguồn gốc tác giả nêu trên không đủ căn bản để thuyết phục rằng Trung Hoa là nơi phát minh ra bờ xe nước".

Chú thích hình: Bờ xe nước Bãi Thượng, Thanh-Hóa

P. Guillenminet tin rằng người Việt và người Trung Hoa có lẽ đã học được kỹ thuật căn bản thành lập bờ xe nước từ phương Tây và đã cải biến cho phù hợp với địa phương.

Có nguồn lại cho rằng viên chủ sự hành chánh Pháp, LaBorte, ở Quảng Ngãi nói rằng “Lão Thêm” ở làng Bồ Đề, nay thuộc xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, đã sáng chế ra bờ xe nước. Cũng theo tạp chí BAVH, thì bờ xe nước xuất hiện ở đồng bằng Bắc phần, Quảng Bình, Quảng Trị, Thanh Hóa, Bình Định vào giữa thế kỷ 18 và Quảng Nam đầu thế kỷ 19. Nhưng những bờ xe nước ở những địa phương trên rất đơn sơ, chỉ có một bánh và không qui mô như những bờ xe nước tại Quảng Ngãi.

Hình bên: Bờ xe nước đồng bằng Bắc phần.

Khi đề cập đến những bờ xe nước tại Quảng Ngãi, nhà hành chánh P. Guillenminet đã ghi nhận rằng: Vợ chồng Lão Diệm, nhất là người đàn bà gọi là “Mụ Diệm” đã có công mang bờ xe nước từ Bình Định đến làng Bồ Đề, Quảng Ngãi, năm 1754. Bờ xe nước đầu tiên được thiết lập trên bờ sông Vệ, làng Bồ Đề, và Trùm Sanh với chức vụ Cai Yên Bồi quản lý bờ xe nước này. Đến năm 1825 bờ xe nước được thành lập trên sông Trà Khúc và đến năm 1900 thì bờ xe nước trên sông Trà Bồng cũng được thiết lập. (*)

Dường như mãi đến ngày nay, vấn đề xuất xứ và tác giả của bờ xe nước vẫn còn là một ẩn số của một phương trình bậc n, mà nghiệm số có thể chỉ có một, hai, hoặc nhiều hơn, và cũng có thể thực hay ảo. Tùy người suy nghiệm.

Duy chỉ có điều cần ghi nhớ là người Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng, lúa gạo là thức ăn chính trong mỗi bữa ăn, không như người Tây phương dùng bánh mì đệm trong những bữa ăn. Và điều khác biệt là những cánh đồng lúa mì không cần nhiều nước trong quá trình trồng tỉa như lúa gạo, ngoại trừ lúa gieo. Thậm chí những cánh đồng lúa mì tại miền bắc Mỹ ngày nay, từ ngày gieo hạt đến ngày thu hoạch, đồng lúa mì lúc nào cũng khô ráo.

Thế nhưng công trình xây dựng những bờ xe nước tại Quảng Ngãi rất tốn kém, và mỗi năm bờ xe nước phải phá đi và tái tạo vào năm tới vì vấn đề lụt lội hằng năm. Không như những cánh đồng ở miền Nam Việt Nam, đất thấp và có nhiều hệ thống sông, kinh rạch chằng chịt cung cấp cho ruộng lúa. Phần nhiều, ruộng lúa ở miền Trung nằm dọc theo rặng Trường Sơn, nếu thiếu vắng bờ xe nước thì những cánh đồng khô nứt nẻ sẽ không đủ năng suất tạo ra lúa gạo nuôi dân.

Vậy bờ xe nước là sự cần thiết trong mạch sống của người dân xứ Quảng.

Những nơi khác, như Trung Hoa, nếu đã xử dụng bờ xe nước qui mô như tại Quảng Ngãi cho công trình dẫn thủy nhập điền, thì chắc hẳn sẽ được lưu lại trong lòng người dân những hình ảnh và văn hóa của địa phương ấy cho hậu thế.

Những bờ xe nước tại Quảng Ngãi đã đóng một vai trò rất quan trọng trong nền nông nghiệp địa phương trên hơn ba trăm năm kể từ năm 1754. Mãi đến khoảng đầu thập niên 1980, khi hệ thống kênh Thạch Nham được thành lập cho công trình dẫn thủy nhập điền, thì những bờ xe nước được thay thế bằng những trạm bơm. Và kể từ đó những bờ xe nước Quảng Ngãi chỉ còn là một dấu vết lịch sử của một thời mang nước cho dân.

Người viết, cũng một thời đã sống bên cạnh và thường đu lên bờ xe nước những buổi trưa hè nóng cháy, với ký ức lu mờ còn sót lại, chỉ muốn làm một gạch nối giữa công trình của cha ông ngày xưa, và lớp người sinh ra khi bờ xe nước đã thuộc về dĩ vãng.

Bờ xe nước hầu hết được thiết lập bằng tre, và được xây dựng bên cạnh bờ sông, dùng sức đẩy của nước để quay tròn những bánh xe. Trên những bánh xe có gắn nhiều ống nước, bánh xe quay mức nước vào ống, và đổ vào hệ thống máng nước, máng nước được nối tiếp vào mương nước để đem đổ vào đồng lúa.

Nói đến bờ xe nước tức phải nói đến những con sông cưu mang nó. Những con sông có lưu lượng nước lớn, chảy một chiều, nghĩa là nơi có bờ xe nước thì không có nước thủy triều chảy ngược về nguồn. Vì bờ xe nước chỉ quay một chiều. Quảng Ngãi có ba con sông lớn: sông Trà Khúc, sông Vệ và sông Trà Bồng. Ba con sông này phát nguồn từ rừng Trường Sơn, chảy len lỏi qua làng mạc và cuối cùng đổ vào biển Đông. Ba con sông này trải dài trên chiều dọc Nam Bắc của địa bàn Quảng Ngãi. Hai bên ven sông là những ngôi làng với những cánh đồng lúa. Và cũng trên ba con sông này người nông dân Quảng Ngãi đã từng thiết lập những bờ xe nước để đem nước vào ruộng đồng.

Sông, có khúc bồi có khúc xiết nên có những đoạn bờ sông có bãi cát và có đoạn không có bãi cát. Cũng vì vậy mà công trình thiết lập bờ xe trên mỗi khúc sông đều khác nhau. Những khúc sông có bãi cát thì phần căn bản của bánh xe (như cãm và niền bánh xe) được thiết lập trên bãi cát, xong mang treo vào trục quay dưới nước và tiếp tục xây dựng phần còn lại. Ngược lại, những khúc sông không có bãi cát và nước chảy xiết thì những bánh xe được thiết lập ngay trên trục quay dưới nước.

Tùy theo cường độ và lưu lượng của dòng sông mạnh hay nhẹ và nhu cầu nước cung cấp cho cánh đồng, có những bờ xe nước có đến mười bánh như những bờ xe nước trên sông Trà Khúc.

Chú thích hình: Bờ xe nước trên sông Trà Khúc.

Những bờ xe nước trên sông Vệ chỉ có bốn bánh, và hầu hết mỗi thôn đều có bờ xe nước cho ruộng đồng của thôn đó.

Những bờ xe nước ở Quảng Ngãi đều có cách thiết lập tương tự nhau, nên bài viết này chỉ nói đến chi tiết cách thành lập và điều hành của bờ xe nước Ba Bình, xã Nghĩa Thành (nay là xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành) trên sông Vệ vào những năm 1963 và 1964.

Xã Nghĩa Thành, khúc sông tính từ chân đèo Quán Thơm đến đập Bến Thóc, thôn An Ba, có năm bờ xe nước, một bờ cho mỗi thôn: bờ xe Thuận Hoà cho thôn Thuận Hòa, bờ xe Chán Thủy cho thôn An Chỉ, bờ xe Xuân Đình cho thôn Xuân Đình, bờ xe Ba Bình cho thôn Ba Bình và bờ xe Mỹ Hưng cho thôn Mỹ Hưng. Trên năm bờ xe trên riêng chỉ có bờ xe Chán Thủy đổ về thôn An Chỉ của xã Nghĩa Phước (nay là Hành Phước).

Ngoài ra, thôn Đồng Xuân (nằm giữa Ba Bình và Mỹ Hưng) không có bờ xe nước thì lại được thay thế bằng nhà máy nước, nhà máy nước ông Trần Công Sơn. Năm bờ xe này, trừ bờ xe Chán Thủy ra thì tất cả còn lại đều có bãi cát rộng lớn bên cạnh.

Ban điều hành của một bờ xe gồm có Trương Cũ, một Trùm xe, và 4, 5 người thợ xe. Trương Cũ có thể có nhiều người, mỗi người làm chủ một phần của bánh xe, gọi là tên. Có nửa tên xe tức là làm chủ nửa bánh xe. Những Trương Cũ là những người bỏ vốn và công để xây dựng bờ xe. Đến ngày gặt lúa thì tùy theo ruộng sâu hay ruộng cạn, ruộng trên gò hay dưới trũng, ruộng nằm xa nước xe hay ruộng nằm gần nước xe mà chủ ruộng sẽ đóng lúa cho Trương Cũ nhiều hay ít. Những lúa này sẽ được chia trả phần vốn cho mỗi Trương Cũ trước, xong trả công cho Trùm xe và thợ xe, cuối cùng lúa còn lại đem chia phần lời cho các Trương Cũ.

Chú thích: Bờ xe nước Phước Lộc, Quảng Ngãi.

Ngày xưa, những năm 1975 (?) trở về trước, ruộng lúa miền Trung mỗi năm chỉ cấy một mùa, và vụ lúa bắt đầu vào cuối tháng Ba âm lịch đến tháng Tám, tháng Chín âm lịch là lúa được gặt về. Lúa chỉ cấy trong mùa khô vì sau tháng Chín tháng Mười là đến mùa mưa, nước lụt sẽ làm hư thối lúa. Cho nên những bờ xe nước chỉ được thiết lập và hoạt động vào giai đoạn đầu của vụ lúa, đến khoảng tháng Chín âm lịch thì lúa đang chín, không cần nước nữa và mùa lũ lụt cũng sắp đến, bờ xe nước sẽ được gỡ ra trước khi nước lũ đổ về.

Mỗi năm vào tháng Hai âm lịch Trùm Xe đến nhà Trương Cũ thu tiền để mua tre và vật liệu xây dựng bờ xe, tùy theo số tên xe Trương Cũ làm chủ, mà thu nhiều hay ít. Trùm Xe lấy tiền đi mua tre. Máy thợ xe là người đốn tre và mang tre ra bờ sông. Việc đầu tiên là trùm xe và thợ xe sẽ đóng một cái bè bằng tre, rộng lớn dùng để di chuyển trên sông, kế đến họ xây một

cái nhà nhỏ trên cát bên cạnh bờ xe gọi là chòi xe. Chòi làm bằng tre, vách và mái lợp bằng rơm. Chòi xe rất kín gió và có luôn cả bếp núc để thợ xe nấu ăn hằng ngày. Sau khi có chỗ ăn ở đàng hoàng, trùm xe và thợ xe sẽ bắt tay vào việc.

Trùm xe và thợ xe lên rừng chặt một loại dây to cỡ cổ tay và rất dẻo đem bỏ ra bè chở về để làm bánh xe. Những dây này dùng quấn chung quanh niền bánh xe cho cứng. Nếu không có loại dây này thì thợ xe phải chẻ lạt tre ra đánh thành một dây lớn, dai, thay thế. Trùm xe và thợ xe còn thu của Trương Cử những thứ như: lá mía khô, lá chuối khô dùng để làm bờ độn giữ nước.

Trong công đoạn xây dựng bờ xe có rất nhiều việc và những việc này có thể làm song song với nhau để tranh thủ thời giờ. Vì cuối tháng ba âm lịch là những thửa ruộng khô nứt nẻ đã được cuốc ải xong cần nước để bù. Cho nên chu kỳ bờ xe nước, những thửa ruộng lúa và thời tiết trong một mùa lúa đều ăn khớp vào nhau.

Trùm và thợ xe mang bốn trục xe của năm cũ ra dựng trên bãi cát. Kế đến là những thân tre già, lớn sẽ được trảy nhánh sạch sẽ, cắm vào trục xe làm cãm. Trục xe có chiều dài chừng ba thước. Hai đầu trục xe tròn và được niền bằng sắt. Ngoài đầu hai trục được đục nhiều lỗ chen kẻ dùng để cãm cãm, hai lớp cãm từ hai đầu trục bắt chéo qua nhau. Bề ngang niền bánh xe rộng cỡ một thước và được đánh chung quanh bằng sợi dây dẻo dai mang từ trên rừng về. Trong khi cãm và niền xe đã được lắp vào trục trên bãi cát thì thợ xe dùng những thanh tre, lớn cỡ ba ngón tay khép, đan thành những tấm phen. Và những người thợ khác lại lặn xuống đáy sông xúc sỏi đổ thành một lớp mỏng nơi những bánh xe sẽ được dựng lên. Những tấm phen tre sẽ được đóng lên trên lớp sỏi làm thành một cái sàn để giữ cát khỏi bị xoái mòn. Và cũng trong lúc này, thợ xe sẽ chôn những cột trụ trên lớp phen để từ đó bánh xe được gác lên. Bốn bánh xe thì có ít nhất tám cột trụ lớn và những cột trụ nhỏ chôn bên cạnh để chống đỡ cho khỏi bị xiên, ngã.

Khi cột trụ xe được chôn chặt dưới cát là cũng đến lúc những bánh xe trên bãi cát được dời xuống nước đặt lên trụ. Giai đoạn này cần có nhiều người dân trong làng giúp để mang bánh xe ráp vào trụ. Một đoàn người như đàn kiến bu bên bánh xe, họ dùng phương pháp đòn bẩy và những dây dứa buộc vào bánh xe kéo dựng dậy và cho lăn từ từ xuống nước, rồi ráp vào trụ xe. Mỗi bánh xe có đường kính cỡ hai mươi lăm thước, to và nặng, vậy mà những con người nhỏ bé đã chinh phục và đặt vào trụ chống đỡ rất ăn khớp.

Khi những bánh xe đã được ráp vào trụ chống đỡ và những cây chống chèo được cài lên giữ vững bờ xe, thì thợ xe gắn những tấm phen hai đầu bờ xe, lấy cát tấp lại để chống lại con nước xoái có ảnh hưởng đến bờ xe.

Trong khi trùm và thợ xe ráp bánh xe thì một số người khác lại mang những khúc tre già ra đóng thành một hàng trụ ngang qua con sông. Cách chừng vài thước là cắm một cây trụ xuống cát, một bên chống bằng những khúc tre khác để giữ vững. Hàng trụ này dùng để giữ bờ độn. Bờ độn là một bờ cát như một con đê nằm chắn ngang con sông giữ nước lại. Dọc theo những cây trụ người thợ xe gắn vào những tấm phen bằng tre và độn một lớp lá mía khô, lá chuối khô làm thành một bức tường. Sau đó Trương Cử mang trâu bò xuống dòng sông kéo cát tấp vào bờ độn. Công việc kéo cát gồm có một cái trang bằng gỗ hoặc tre được buộc vào cổ hai con trâu hoặc bò. Trâu và bò kéo cát dưới lòng sông đem tấp lên bờ độn thành một dãy cát cao hơn mặt nước. Bờ độn chặn nước lại, làm tăng sức đẩy để quay tròn bốn bánh xe. Có những bờ xe nước ở khúc sông sâu và nước chảy mạnh, như bờ xe Chán Thủy hay một vài bờ xe trên sông Trà Khúc, thì bờ độn bằng cát không làm được. Những bờ xe này có bờ độn nổi, nghĩa là bờ độn chỉ làm bằng những tấm phen tre chằng ngang sông và không ăn sâu đến đáy sông.

Hình bên: Bờ độn và dàn máng, bờ xe nước sông Trà Khúc.

Trên bờ độn được trở hai lỗ cổng gọi là lỗ cổng gió. Lỗ cổng gió dùng để ghe thuyền chạy qua và những khi con nước lớn quá thì lỗ cổng gió được mở ra để điều hoà sức nước khỏi làm vỡ bờ xe. Trên mặt bờ độn thợ xe trồng mía để giữ cát khỏi chùi xuống nước. Những dãy mía này

lớn rất lạ nhưng khi lớn có thể ăn được thì cũng đến lúc bờ xe nước phải gỡ ra đem cất vì mùa xe cũng đã qua.

Song song với những người Trương Cử kéo cát bờ độn là những thợ xe lo đóng dàn máng và mang những máng nước từ năm trước đem đặt lên. Máng nước được làm bằng tôn hay đan bằng tre và trét dầu rái lên cho giữ nước và bền. Những máng nước được cất giữ bởi trùm xe và mỗi năm máng tre phải sơn lại một lớp dầu rái. Dàn chống để đặt máng làm bằng tre, trên mặt dàn chống được lót một lớp vĩ tre trước khi đặt máng nước lên.

Hình bên: Dàn chống và máng nước của bờ xe nước Phước Lộc, Quảng Ngãi.

Máng nước được bắt mặt trước bờ xe, chạy dài trên bãi cát, khi vào gần làng hay khu đất cao máng nước sẽ bắt vào mương nước. Và mương nước chạy xuyên qua làng thẳng đến cánh đồng.

Trong khi hệ thống máng nước, bờ độn được thiết lập, thì thợ xe sẽ gắn những tấm phen vào bánh xe. Tấm phen đan bằng tre, hình vuông hoặc hình chữ nhật rộng bằng chiều ngang bánh xe. Trên vòng tròn bánh xe, cách khoảng chừng một, hai thước sẽ gắn một tấm phen xe. Dòng nước chảy tống vào phen xe và đẩy bánh xe quay tròn. Kế đến, thợ xe sẽ gắn ống nước vào bánh xe. Ống nước cũng làm bằng tre, dài chừng vài ba lóng tre, những mắt tre được đục thủng xuyên qua, và một đầu ống được giữ kín để chứa nước. Máng nước được gắn vào bánh xe với độ nghiêng chừng 15 độ. Khi bánh xe quay xuống nước, ống nước sẽ bị nhận chìm trong nước và nước sẽ chun đầy vào ống, rồi bánh xe quay mang ống nước lên đến đỉnh và bắt đầu quay ngược xuống là nước trong ống đổ ra cái máng nhỏ nằm giữa hai bánh xe. Máng nhỏ này được bắt vào hệ thống máng lớn để đưa vào dàn mương nước. Trong khi gắn phen xe và ống nước vào bánh xe, thợ xe dùng cây gậy thợ ngang qua bánh xe để bánh xe không quay tròn được. Thì ra người ta nói thợ gậy bánh xe là thế!

Đến đây, bờ xe coi như hoàn thành và có thể đưa vào hoạt động. Trùm xe, thợ xe và những Trương Cử cùng những người lớn tuổi trong làng làm một buổi lễ nhỏ bên bờ xe gọi là lễ khánh thành và cúng bái Thần sông cùng Ma da phù hộ bờ xe. Sau đó những cây gậy chắn ngang bánh xe sẽ được rút ra, và những bánh xe bắt đầu quay tròn trên dòng sông. Những ống nước trên thành xe thay phiên nhau hụp lên hụp xuống trong dòng nước và thi nhau đổ lên máng nước. Những dòng nước trắng xóa đuổi nhau chạy trên máng nước, va chạm vào thành máng kêu róc rách. Đến đầu làng máng nước đổ vào mương và những đứa bé trần truồng nằm sẵn dưới mương, đợi chờ. Rồi oai lên những tiếng reo hò của bầy con nít:

“Ồ kià! Con nước đã về!!”

Từ đây những thửa ruộng khô nứt nẻ sẽ được uống những dòng nước trong lành từ dòng sông sau làng. Màu vàng cháy của cánh đồng cũng bắt đầu chuyển thành màu xanh tươi, màu xanh của nhựa sống. Những con chim Chà Chiện con trên luống đất ải cũng đã mọc cánh, đang bay đi.

Và thoảng trong tiếng gió, giọng ca của ai:

“Đầu xa muôn trùng tôi vẫn còn thương sao là thương!”

Chuyến tàu

Một buổi sáng mùa Thu năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai, chiếc tàu suốt rời Trại Mát, Đà Lạt, trở về Quảng Ngãi của miền Trung sỏi đá. Búm dụi đôi mắt, nhìn những sợi sương mù bay nghiêng nghiêng giữa rừng thông mà lòng hối tiếc cho chuỗi ngày ngắn ngủi trôi qua.

Tiếng còi tàu rít lên hồi dài báo hiệu giờ khởi hành đã đến. Những cụm khói trắng thổi vào không gian trầm lặng của thành phố cao nguyên, rồi con tàu từ từ chuyển mình hướng về khu rừng rậm, bỏ lại sau lưng ánh mắt của một người, và tia nắng mùa Thu vương trên màu vàng nhạt của lá rừng.

Búm sinh ra trong một ngôi làng dưới chân núi Vàng. Khi vừa lớn lên, biết nét đẹp của quê hương cũng là lúc Búm rời xa quê hương. Quê của Búm có cánh đồng chạy dài dưới chân núi, rồi đến ngôi làng chạy dọc theo cánh đồng, và tựa lưng trên giòng Vệ giang xanh biếc.

Hôm nay, ngày đầu mùa Thu, Búm nhớ lại những mùa Thu trên quê nhà, những mùa Thu không bao giờ rõ rệt. Chỉ có cơn gió, cơn gió lạnh lạnh của tháng Chín là dấu hiệu mùa Thu trở lại trên quê hương. Quê hương Búm rất hùng vĩ, và lúc nào nàng cũng thấy quê hương mình đẹp nhất, vì nơi đó nàng đã sinh ra và lớn lên, chỉ đơn giản vậy thôi. Mà không hùng vĩ sao được! quê hương Búm có thiếu gì đâu! Núi cao, rừng sâu, có cánh đồng bao la với giòng sông chảy êm ả sau làng. Quê Búm có lũy tre xanh bên bờ sông. Những buổi chiều gió thổi rì rào đẩy đưa những cành tre cọ vào nhau tạo nên tiếng kêu xào xạc bên giòng nước. Có những buổi chiều nắng vàng trải nhẹ trên bờ sông, Búm cùng những đứa em ngây thơ nô đùa trên bãi cát bên cạnh những con trâu đang trằm mình dưới nước. Và tiếng reo của bờ xe nước vẫn chuyên chở con nước thanh bình trên quê hương cho ruộng đồng.

Nhưng thời thanh bình ấy chỉ đến với quê hương Búm trong một buổi bình minh nắng ấm, rồi vội vàng ra đi khi tia nắng hoàng hôn vẫn còn vương trên lũy tre làng.

Ngày ấy, những năm đầu thập niên sáu mươi, đất nước vẫn còn chút thanh bình, chính quyền lập nên chương trình di dân lập nghiệp để giúp những người dân nghèo có cơ hội tạo dựng cuộc sống mới và cũng để phát triển đất nước. Một số những người dân nghèo nơi xứ Quảng hưởng ứng chương trình di dân dinh điền, và hầu hết họ được đưa về lập nghiệp ở Trại Mát. Cha mẹ Búm là những người có ruộng đất, nên không muốn tình nguyện đi di dân. Trong số những người đi di dân có cả những người trẻ tuổi, mới lập gia đình. Có những người muốn tìm nguồn sống mới và muốn tách rời cuộc sống với miền đất cày lên sỏi đá này. Họ là những người tình nguyện vào chương trình di dân dinh điền.

Những đợt di dân dinh điền được tổ chức ra đi từng lớp. Ngày đó, ngôi làng Búm có năm, mười gia đình hơn hờ bằng bé con cái, giả từ nơi chôn nhau cắt rún để xuôi Nam. Nhà cửa bán cho người ở lại hoặc bỏ trống, còn những gì mang theo được thì họ mang theo. Những buổi sáng di dân người ta thấy linh kính nào là gà, vịt, heo, chó, mèo, v.v. những thứ gia cầm, ra xếp hàng trên con đường làng để được đưa vào Trại Mát. Có những người đã sống trên quê hương làng mạc này hơn nửa đời người, nay phải ra đi nên trong ánh mắt họ đượm một nét buồn. Nhưng những đứa trẻ thì rất vui và hồn nhiên, có lẽ ngày mai chúng sẽ được nhìn thấy chân trời mới, với một chút gì khác lạ hơn mảnh đất cằn cỗi này.

Sau những giây phút giã từ bà con lối xóm, những người di dân gạt nước mắt chia ly để lo đưa gia đình lên đường.

Con đường làng mỗi ngày im lìm nằm phơi mình dưới hàng tre phủ rợp, hôm nay con đường làng trở nên nhộn nhịp. Xóm nhà ông Ngoạt thợ xe, trước nhà anh Năm Túy, xóm ghe nhà cô Cân người người lớn bé hơn hờ như ngày hội. Người ta mang ra đủ thứ giỏ, nùng, quây, gánh, chứa đầy những vật dụng và gà vịt kêu ríu rít. Rồi từng nhóm họ xếp hàng trên con đường làng. Kê ra đi trong lòng hơn hờ, người ở lại cũng một chút gì luyến tiếc. Giờ chia tay cũng đến, những người ra đi vai gánh, gồng, bằng bé con thơ kéo nhau về sân ga. Trong giây phút những tiếng reo hò ríu rít cũng tan biến. Đoàn người đã ra đi. Và con đường làng lại im

lìm nằm co mình bên lũy tre làng lặng gió.

Một năm sau ngày đi di dân, người cô Búm trở về thăm xóm làng. Với khuôn mặt hớn hở và niềm vui trên đường lập nghiệp, người cô xin cha mẹ Búm cho nàng vào Trại Mát để làm việc và ăn học. Búm vui mừng được cha mẹ cho theo người cô vào sống trên vùng cao nguyên sương mù.

Mấy năm xa vắng, hôm nay Búm đã là một thiếu nữ cập kê tuổi lấy chồng. Vì lo cho tương lai của con, trong một ngày đầu Thu, cha Búm rời quê nhà để vào Trại Mát.

- Con nay đã lớn và cũng gần đến tuổi lập gia đình, nên cha mẹ muốn con trở về quê.

- Ở đây lập gia đình cũng được mà cha.

- Không được đâu con, mình về quê mình có làng có xóm nương tựa nhau. Ở đây cha có biết ai đâu mà làm suôi.

- Nhưng con đang làm việc ở đây, con chưa muốn về đâu.

- Chuyện lập gia đình là chuyện trăm năm, con hãy thu xếp hành lý đi, đừng cãi cha nữa.

- Cha mẹ ép con mai này con không hạnh phúc cha mẹ tính sao.

- Ừ, thì để sau này cha tính cho, bây giờ thì phải đi về.

Một nỗi buồn không tên hiện lên nét mặt Búm, nàng vội vàng nhôi nhét những hành lý vào chiếc va-ly nhỏ rồi ra cánh đồng rau quả tím Dĩnh. Con đường ngắn ngủi mà sao nàng đi hoài không đến! Cũng trên thung lũng này hằng ngày Búm vẫn lội bộ ra cánh đồng rau quả lấy rau về bán trong tiệm người cô. Có những buổi sáng, sương mai bay là đà trên khắp cánh đồng tạo nên những lớp sương mù cuộn tròn, vờn vờ trên những luống rau xanh, như đôi tình nhân đang âu yếm. Đất Trại Mát thường chạy dài trên những cánh đồi nghiêng dốc, người canh tác phải bang đất ra bằng phẳng, giục bờ giữa miếng đất cao và thấp nên nhìn vào cánh đồng rau quả như những bậc thang tam cấp. Và những bậc thang là bờ đất sét đỏ, len lỏi giữa những đám rau xanh biếc, tô đậm cánh đồng như một bức tranh sơn dầu thiên nhiên, sống động.

Hôm nay Búm lê những bước chân lạc lõng, giữa cánh đồng rau quả xanh tươi đầy nhựa sống.

- Búm đi đâu ở đây giờ này?

- Đi tìm Dĩnh chứ đi đâu.

- Có gì mà đi tìm Dĩnh?

- Ngày mai Búm đi rồi.

- Đừng giỡn nhột nha, đi đâu mà đi.

- Búm nói thiệt đó, sợ ngày mai không còn gặp nữa nên Búm ra đây gặp Dĩnh.

- Búm không đùa hả. Mà Búm đi đâu chứ, sao tự nhiên lại bỏ đi?

- Lên đây Búm nói cho nghe.

Những buổi trưa chiều nắng chói, hàng người bên những luống rau đã biến nước da của Dĩnh thành màu đen sạm. Mái tóc húi ngắn nhựa, cái đầu trần làm rõ vầng trán cao, và cái mũi quẹo một bên của Dĩnh với những vết bunn đen sì, nhìn thấy mà bực cười. Dĩnh vội bỏ ngang công việc trên cánh đồng, bước chân theo Búm lên bờ đê.

- Nói lẹ nghe đi, Búm đi đâu?

- Dĩnh chờ em đến thung lũng Tình Yêu đi.

- Trời ơi! Bụng Dĩnh đang đánh bài cào đây nè, Búm nói ở đây đi.

- Thì Dĩnh ở đó đánh bài cào đi, Búm đi về cho coi.

- Đi thì đi. Hình như trời sinh Búm ra để hành hạ người ta thì phải.

- Con trai gì mà lẻo đẻo như đàn bà con gái vậy, trù ẻo gì Búm đó.

- Ngồi lên.

Đường Đà Lạt lên dốc xuống dốc như những con phố ở San Francisco, những cánh đồi xanh tươi đang hiện ra trước mắt bỗng nhiên hụt hẫng biến mất để xuất hiện nền trời xanh lơ. Và những gì đang nhìn thấy, chỉ qua một con dốc đã đổi thành những hình bóng khác.

Trên chiếc xe đạp cọc cạch Dĩnh đèo Búm phía sau và len lỏi qua từng cánh đồi đến Thung Lũng Tình Yêu. Những cánh đồi nghiêng nghiêng chạy xuyên qua những rừng dương liễu, và tiếng gió cao nguyên thổi rì rào qua những cành dương tạo thành một thứ âm thanh vi vu. Mùa Thu Đà Lạt mang về hơi lạnh và khoát lên vùng cao nguyên một lớp áo sương mù chập chờn của thành phố mộng mơ.

- Đến Thung Lũng Tình Yêu rồi đó, Búm nói đi.

- Thung lũng gì mà nằm giữa núi đồi trụi lủi như vậy mà gọi là yêu với thương.

- Thì cái tên gọi thôi mà. Bộ chưa đến đây lần nào sao nói vậy?

- Nếu đến rồi thì nhờ anh chở đến đây làm chi. Lấy tay ra.

- ...

- Tại sao tự nhiên lại bỏ đi?

- Tự nhiên hồi nào. Thấy hai con vịt lội dưới ao kia hong?

- Giống hai đứa quá hén.

- Nhờ con vịt mái đi rồi con kia làm sao đây.

- Kêu cặp cặp đi tìm con mái đá.

- Lấy tay ra. Còn lại một mình sao kêu cặp cặp.
- Nhưng ngày mai Búm đi đâu?
- Về quê.
- Sao phải về?
- Cha biểu về.
- Xin cha ở lại đây được hong?
- Ông già bỏ công việc cày cấy ngoài đó vô đây đem về mà nói xin là xin cái nỗi gì, trời.
- Vậy không còn gặp nữa sao?
- Ai biết, thì bây giờ coi như xa nhau đi, mai này hãy tính. Thôi chờ em về đi.

Dĩnh đưa mắt nhìn bên bờ thung lũng Tình Yêu, những cặp tình nhân ngồi quấn quít bên nhau, những tiếng cười rúc rích rồi hai mái đầu lại chụm vào nhau. Dĩnh vội chạy vào bụi rậm bên đồi, quay lại gọi:

- Búm vào đây.
- Chi vậy?
- Vào đây đi.

Búm vạch những lùm cây chun vào.

- Rồi, Dĩnh làm gì trong này.

Dĩnh vội gắng cành hoa sim lên mái tóc Búm, và nói:

- Cho hun miếng.
- Dĩnh kỳ quá hà, Búm nói khi nào Búm 18 tuổi mới làm chuyện đó mà!

Dĩnh đứng tần ngần nhìn Búm một hồi rồi nắm chặt bàn tay lại:

- Mười sáu, mười bảy, mười tám. Vừa nói Dĩnh vừa đưa ra từng ngón tay. Được, nhất định như vậy nghen. Ba năm nữa Búm cho Dĩnh hun miếng nghen.

Chiếc tàu suốt chạy chậm chậm vào cánh rừng rậm, mang theo hình bóng của Búm, thỉnh thoảng hú lên từng hồi còi dài ảo não, như vẫn con lưu luyến một chút gì ở Trại Mát.

Sân trường ngày cuối

Một buổi sáng mùa Xuân năm 1965, khi hương vị của ba ngày Tết vẫn còn phảng phất trong lòng người dân xã Nghĩa Thành (Hành Thịnh), những đám học trò lũ lượt kéo nhau đến trường.

Từ trong những lũy tre, những mái đầu xanh, áo sơ mi trắng, quần sọt lần lượt đổ ra cửa ngõ môn đầu làng để đến trường tiểu học Nghĩa Thành. Ngôi trường làng nằm bên lề đường cái quan, cách ngôi làng bằng một cánh đồng. Đối diện ngôi trường, bên kia đường cái quan, là cơ quan Hội đồng Xã, và phía sau trường là những thửa ruộng chạy dài đến gò Rú, một ngọn đồi thấp, có nhiều sỏi đá và gai móc mèo, nằm dưới chân núi Giàng của rặng Trường Sơn.

Từ bảy giờ sáng thầy Trần Chư đã qua bên kia bến đò An Chỉ để vào xã Nghĩa Thành (Nghĩa Hành, Quảng Ngãi). Người thầy khả úy, phụ trách lớp Ba, thân gầy gò như cành củi khô lúc nào cũng nghiêm nghị, đạp chiếc xe đạp đôn đôn xuyên qua làng Ba Bình mỗi buổi sáng để đến trường. Ít khi nào người ta thấy nụ cười nở trên môi thầy Chư. Qua khỏi ngôi làng thầy Chư quẹo trái vào đường cái quan để đến trường. Và cũng trên đường cái quan này, từng lớp những mái đầu xanh cắp sách cùng nhau đến trường. Trong những mái đầu xanh đó có Hùng, Chín, Diên và Dĩnh. Bốn đứa trẻ cùng làng.

Trời vẫn còn mùa Xuân và những thửa ruộng hai bên đường cái quan đã được đâm mạ từ mấy tuần trước. Những cây lúa con mơn mớn đùa giỡn trước làn gió như tâm hồn ngây thơ của tuổi học trò, không phiền không muộn vì ai. Khi đến cổng ngõ môn Đồng Xuân là xuất hiện những tà áo dài bay phất phơ trước gió của Cô Hạnh (vợ thầy Tương) dạy lớp Tư (lớp Hai) và Cô Lộc dạy lớp Năm (lớp Một). Hai người cô xinh xắn và duyên dáng của ngôi trường làng.

Ngôi trường làng đơn sơ chỉ có năm lớp, lớp Năm đến lớp Nhất, làm thành một dãy. Trường xây bằng gạch, quét vôi, mái ngói. Trước sân trường là trụ cờ nằm giữa vòng tròn, mà chung quanh là những viên gạch được xếp nghiêng nghiêng thành hình răng cưa. Từ cổng trường, hai hàng cây so đũa chạy ngay tắp vào trường và giữa là lối đi rợp bóng mát. Khi qua khỏi cột cờ hai hàng so đũa tách ra thành hai ngã chạy song song với năm lớp học.

Những cây so đũa thân hình mảnh khảnh, cành lá xum xê. Mùa Xuân hoa so đũa nở rộ, những bông so đũa màu trắng tinh nằm chi chít trên cành đu đưa trước gió như tâm hồn những người trinh nữ ngây thơ. Dưới chân hàng so đũa là những chậu hoa mười giờ.

Những buổi sáng khi mặt trời lên khỏi ngọn so đũa, mang theo những tia sáng bang mai sưởi ấm những cánh hoa là những bông mười giờ, màu đỏ tím, cũng bắt đầu nở hoa, bẽn lẽn khoe sắc như những cô nữ sinh thẹn thùng trước những con mắt đa tình của những chàng trai cùng lớp. Rồi vài ba giờ sau, khi mặt trời ngã về xế chiều, những bông hoa mười giờ kia cũng từ từ khép kín như những mối tình kín đáo của cô gái miền Trung.

Bên trái những lớp học là căn nhà của thầy Hiệu Trường (Thầy Anh), và một cái giếng nước nằm bên cạnh. Ngày xưa người ta thường ví “Yếu đuối như học trò, cột gà không nổi,” cho nên ngôi trường dành một ngân quỹ để có một sân “vận động” phía sau cho học sinh nô đùa, chạy nhảy và đá banh cho môn thể dục.

Hôm đó là ngày thứ Hai. Những khuôn mặt vô tư của lũ học trò hớn hờ, nô đùa kéo nhau vào sân trường. Những lớp học đã được mở cửa, tập vở nằm ngăn nắp trong từng học bàn, và đám học trò đang trò chuyện, đùa giỡn trong sân trường.

Giữa tiếng reo hò của lũ học trò, thầy giám thị giống ba hồi trống. Khi tiếng trống cuối cùng vừa ngưng là những bàn chân non lật đật kéo nhau chạy về hàng ngũ của lớp, xếp thành từng hàng ngay thẳng để chào cờ trước khi vào lớp học. Sau khi đã vào hàng ngũ ngay thẳng, người học sinh trưởng lớp của lớp Nhất nghiêm trang hô:

“Tất cả nghiêm. Lễ chào cờ bắt đầu.”

Những tiếng rì rì tự nhiên im bặt. Những bàn tay tháy máy khéo người này móc người kia cũng xui thẳng, đứng nghiêm trang nhìn về lá quốc kỳ. Rồi từ chiếc máy phóng thanh bên mái hiên trường vọng lên bài quốc ca:

“Này công dân ơi ! Quốc gia đến ngày giải phóng.

Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân sống...”

Và lá quốc kỳ được kéo lên chậm chậm, bay phất phới trước gió trong một buổi bình minh nắng ấm của ngày đầu trong tuần. Những tâm hồn non trong miệng mấp máy theo nhịp bài quốc ca, mắt sáng ngời nhìn lá quốc kỳ lồng lộng trong gió mà lòng mơ ước một ngày kia sẽ thành người hữu ích cho xã hội.

Hàng trăm mái đầu xanh đang nghiêm trang hướng về linh hồn của tổ quốc, thì, cắc, cắc, bùm...

Những tiếng AK chát chúa từ những đám ruộng sau trường nổi lên bắn xả về ngôi trường giữa lúc những bàn chân non đang nghiêng mình chào cờ. Hai mái đầu xanh đang nắm giầy kéo cờ vội vã buông tay, bỏ chạy giữa tiếng súng đạn chát chúa bên tai. Lá cờ ngừng lại, nằm ử rũ, lơ lửng giữa cột cờ. Và ba mái đầu xanh, một nam hai nữ, nằm xuống, nằm xuống vĩnh viễn với sân trường, với hàng so đũa với những hoa mười giờ chưa kịp nở để khoe sắc!

Như bầy ong vỡ tổ, những bàn chân non tan rã hàng ngũ ủa chạy tứ phía. Sân trường trở nên náo loạn. Trong nháy mắt những con người xa lạ, đầu bịt khăn đỏ, bịt quần đùi ủa vào sân trường và lừa đàn học trò như lừa vịt về hướng cơ quan hội đồng xã. Những người “giải phóng” đang dùng những bàn chân non làm bia đỡ đạn để tấn công Hội đồng xã. Họ lẫn lộn trong hàng trăm học trò đang vỡ tổ chạy ra đường cái quan trước trụ sở cơ quan hội đồng xã. Rồi những tiếng la xung phong, những tràn AK liên tục xé tan không khí nả vào trụ sở cơ quan Hội đồng xã với không một tiếng súng chống cự! Tiếng la ré, khóc than của đám con nít trước những tiếng súng AK chát chúa làm cho những đám con nít đã bắn loạn lại càng thêm sợ hãi. Những người Dân Vệ thất thủ, trụ sở hội đồng xã thất bại một cách ê chề! Những báng súng nằm tro tro trên tay mà không thể nhả được nửa viên đạn!

Chiến thắng! Họ chiến thắng vẻ vang! Những người “giải phóng” hoàn toàn chiếm lấy cơ quan hội đồng xã mà không mất lấy một nghoe, ngoại trừ xác chết của ba mái đầu xanh!

Trong những tiếng reo hò của đám quân “giải phóng” những người Dân Vệ đã biến mất. Và trên đường cái quan chỉ còn hình bóng những người học trò nhỏ hát hãi chạy về hướng Nghĩa Lập, nơi đó không có bóng dáng của tiếng súng.

Bốn đứa trẻ Hùng, Chín, Diễm, Dĩnh may mắn chạy theo đoàn học trò kia. Đám học trò như đàn vịt không đầu ủa nhau chạy trên đường cái quan. Khi qua khỏi đập Bến Thóc tiếng súng thưa dần và đám học trò chia tay nhau mỗi người một ngã đi tìm gia đình. Bốn đứa bé đi dọc theo đường rầy xe lửa quanh ra hướng bến đò Đề An. Khi đến Đề An bốn đứa bé lội qua bên kia bờ sông Vệ (vì con đò hôm nay không người lái) và lần mò đi lên bến đò An Chỉ. Mãi đến trưa gia đình bốn đứa bé mới lội sông tản cư qua bên kia làng, và gia đình được đoàn tụ.

Từ đó Dĩnh theo gia đình tạm cư nơi nhà người Di bên An Chỉ. Những buổi chiều không còn đi học Dĩnh ra bờ tre bên này bờ sông Vệ nhìn về bên kia, nơi hàng ngày Dĩnh cùng bạn bè nô đùa trên sân trường. Dĩnh nhớ trong lớp Tư của Dĩnh có người con gái tên Huyền, quê Mỹ Hưng. Huyền đẹp nhất lớp, mà có lẽ đẹp nhất cả trường. Cho nên biết bao nhiêu chàng trai nhỏ bé bắt đầu yêu đương đã nhỏ to bản tán đến Huyền mỗi lần tụm năm tụm ba bên cột cờ. Nhưng hôm đó Huyền đã nằm xuống. Một bông hoa xinh đẹp đang trong tuổi mộng mơ, bây giờ Huyền đã nằm xuống, nằm bên cạnh những bông mười giờ đỏ thắm và những bông so đũa trắng tinh nguyên. Không biết những người ôm súng nả vào những mái đầu xanh kia, có khi nào chạnh lòng trước những đóa hoa mười giờ mới vừa chớm nở chăng!

Dĩnh bước đi, rời những cụm tre già bên bờ sông mà lòng thoáng nghe bên tai những lời ghen tương của đám con trai:

“Sá gì một nãi chuối xanh,

Kẻ giật người giành, mũ dính đầy tay.”

Từ đó ngôi trường làng vắng bóng học trò. Và hoa mười giờ cũng không buồn khoe sắc mỗi lần ánh nắng rọi về trên cành so đũa.

Miền Đông nước Mỹ July 29, 2008.

Con đế mùa lụt

Tháng Mười trời Quảng Ngãi bắt đầu đổ mưa. Những cơn mưa nhiệt đới kéo dài lê thê từ ngày này qua ngày nọ. Hạt mưa to, đậm, gió thổi tạt vào chân nghe đến rát da, và trên chiếc nón lá tiếng mưa rít từng hồi nghe kêu lộp độp. Có những buổi chiều, nhìn trên cánh đồng thấy bóng người cuộn tròn trong chiếc áo tơi như những con kên kên, và hơi gió bắt đầu mang theo cái lạnh, vậy là mùa mưa đang đến.

Mưa miền Trung rất dai và kéo dài qua nhiều ngày. Mưa đổ trên những triền núi, trên những con suối và chảy vào sông, ruộng đồng. Mà núi miền Trung thì trùng trùng điệp điệp, còn ruộng đồng và sông thì nhỏ hẹp. Cho nên vào mùa mưa miền Trung thường bị ngập lụt. Nhiều làng mạc nằm giữa sông và cánh đồng, mà trời thì thường bầy cơn lụt mỗi năm, nên dường như năm nào người dân cũng điều dưỡng vì cơn mưa. Và năm đó, năm 1964, mùa mưa đã đưa làng mạc ở Quảng Ngãi nằm trong biển nước.

Vào đầu tháng Mười Một năm 1964, những cơn mưa dường như không ngớt. Ngày lại ngày, mưa gió bão bùng, nước trên nguồn tuông đổ vào sông Vệ, và những cánh đồng hai bên bờ sông ngập đầy nước từ những con suối đổ vào. Làm mực nước dâng cao và tràn vào làng mạc. Thế là nước sông và nước đồng hoà lẫn nhau gây nên lụt lội.

Sông Vệ hằng ngày nhỏ hẹp nhưng năm đó nước lụt tràn ngập hai bên bờ cát làm cho con sông trông rộng mênh mông. Bầu trời u ám, gió mạnh, và mưa to làm cho nước trên sông dâng cao, chảy ào ạt mang theo đủ thứ như gà, vịt, heo, chó, mèo, v.v. và nhiều nhất là những cành cây khô trên rừng. Những cành cây nhỏ có, to có, cong queo trôi theo giòng nước cùng với rác rến, và xác cầm thú trên sông. Nhìn trên giòng sông người ta thấy bao nhiêu cửa cải và ngay cả dấu vết những tấm vách, và mái nhà của người dân trên thượng nguồn trôi dạt trong con nước đục ngầu. Và trong tiếng mưa người ta nghe cả tiếng heo kêu en éc cuống đi trong giòng nước. Rồi những người dân sống hai bên bờ sông lại thập thò bên con nước lũ, cố vớt những cành cây khô, những con gà, vịt trôi theo giòng nước mang về.

Người ta thấy buồn và khổ cho những căn nhà nằm ven sông và cạnh cánh đồng. Cứ vào mùa lũ lụt lại có những căn nhà bị con nước cuốn đi. Và năm nay căn nhà bà A nằm cheo leo bên bờ rào vi, nơi đầu làng bên cánh đồng, đã trôi bèo bồng theo con nước! Bà A là bà hóa, chồng bà, ai biết đã đi đâu? Bà chỉ có mỗi một người con trai duy nhất, tên Thà. Vậy mà anh Thà đã vào quân đội để lại bà A một mình ở nhà. Những năm sau này có lẽ buồn nhớ con và cảnh đời trợ trụ đã làm bà A trở nên quẩn trí. Bà thường đi ra đi vô và nói một mình như bà điên. Nhưng qua mùa mưa này, rồi bà A sẽ ở đâu?

Mưa và lũ lụt cũng đồng nghĩa với nỗi buồn muốn chết của những người lớn, nhưng đối với con nít thì khác. Nước ngập càng cao, con nít càng thích thú!

Mưa gió vừa tạnh thì hai đứa bé, một trai, một gái nháy mắt nhau làm hiệu lòn ra ngõ sau nhà để đi ra bãi cát sau làng. Trên tay hai đứa bé cầm hai cái đẹt, và lúp xúp bước đi trong con nước.

- Anh chắc có nhiều đế hông? Đưa em gái - Dưa, hỏi anh nó.
- Chắc mà. Năm ngoái anh theo cha ra bãi bắt nhiều đế lắm.
- Em bắt nó cắn em hong?
- Một chút thôi.
- Ý, em sợ lắm! Thôi anh đi một mình đi.

Dưa dùng dăng đứng lại bên đường.

- Như con kiến cắn thôi, nhưng mà vui lắm. Em có đi không?
- Anh nhớ đó nghen, nó mà cắn đau là em về méc mẹ đó.

Miền Trung đất khô ráo. Dọc theo hai bên bờ sông thường có đất phù sa bồi đắp nên trong đất có pha nhiều cát. Và đất cát rất tốt cho công việc trồng dâu tằm. Cũng vì vậy mà khúc bãi cát nằm sau thôn Đồng Xuân, (xã Nghĩa Thành, quận Nghĩa Hành) người ta trồng hàng hàng lớp lớp những đám dâu tằm. Đặc biệt len lỏi trong những luống dâu tằm có rất nhiều đế côm đào hang sống trong đất cát. Đế côm lớn hơn đế quạ (loại đế mà ở thành thị những đứa bé thường mua về nuôi để đá) một chút và có màu nâu nâu. Ở quê miền Trung người ta thường bắt nhiều đế côm về rút ruột, ngắt cánh, ngắt đầu, rửa sạch. Rồi bắt chảo dầu lên. Đế rửa sạch ướp chút hành, tiêu, tỏi, ớt, đem bỏ vào chảo dầu thật nóng. Tiếng xèo xèo của đế trong chảo làm người đứng bên cạnh thèm, phải chảy nước miếng. Lấy chiếc đũa trộn lên vài ba lần và đảo cái chảo cho đều, khi thấy những con đế đổi thành màu đen đen vàng vàng, là chín. Mang đế ra và rót một ly rượu đế thật đầy thì bao nhiêu cảm giác lạnh lẽo của mùa Đông cũng thành mây khói. Thế người ta mới nói dân mình thấy con gì cục cựa là bắt ăn hết! Nhưng hãy thử đi, khi nào có dịp về miền Trung vào mùa mưa, theo những người nông dân hay những đứa trẻ trong làng đi bắt đế côm về chiên ăn một lần rồi sẽ thấy nó ngon hết biết! Những ngày khô ráo những đứa trẻ thường đào bên cạnh gốc dâu tằm bắt đế xỏ thành râu mang về. Nhưng vào những ngày lụt lội, nước ngập đến gần nửa thân cây dâu tằm làm cho những hang đế ngập nước. Vì bị ngột nên đế phải rời hang bò đeo lên thân cây dâu tằm. Và những đứa trẻ chỉ cần ra bãi dâu trong ngày nước lụt thì tha hồ bắt đế!



Dưa xách cái đục lúi cúi đi theo anh. Qua khỏi nhà một lối hai anh em rẽ vào con đường duy nhất dẫn ra bãi. Con đường chạy song song với bờ mương nước. Nhưng hôm nay chỗ nào

cũng là nương nước! Hai anh em nó bước lủm bủm giữa hai hàng tre phủ rợp để ra bãi cát. Đi trên con đường làng không quá một cây số là hai anh em đến bờ rào vi. Bắt đầu từ đây con đường trở nên trũng xuống cho nên nước trên đường sâu dần. Và chỗ sâu nhất nước ngập trên rún của đũa em.

- Nước sâu quá, làm sao em đi?
- Em nắm tay anh dắt đi.
- Mà nước cũng gần tới ngực anh rồi. Em sợ.
- Sao nhác quá vậy, anh nói không sao đâu mà, đưa tay đây.
- Anh la em hoài.
- Không thì đeo lên cổ anh công qua.
- Anh lại đây đi.
- Nề. Ôm cổ cho cứng đó.
- Được rồi, đưa cái đụt của anh em cầm cho.

Con nước lớn vẫn chảy xoi qua từng cành cây bên bờ rào. Và hai bóng người nhỏ bé với hai cái đụt đã qua khỏi khu nước sâu. Đến bãi dâu tầm nước ngập lại lảng, hai anh em nó lội vào. Mặt mày hớn hờ, hai bóng người tay chụp lên chụp xuống liên hồi trên những cành dâu tầm, bắt những con dế cớm bỏ vào đụt. Lần đầu tiên Dừa theo anh đi bắt dế, đũa bé thấy ngồ ngộ, nó nhìn những con dế lạnh run người bám vào cành dâu. Những con dế đã lạnh và mệt mỏi nên cũng không buồn nhảy đi khi bàn tay đũa bé đưa ra nâng niu nó. Nó ngoan ngoãn đậu vào lòng bàn tay và ngỡ rằng nó đang được cứu vớt!

- Sao nó không cắn em anh ơi!
- Sao em nhiều chuyện quá vậy. Không sợ nó cắn đau nữa sao?
- À, để em bắt nó bỏ vào đụt nha.

Trong chốc lát hai cái đụt đã chứa đầy dế. Hai anh em nó rời bãi dâu trở về nhà. Nó dẫn em lội qua những đám dâu trở ra con đường nhỏ vào làng. Khi đến khu đất trũng, nó nắm lấy tay đũa em dắt qua. Nhưng bây giờ con nước đã dâng lên cao hơn lúc trước, mực nước cao đến ngực của đũa em. Nó rùn chân lại và đứng phân vân tìm cách lội qua.

- Nước sâu quá, làm sao đây anh?
- Để anh coi.

Dừa nắm chặt cái đụt dế, đưa mắt nhìn anh.

Đũa anh mân theo bờ rào, và nói:

- Em nắm hai cái đụt và đeo lên lưng anh công qua như hồi sáng vậy đó.

Dừa không nói một lời, lặng lẽ đến ôm vào cổ anh nó. Rồi anh nó lần mò còng em qua khỏi khu nước sâu. Bước chân thập thò trên từng tấc đất. Bất chợt bàn chân dừa anh sụp vào lỗ bún, nước ngập đến đầu! Nó lật đật ngoi ngóp ra vũng nước. Khi ra khỏi lỗ bún thì Dừa đã lọt khỏi cổ dừa anh và đứng nhảy chồm chồm trong giòng nước. Nó vội nắm lấy tay dừa em lôi ra khỏi con nước, và kéo lên chỗ cạn.

- Em có sao không?

- Có sao đâu, em có sao đâu.

- Vậy mà làm anh sợ gần chết. Hứ, li dữ hén. Hai cái đọt đâu?

- Kia kia, trôi kia kia. Dừa chỉ tay về hai cái đọt đang trôi trong giòng nước.

- Trời! Tiêu rồi. Mấy con đé chui ra bò lên bờ rào hết rồi.

- Kệ nó, em không muốn thấy chúng nó bị thiêu trong ngọn lửa đâu!

- Mùa lụt năm tới anh không dẫn em theo nữa.

Hai bóng người nho nhỏ nắm tay nhau đi về trên con đường ngập đầy nước. Một hồi, dừa anh quay lại nhìn, thì hai cái đọt đã trôi thật xa, và những con đé, đang nằm sượt ầm trên cành cây.

Chuyến xe ra

Tết đã qua hơn hai tuần rồi, bến xe Miền Đông không còn rộn rã nữa. Vậy mà người vẫn đông! Tôi đi với anh lên bến xe đi về Quảng Ngãi. Anh nói phải tranh thủ đi sớm để khỏi kẹt xe và đỡ mệt, nên, năm giờ sáng tôi đã thức dậy, lấy xe ôm chạy từ Gò Vấp về Tân Thuận gặp anh, rồi đi chung. Tôi nghĩ năm giờ sáng chắc ngoài đường vắng như ma. Nhưng không, Sài Gòn năm giờ sáng những người lao động chân tay như hốt rác, quét đường, và những người giao hàng đã chạy đầy đường. Nhưng dù sao cái không khí ban mai vẫn còn được chút trong lành. Và có một điều tôi lấy làm thắc mắc, là, còn sớm như vậy mà thỉnh thoảng tại một vài ngã tư đường tôi lại thấy một số những người trẻ, trẻ lắm, cỡ chừng 16, 17 tuổi, đã tụ tập bên những ly cà phê rồi! Và dường như họ đã đến đó từ lâu. Đôi khi tôi cũng bắt gặp một vài người phụ nữ với quang gánh nặng trĩu trên vai đi giữa thành phố vắng tanh!

Tôi và anh đến bến xe Miền Đông còn sớm lắm, sáu giờ rưỡi sáng. Sớm, là vì có một vài quầy bán vé vẫn chưa mở cửa. Hay có lẽ qua Tết rồi ai đi đâu mà vội vàng! Anh nói muốn đi xe “chất lượng cao” cho khỏe. Nhưng muốn đi xe chất lượng cao phải đợi đến hai giờ chiều xe mới khởi hành. Tôi nói đợi đến hai giờ chiều thì phí thời giờ nhiều quá, gần tám tiếng đồng hồ đợi, bằng chi lấy xe nào đó đi đại có lẽ cũng đến Quảng Ngãi sớm hơn hoặc bằng giờ. Anh chịu ý nên đến hãng xe đồ Phi Long mua vé đi liền. Anh nói để cho thoải mái anh mua ba ghế liền tục cho hai người, và trả luôn tiền ba ga cho chiếc xe Honda bằng tiền vé một người. Xong, anh dẫn tôi ra xe. Quầy bán vé nói đi liền nhưng lên xe rồi cũng phải chờ vài giờ xe mới rời bến.

Trước giờ xe khởi hành lơ xe bắt đầu xét vé. Anh đưa ba vé cho lơ xem và nói:

- “Chúng tôi mua ba vé cho ba ghế liên tục.”

Nhưng lơ xe nhét hai chúng tôi vào dãy chỉ có hai ghế liên tục. Anh nói:

- “Như vậy tao mua ba ghế liên tục chi đây.”

Anh bỏ chỗ ngồi hai ghế qua bên dãy ba ghế ngồi, và tôi cũng đi theo. Lơ xe đòi anh trả tiền ba ga xe và ra giá gấp đôi giá của phòng vé. Anh nói:

- “Phòng vé nói 150.000 đồng mà sao mày đòi 300.000 đồng là sao. Tao đã mua ba vé cho hai người trong xe trông rỗng là quá lắm rồi.”

- “Ông không trả thì xuống xe đi.”

- “Mày nói thiệt hông? trả tiền lại đây tao xuống ngay bây giờ. Tụi bây lật lọng vừa thôi, bộ không còn xe nào đi ra sao!”

Anh dùng dùng đòi trả tiền lại và lấy lại xe Honda để đi xe khác. Thấy ăn không được, tài xế và lơ làm tỉnh nhận 150.000 đồng tiền ba ga. Tôi nói anh:

- “Bấy giờ anh vào phòng bán vé chưa chắc họ trả lại tiền cho anh đâu, thôi mình đã lỡ rồi, ráng chịu một trận đi.”

Xe rời bến nhưng trong xe thì trống trơn! Số hành khách chưa được nửa xe. Vậy là anh và tôi đã hổ khi mua ba vé cho hai người để ngồi cho thoải mái. Thì ra sau Tết có ai về quê nữa đâu mà xe đông! Từ đó xe chạy cà rịch cà tang và mỗi lần thấy có người đứng bên lề đường với vài cái vali hay mất lúc liên có vẻ đón xe thì lơ xe thò đầu ra đường la hét:

- “Đi Quảng Ngãi, đi Quảng Ngãi, đi Đà Nẵng không? Xe đi Đà Nẵng đây.”

Vậy mà cũng không mấy người chịu lên xe đò Phi Long.

Ngày xưa khách ra vô miền Trung thường bị đưa vào cảnh “quán cơm rào.” Bây giờ quán cơm không còn rào nữa, nhưng mỗi lần tài xế ngừng lại cho khách ăn cơm thì chỉ có một quán bên đường duy nhất, và thức ăn thì thường không nói lên cái tên gọi món ăn. Tôi thèm phở lắm, nên thấy trong quán ăn có món phở, bèn gọi “phở tái”. Nhưng khi mang ra thì chỉ là tô nước sôi với mì ăn liền và một miếng thịt heo cắt lết chiên gọi là “tái”. Không ngò gai, không giá sống (đừng nói chi giá trứng), không rau quế. Nghĩa là “phở” mà không có “đồ phụ tùng” bên cạnh nên nó lác lẻo như “nước đáị thợ xe!” Nhưng đói cũng phải ăn.

Gần đến Phan Thiết xe đang chạy tự dưng ngừng lại một căn nhà bên mặt đường, rồi tài xế bỏ xe, bỏ hành khách trong xe đi vào căn nhà nọ đến hơn nửa tiếng mới trở lại tiếp tục đi. Tôi thấy làm tài xế ở xứ mình, ít nhất là tài xế hãng Phi Long, thật sượng. Ai nói “khách hàng là thượng đế” đâu, giữa buổi chiều nóng nực, tài xế bỏ mặt “khách” đi vào nhà “vợ nhỏ” bên đường giải lao cho khỏe, hay ai biết làm gì trong đó?, vậy mới biết ai là “thượng đế” ở xứ này.

Rồi xe cũng phải chạy. Trong cái nóng nực ít ra tài xế cũng mở nhạc cho khách ngồi nghe. Và giữa đường xe ngừng lại bốc một người hành khách nữ cỡ chừng 40 mươi. Người hành khách đi thẳng vào cuối xe ngồi. Chiếc xe vẫn chạy im lìm và những người trong xe đang thả

hồn theo những khúc nhạc du dương, cho đến khi lờ xe đến lấy tiền người hành khách mới. Tụ dưng tiếng la ó nổi lên phía sau xe, và người hành khách mới lên liền đứng dậy chạy về phía trước xe:

“Tổ cha mi, mi ngừng xe cho tao xuống đi.”

Giọng nói của người Quảng Trị. Người khách nhìn thẳng vào lờ xe và nói xằng xẵng.

“Sao lúc nãy trước khi lên xe mi nói chỉ có 80 nghìn mà sao bây giờ đòi 120 là sao? Mi thả tao xuống đi, chỗ nào cũng được, cái đồ ăn nói ngang ngược.”

“Ai cũng trả như nhau thôi.” Người tài xế xe nói.

“Tao không cần biết, chỉ biết mì chịu 80 nghìn tao mới lên xe, giờ đòi 120 lấy tiền đâu tao trả. Bây giờ mì thả tao xuống đi. Đồ chết dịch, tụi bây tưởng bắt nạt dân lành sao cũng được sao? Làm ăn cần chút lương thiện để đức cho con mì với chứ.”

“Thôi bà ơi, bà xuống kia ngồi đi, 80 chục thì 80 chục.” Người tài xế nói.

Người phụ nữ bực mình, đi một mạch xuống phía sau xe. Tiếng nhạc trong xe cũng im phẫn phắc. Và những người hành khách trong xe chỉ biết thở dài. Từ đó tôi cố nhắm mắt như người đang ngủ mãi cho đến khi xe đến Quảng Ngãi.

Đến ngã ba Quán Lát anh bảo xe ngừng lại. Tôi bước về phía trước xe để đi xuống. Tay vịn thanh sắt tôi nhìn thấy bức tượng Phật Bà được đặt trước phòng lái. Hình Phật Bà rất trang nghiêm và hiền lành, bên cạnh là những hoa quả và cây nhang đang cháy tỏa mùi hương thơm ngát. Tôi bước chân xuống xe mà lòng tự nhủ “Không biết họ có niềm tin gì ở tượng Phật Bà trước mặt chẳng. Hay là, chỉ một bình phong để lòa mắt người đi đường!”

20/11/08.

Dòng sông đổi chiều

“Tới Đức Phổ rồi, mầy hỏi có ai biết đường về Chợ Chùa gần đây không. Trời tối như mực mà xuống tuốt ngoài ga Quảng Ngãi thì ai ra đó mà đón.”

Lời nói nặng nề như trách móc của người đàn bà đeo khẩu trang che kín khuôn mặt, ngồi bên cạnh người con gái độ mười chín, hai mươi tuổi.

“Sao má hung quá vậy, để từ từ rồi tìm đường ... về.” Người con gái nói trong vẻ lo âu.

Nghe hai tiếng Chợ Chùa tôi chợt nhớ và muốn hỏi người con gái có biết ông thầy thuốc bắc tên Trợ ở đó không, nhưng rồi tôi lại làm thinh. Anh Khanh, người quê tôi, làm nghề thầy thuốc bắc ở Chợ Chùa sau này qua đời đã truyền nghề lại cho đứa con tên Trợ. Lâu lắm rồi, từ ngày quê hương bị đốt cháy, tôi cũng chưa có lần gặp lại thằng Trợ.

Hai giờ rưỡi khuya chiếc xe đò vừa qua khỏi quận lỵ Mộ Đức. Anh Chín bảo lờ xe cho dừng xe trước chợ Thy Phổ. Một hồi sau chiếc xe chạy chậm chậm rồi ngừng lại bên lề đường. Trước khi bước xuống xe, anh Chín quay đầu lại nhắc người con gái:

“Cháu coi chừng khi xe qua khỏi cầu Sông Vệ khoảng vài trăm mét nhớ bảo xe ngừng lại, tại đó có ngã ba đi về Chợ Chùa.”

Người con gái khẽ dạ rồi đưa mắt nhìn ngoài trời tối thui với gương mặt mang nhiều nét lo lắng.

Tôi bước theo sau anh Chín xuống xe. Người tài xế và lơ xe hì hạch lôi chiếc xe Honda ra khỏi khoang hành lý dưới gầm xe, dựng bên lề đường. Rồi chiếc xe đồ Phi Long trên tuyến Sài Gòn Đà Nẵng vụt chạy về hướng thị xã Quảng Ngãi, trong nháy mắt tiếng động cơ đã chìm trong bóng tối, và ngoài đường chỉ còn hai bóng người trở về tìm lại quê hương.

Tôi nói anh Chín trời còn khuya quá, anh em tìm nhà trọ nghỉ qua đêm rồi sáng mai hãy đi.

Chiếc xe Honda đã bị mấy người lơ xe rút hết xăng trước khi bỏ vào khoang hành lý. Anh Chín dắt chiếc xe dọc trên quốc lộ 1 đi tìm cây xăng. Trời vẫn còn tối như mực, hai bên đường dọc theo thị trấn Thy Phổ phố xá còn chìm trong giấc ngủ. Bên cạnh lề đường một cây xăng vẫn còn mở cửa, bóng đèn mập mờ và người bán xăng đang nằm ngủ gục trên chiếc ghế. Anh Chín đập mạnh vào cửa kính và nói to:

“Đổ xăng, đổ xăng, đổ xăng em ơi.”

“Xăng đổ đâu, đổ đâu, đâu đâu ...” Người đổ xăng hốt hoảng la lên như trong cơn mê.

“Không, qua nói đổ xăng cho xe qua đây nè, chứ đâu phải xăng em đổ đâu!”

Anh Chín vừa nói vừa cười.

“Làm hết hồn.” Người bán xăng dụi mắt và mở cửa bước ra.

Tôi bật cười trong mệt mỏi và cơn buồn ngủ cũng bay đi.

Chiếc xe Honda được đổ đầy xăng, tôi hỏi người bán xăng chỉ dùm khách sạn nào gần đây để ngủ qua đêm. Rồi tôi ngồi phía sau và anh Chín chạy về hướng ngón tay chỉ dẫn của người bán xăng. Nơi đó là nhà nghỉ Như Ý, nằm bên trong quốc lộ 1 khoảng chừng 100 met.

Sáu giờ sáng tôi đánh thức anh Chín. Nhìn qua khe cửa ánh nắng đã rọi về trên ngọn tre. Tôi mặt đỏ, đánh răng, rửa mặt rồi bước ra sân nhìn ánh nắng ban mai đang chui qua những rặng tre và chiếu trên hàng cau bên sân nhà ai. Một buổi sáng trong lành ở miền quê, một đàn gà quanh quẩn trong cái vó, hai chân bươi liên hồi, miệng kêu lục tục mổ những hòn sỏi trên mặt đất, nhả ra rồi lại mổ lên. Cảnh bình minh ở miền quê thật là bình yên!

Tôi vươn vai hít một hơi thở mạnh rồi bước vào phòng tiếp khách của nhà nghỉ Như Ý. Vợ chồng người chủ khách sạn cỡ chừng bốn mươi, dáng người rắn chắc, mời tôi ly nước trà và ngồi trò chuyện trong phòng khách. Người chủ khách sạn trao đổi vài câu chuyện về cuộc sống của người dân ở thị trấn Thy Phổ. Khi điếu thuốc đã tàn hơn nửa thì anh Chín bước ra và tôi bắt tay chào vợ chồng người chủ khách sạn.

Anh Chín nổ xe, chào ông bà chủ Như Ý rồi chiếc xe lẳng bánh. Từ đây tôi theo anh Chín về quê Hành Thịnh.

Đang ở gần chợ Thy Phổ nên anh Chín muốn ghé vào chợ mua chút ít cá ngừ về quê biếu bà con và cũng cần mua ít nhan đèn để thăm mộ Cha. Anh Chín nói mỗi lần về quê ghé ngan chợ Thy Phổ thường mua cá ngừ đem bỏ nhà cô Năm Ba Ba nhờ cô nấu để ăn với bún. Anh nói chỉ có cô Năm Ba Ba là người nấu cá ngừ ngon nhất thôi!

Chợ Thy Phổ, cái chợ mà ngày xưa còn bé tôi chỉ nghe nói đến chứ chưa bao giờ được bước chân tới. Ngày đó tôi chỉ biết đi chợ Thy Phổ là sang lắm, là lớn lắm, vì chợ Thy Phổ có nhiều cá ngon, nhưng xa nhà. Hôm nay là ngày đầu tiên tôi được đi chợ Thy Phổ! Vậy mà tôi thấy vui trong bụng. Nhưng con đường đất sét vào chợ Thy Phổ mang đầy vết se, không biết ba mươi năm trước chị tôi có thấy những vết loang trên mặt đường như hôm nay không?

Qua khỏi chợ Thy Phổ một chút anh Chín quẹo vào ngã ba để về Núi Đồi.

Mỗi lần nghe hai chữ Núi Đồi là lòng tôi lại rộn lên. Cái ký ức ngày xưa nó lại hiện về. Ngày đó tôi còn bé lắm, và mỗi lần tôi được Cha cho theo về Núi Đồi ăn giỗ nhà Nội là tôi vui không thể tả! Tôi ríu rít, lẩn quẩn như con sâu đo ngay cả trước giờ lên đường (và suốt cả con đường đi về nhà Nội.) Ngày đó tôi như con chim non hơn hờ chạy tung tăng theo Cha mỗi lần về Núi Đồi. Cha tôi dẫn tôi ra đường cái quan, từ đó đi xuống miết và băng qua cánh đồng An Ba,

bước qua một cây cầu là đến Núi Đồi. Từ nhà tôi đến Núi Đồi chỉ chừng ba bốn cây số mà ngày ấy tôi thấy xa quá! Nên mỗi lần được đi Núi Đồi là tôi thấy như được đi đến một phương trời xa lạ, với biết bao điều ngỡ ngàng. Tôi như chú bé Pinocchio, hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác trên mỗi bước chân qua bờ đê. Tôi dương mắt to và sờ mò những vật bên đường như muốn ôm trọn vào trong túi. Mà chú dế Germany Cricket lại là Cha tôi. Tôi được đi qua con đường rầy xe lửa, nếu lúc hên thì tôi được nhìn những toa xe lửa nối đuôi nhau chạy như một con rắn khổng lồ. Và tôi thích nhất là lượm những hòn đá xanh trên đường rầy xe lửa mang về đèo bi. Qua khỏi đường rầy xe lửa tôi đứng đặng đi theo sau Cha lội qua gò má trên một ngọn đồi, ngọn đồi đó chính là Núi Đồi. Bên cạnh những nắm mỏ là một nhà ga làm bằng gạch đơn sơ. Rác và giấy vụn nằm lay lác xung quanh những bức tường dường như đổ nát. Mà sau này mỗi lần nghe nhắc đến những nắm mỏ bên cạnh sân ga là lòng tôi chùn lại với ký ức ngày xưa!

Những ngày tôi được về Núi Đồi với Cha, với những kỷ niệm thật êm đềm của tuổi thơ trên bờ đê mà Cha đã mang lại cho tôi. Nhưng hôm nay tôi trở về Núi Đồi thì Cha tôi đã mất! Và chỉ còn lại nắm mỏ nằm hiu quạnh bên cạnh Núi Đồi!

Đã bao nhiêu năm rồi, hôm nay tôi được ngồi bên Cha. Gò má ở Núi Đồi và đường rầy xe lửa ngày xưa bây giờ đã lu mờ trong tôi, tôi không còn đi lượm đá xanh để khè bi, không còn được ôm chân Cha sợ hãi nhìn đoàn tàu chạy qua trước mặt. Tôi chỉ ngồi đây với một trời thương nhớ, Cha tôi. Thời gian đã trôi qua rồi, đứa bé năm tuổi trong tôi bây giờ đang gục đầu hoài niệm hình ảnh người Cha thân yêu qua hương khói một buổi chiều. Và lúc nào cũng tự hào ở nơi Cha, con đã lớn khôn.

Nhịp cầu đã gãy

Mặt trời vừa ló dạng, người thiếu nữ ôm đứa bé ra đường đón xe. Chiếc xe đồ ù ù từ Cỏ Đô chạy về phương Nam. Người thiếu nữ đưa chiếc nón lá ra làm dấu cho xe ngừng lại, chiếc xe đồ thảng gập. Lơ xe hối hả kéo người thiếu nữ tay bằng đứa con bước lên xe rồi vỗ vào thành xe cái đùng, chiếc xe đồ lại nhà khói đen, tiếp tục lăn bánh.

Người thiếu nữ trẻ, đẹp, mặt u buồn bỗng con đi thẳng xuống cuối xe. Tiếng xe ầm ầm, mỗi lần chạy qua ổ gà xe lại xóc mạnh làm đứa bé quậy người, phát ra tiếng khóc. “Ừ ừ. Ừ ơ, ví dầu cầu ván đóng đinh...” Người thiếu nữ khẽ ru đứa bé trên tay; “Ngủ, ngủ đi con. Ngoan đi rồi mai này cha con “học xong” sẽ về với mẹ con mình.” Đứa bé đang bị bệnh, mệt, và thiếp dần trong vòng tay mẹ.

Lơ xe đến lấy tiền vé. Người thiếu nữ trẻ đẹp mò mãi trong túi, đếm mãi một hồi được năm chục ngàn đồng, nàng nói:

“Anh lấy ba chục, còn để lại cho em hai chục mua sữa cho con, nhé.”

“Cô nói sao! Từ đây vào thành phố mà trả có ba chục thôi à, cô xuống xe đi.”

“Anh lấy tạm đi rồi vào thành phố em trả thêm, chứ bi giờ hết tiền rồi.”

“Vào thành phố biết cô đâu mà đòi, cô đợi đây đi, tui sẽ trở lại. Bực chết đi.”

Người thiếu nữ mệt mỏi, ngã đầu tựa bên song cửa. Nàng vừa khép đôi mi thì bên tai văng vẳng nghe những lời chửi rủa, như người điên, của bà mẹ chồng chiều qua:

“Cô phải rời khỏi nơi đây ngay. Thời buổi này ai nuôi ai, cô phải tự đi làm nuôi thân lấy chứ. Ăn cơm độn bo bo mà cũng không có để ăn kìa, cô không thấy sao. Cô nói sao, nhân nghĩa à, ồ, nhân với nghĩa cái con khi mốc, khi cha đi làm không đủ hột cơm trải trên bàn thì con nó cũng đói rách bao tử, lấy gì để kính nể chứ. Cái khăn lau mặt đen như cái đít nồi mà ở đó nói nhân nghĩa, hừ. Cô hỏi tui tại sao hả? Tui hông biết, cái xã hội bây giờ nó như vậy đó, cô ra đình làng kia mà hỏi.”

Đuối xong bà mẹ chồng nằm dài xuống đất, ôm đầu khóc hu hu như đứa con nít!

Chiếc xe đồ chạy mãi khi đến Cà Ná thì mặt trời lên cao gần nửa ngày. Xe ngừng lại cho khách vào nhà hàng ăn uống. Riêng người thiếu nữ, vẫn ôm con ngồi phía sau xe.

Nửa giờ sau mọi người trở lại, thấy người thiếu nữ buồn rầu ôm con mắt dầm dề lệ rơi. Khi hỏi ra thì biết đứa bé trong cơn bệnh đã chết trên tay người mẹ. Tài xế thấy vậy liền bảo người thiếu nữ bồng con xuống. Nói mãi người thiếu nữ vẫn không chịu xuống. Người tài xế nổi cơn nóng giận:

“Cô không xuống thì xe tui sẽ không chạy.”

Người thiếu nữ nước mắt lưng tròng trả lời:

“Tui trả tiền đàng hoàng sao lại đuối xuống, bắt tui xuống nơi đây làm sao tui lo cho con tui.”

“Trả tiền, cô trả bao nhiêu, đoạn đường dài như vậy mà trả chỉ có ba chục nghìn, tui trả lại tiền cô đây. Xe chở người chết xui lắm, tui không cho cô đi nữa.”

Xe đậu tại chỗ, hai bên dần co mãi, người thiếu nữ vẫn ôm cứng xác con trong tay. Những người hành khách nãy giờ làm thinh, bây giờ cũng lên tiếng, bảo:

“Cô xuống đi để tui còn lên đường chứ. Ngồi đây hoài trẻ nãi công chuyện làm sao. Xui thiệt.”

Dường như không ai có lòng thương hại người người mẹ đau khổ!

“Mấy người làm ơn cho tui vô thành phố đi, ở đây tui không có ai mà tiền cũng không có, tội cho con tui lắm, nó chết mà không có chỗ nằm. Tui van xin mà.”

Người tài xế nhất định không chịu và cuối cùng những người trong xe đồng lòng ép người thiếu nữ bồng con xuống xe.

Người thiếu nữ đành ôm xác con đi về triền đồi bên cạnh quốc lộ 1. Nơi có những tảng đá to, bằng phẳng, nằm trên độ cao nhìn ra biển Cà Ná. Người thiếu nữ đặt con nằm trên tảng đá, lấy lá cây và sỏi xây thành một nấm mồ tạm trên tảng đá lớn. Nàng nhìn con thương xót, rồi khóc, khóc thật nhiều. Khi chiều về, gió lạnh, người thiếu nữ xinh đẹp cởi chiếc áo gió phi công của chồng đắp lên mộ con. Nàng đi lượm những cành cây nhỏ đem về đốt bên mộ sưởi ấm cho con. Khi những ngọn lửa bùng cháy người thiếu nữ lại thấy hình bóng đứa con ngoan nọ đùa trong làn khói. Và cảnh gia đình ấm cúng lại hiện ra: Người mẹ chồng hiền lành, ngày ngày lo cơm nước cho chồng con, và những buổi chiều, người cha trở về ngồi bên mâm cơm quay quần bên đàn con ngoan hiền. Nhưng khi ánh lửa tắt đi, những hình ảnh thương yêu lại

biến mất. Nàng lại đem củi về đốt và hình ảnh chồng con lại xuất hiện. Lửa cháy càng to nàng càng say mê trong cảnh người người đùm bọc, che chở thương yêu nhau. Hình ảnh người chồng thương yêu đang giang tay ôm nàng và đưa con ngoan vào lòng, rồi nàng thiếp đi khi ánh lửa vẫn cháy.

Sáng hôm sau tỉnh dậy đồng tro tàn trên tảng đá đêm qua đã biến mất. Chiếc áo gió phi công nàng đắp cho con cũng bị gió thổi bay đi. Nàng sờ lên thân hình đưa con thân yêu muốn ôm vào lòng lần cuối. Nàng lay mạnh nhưng hình hài đưa con không nhúc nhích. Nàng cúi xuống nhìn kỹ thì ra thân xác đưa bé đã dính liền vào tảng đá! Sắc mặt nàng biến đổi liên hồi từ xanh ra đỏ trở lại xanh rồi lại đỏ. Nhìn mặt con như đang say trong giấc ngủ, người thiếu nữ đi gom góp những hòn đá nhỏ đắp lên tảng đá lớn làm thành mộ, miệng thì thầm vái trời đất và nói:

“Có lẽ con đã chọn nơi này để an nghỉ.”

Rồi người thiếu nữ ra đi.

Ngày nay, mỗi lần đi ngang qua Cà Ná khách thập phương sẽ nhìn thấy ngôi đền thờ, mái ngói nằm bên tảng đá lớn nơi triền núi nhìn ra biển. Và hằng ngày những đưa trẻ mục đồng thường lân la nô đùa bên ngôi mộ.

30 tháng 12, 2008.